

TTĐ

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 262/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 01 tháng 4 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Kế hoạch thực hiện Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia
thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050**

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ	
ĐẾN	Giờ:.....C.....
	Ngày: 02.14.12.024.....

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Điện lực ngày 03 tháng 12 năm 2004; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực ngày 20 tháng 11 năm 2012; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 15 tháng 6 năm 2018; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 09 luật có liên quan đến đầu tư ngày 11 tháng 01 năm 2022;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017; Luật sửa đổi một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch; Nghị định số 58/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch;

Căn cứ Nghị định số 137/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Điện lực và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực;

Căn cứ Nghị quyết số 81/2023/QH15 ngày 09 tháng 01 năm 2023 của Quốc hội về Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Nghị quyết số 90/NQ-CP ngày 16 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ triển khai thực hiện Nghị quyết số 81/2023/QH15 của Quốc hội về Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 500/QĐ-TTg ngày 15 tháng 5 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Theo đề nghị của Bộ Công Thương tại các Tờ trình số 644/TTr-BCT ngày 26/01/2024, Tờ trình số 1345/TTr-BCT ngày 01 tháng 3 năm 2024 về việc Ban hành Kế hoạch thực hiện Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

QUYẾT ĐỊNH:

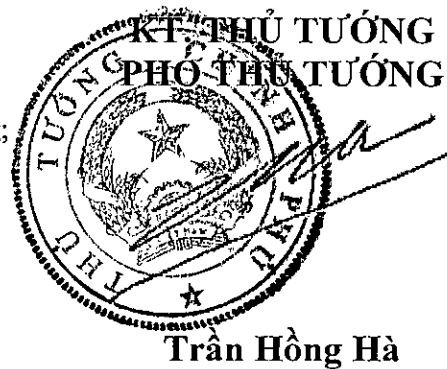
Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch thực hiện Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (gọi tắt là Kế hoạch thực hiện Quy hoạch điện VIII).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc các Tập đoàn: Điện lực Việt Nam, Dầu khí Việt Nam, Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam; Chủ tịch, Tổng giám đốc Tổng công ty Đông Bắc và các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Các Tập đoàn: Điện lực Việt Nam, Dầu khí Việt Nam, Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam;
- Tổng công ty Đông Bắc;
- Viện Năng lượng;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ: KTTH, QHĐP, QHQT;
- Lưu: VT, CN (2).





KẾ HOẠCH

**Thực hiện Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia
thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050**

*(Kèm theo Quyết định số 262/QĐ-TTg
ngày 01 tháng 4 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)*

I. MỤC ĐÍCH VÀ YÊU CẦU

1. Mục đích

- Triển khai thực hiện có hiệu quả Quyết định số 500/QĐ-TTg ngày 15 tháng 5 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn tới năm 2050 (Quy hoạch điện VIII). Xây dựng lộ trình tổ chức thực hiện có hiệu quả các đề án/dự án đáp ứng các mục tiêu đã đề ra của Quy hoạch điện VIII, đáp ứng nhu cầu điện cho phát triển kinh tế - xã hội theo từng thời kỳ, đảm bảo điện đi trước một bước.

- Thực hiện chuyển dịch năng lượng mạnh mẽ từ nhiên liệu hóa thạch sang các nguồn năng lượng mới, năng lượng tái tạo để giảm ô nhiễm môi trường, giảm phát thải khí nhà kính, góp phần hướng tới các mục tiêu đã cam kết theo Đóng góp do quốc gia tự quyết định và mục tiêu phát thải ròng bằng “0” vào năm 2050 của Việt Nam.

- Xác định các giải pháp thu hút đầu tư phát triển điện lực theo Quy hoạch điện VIII trong thời kỳ quy hoạch; cơ chế phối hợp giữa các Bộ, ngành và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trong việc triển khai thực hiện.

- Định hướng cho các Bộ, ngành và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trong việc phối hợp với Bộ Công Thương và các đơn vị liên quan để thực hiện hiệu quả Quy hoạch điện VIII.

2. Yêu cầu

- Kế hoạch thực hiện Quy hoạch điện VIII phải bám sát mục tiêu, định hướng của Quy hoạch điện VIII, cụ thể hóa được các nhiệm vụ được giao tại Quyết định số 500/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

- Đảm bảo phát triển nguồn điện cân đối theo vùng, miền, hướng tới cân bằng cung - cầu nội vùng; đảm bảo tính khả thi, đồng bộ và linh hoạt trong phát triển nguồn/lưới điện phù hợp với bối cảnh, nguồn lực quốc gia.

- Xác định cụ thể tiến độ và nguồn lực thực hiện các đề án/dự án ưu tiên về hoàn thiện chính sách, pháp luật, tăng cường năng lực khoa học công nghệ của ngành điện trong thời kỳ quy hoạch.

- Xác định cụ thể danh mục, tiến độ các dự án nguồn điện, lưới điện quan trọng, ưu tiên của ngành điện bao gồm lưới điện liên kết khu vực trong thời kỳ quy hoạch; danh mục, tiến độ các dự án năng lượng tái tạo (thủy điện nhỏ, điện gió trên bờ, điện sinh khối, điện sản xuất từ rác...) cho từng địa phương tới năm 2025.

- Huy động tối đa các nguồn lực và sự tham gia của các thành phần kinh tế để phát triển điện lực.

- Đảm bảo tính tuân thủ, kế thừa, đồng bộ với các quy hoạch ngành/kế hoạch thực hiện quy hoạch cấp quốc gia được duyệt, đảm bảo tính liên kết, thống nhất trong thực hiện.

II. NỘI DUNG KẾ HOẠCH THỰC HIỆN QUY HOẠCH ĐIỆN VIII

1. Danh mục các dự án nguồn điện quan trọng, ưu tiên đầu tư của ngành tới năm 2030

- Tổng công suất nhiệt điện khí trong nước là 14.930 MW. Danh mục các dự án đầu tư xây dựng mới và tiến độ vận hành tại Bảng 1 Phụ lục III.

- Tổng công suất nhiệt điện LNG là 22.400 MW. Danh mục các dự án đầu tư xây dựng mới và tiến độ vận hành tại Bảng 2 Phụ lục III.

- Tổng công suất nhiệt điện than là 30.127 MW. Danh mục các dự án đầu tư xây dựng mới và tiến độ vận hành tại Bảng 3 Phụ lục III.

- Tổng công suất nguồn điện đồng phát, nguồn điện sử dụng nhiệt dư, khí lò cao, sản phẩm phụ của dây chuyền công nghệ là 2.700 MW. Danh mục các dự án cần đầu tư xây dựng mới và tiến độ vận hành tại Bảng 5 Phụ lục III.

- Tổng công suất thủy điện là 29.346 MW. Danh mục dự án thủy điện vừa và lớn cần đầu tư xây dựng mới và tiến độ vận hành tại Bảng 6 Phụ lục III.

- Tổng công suất thủy điện tích năng là 2.400 MW. Danh mục dự án cần đầu tư xây dựng mới và tiến độ vận hành tại Bảng 7 Phụ lục III.

2. Công suất nguồn điện năng lượng tái tạo của các địa phương/vùng và danh mục các dự án nguồn điện tới năm 2030

- Tổng công suất điện gió ngoài khơi là 6.000 MW. Công suất điện gió ngoài khơi theo vùng tại Bảng 1, Phụ lục II.

- Tổng công suất điện gió trên bờ (điện gió trên đất liền và gần bờ) là 21.880 MW. Danh mục các dự án điện gió trên bờ tại Bảng 9, Phụ lục III.

- Tổng công suất thủy điện là 29.346 MW. Danh mục các dự án thủy điện nhỏ xây dựng mới tại Bảng 10, Phụ lục III.

- Tổng công suất điện sinh khối là 1.088 MW. Danh mục các dự án điện sinh khối xây dựng mới tại Bảng 11, Phụ lục III.

- Tổng công suất điện sản xuất từ rác là 1.182 MW. Danh mục các dự án điện sản xuất từ rác xây dựng mới tại Bảng 12, Phụ lục III.

- Tổng công suất điện mặt trời mái nhà (tự sản, tự tiêu) tăng thêm là 2.600 MW. Kết quả phân bổ điện mặt trời mái nhà theo tỉnh tại Bảng 6, Phụ lục II. Việc phát triển điện mặt trời mái nhà thực hiện theo quy định pháp luật về phát triển điện mặt trời mái nhà, phù hợp với quy mô công suất được phê duyệt.

- Tổng công suất pin lưu trữ là 300 MW. Danh mục dự án đầu tư xây dựng mới tại Bảng 8 Phụ lục III. Ưu tiên phát triển các dự án điện năng lượng tái tạo kết hợp đầu tư pin lưu trữ. Công suất pin lưu trữ của nhà máy điện năng lượng tái tạo không tính vào công suất của dự án nguồn điện, không tính vào cơ cấu công suất pin lưu trữ của hệ thống điện (đến năm 2030 là 300 MW).

3. Các loại hình nguồn điện khác tới năm 2030

- Dự kiến phát triển 300 MW các nguồn điện linh hoạt. Ưu tiên phát triển tại các khu vực có khả năng thiếu hụt công suất dự phòng; tận dụng hạ tầng lưới điện sẵn có.

- Dự kiến nhập khẩu điện khoảng 5.000 MW từ Lào, có thể tăng lên 8.000 MW khi có điều kiện thuận lợi với giá điện hợp lý để tận dụng tiềm năng nguồn điện xuất khẩu của Lào. Bộ Công Thương báo cáo Thủ tướng xem xét, quyết định chủ trương nhập khẩu và phương án lưới điện đấu nối đồng bộ đối với từng dự án cụ thể.

- Nguồn điện năng lượng tái tạo phục vụ xuất khẩu, sản xuất năng lượng mới như sau:

+ Những vị trí có tiềm năng xuất khẩu điện ra nước ngoài là khu vực miền Trung và miền Nam. Quy mô xuất khẩu từ 5.000 MW đến 10.000 MW khi có các dự án khả thi. Bộ Công Thương báo cáo các cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định chủ trương xuất khẩu điện và phương án lưới điện đấu nối đồng bộ đối với từng trường hợp cụ thể, phù hợp với quy định của pháp luật.

+ Sử dụng năng lượng tái tạo để sản xuất các loại năng lượng mới (như hydro xanh, amoniac xanh) phục vụ nhu cầu trong nước và xuất khẩu: Ưu tiên phát triển tại các khu vực có tiềm năng năng lượng tái tạo tốt, cơ sở hạ tầng lưới điện thuận lợi; quy mô phát triển phấn đấu đạt 5.000 MW (chủ yếu là nguồn điện gió ngoài khơi). Bộ Công Thương báo cáo, kiến nghị Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết

định với từng dự án cụ thể khi đã cơ bản đánh giá được tính khả thi về công nghệ và giá thành. Công suất nguồn năng lượng tái tạo để sản xuất năng lượng mới không tính vào cơ cấu nguồn điện cung cấp cho phụ tải hệ thống điện quốc gia.

4. Danh mục các dự án lưới điện truyền tải và liên kết lưới điện khu vực

Danh mục các dự án lưới điện truyền tải quan trọng, ưu tiên đầu tư, lưới điện liên kết với các nước láng giềng nêu tại Phụ lục V.

Khối lượng “lưới điện dự phòng phát sinh các đường dây và trạm biến áp” có trong Phụ lục V được phép sử dụng để:

(i) Triển khai các dự án lưới điện truyền tải xây dựng mới hoặc các công trình đầu tư bổ sung mới để nâng cao năng lực lưới điện truyền tải, khả năng điều khiển và vận hành hệ thống điện trong quá trình thực hiện Quy hoạch điện VIII nhưng chưa có danh mục cụ thể tại Quyết định số 500/QĐ-TTg.

(ii) Đấu nối đồng bộ các dự án nguồn điện nhập khẩu (từ Lào, Trung Quốc...) vào hệ thống điện Việt Nam.

(iii) Đấu nối đồng bộ (cấp điện áp 220 kV trở lên) các dự án nguồn điện năng lượng tái tạo (điện gió trên bờ, điện sinh khối, điện sản xuất từ rác...) trong Kế hoạch thực hiện Quy hoạch điện VIII với hệ thống điện quốc gia.

Giao Bộ Công Thương xem xét, báo cáo Thủ tướng Chính phủ để thống nhất khi triển khai các dự án cụ thể.

5. Chương trình phát triển điện nông thôn, miền núi và hải đảo

(i) Cấp điện lưới quốc gia hoặc các nguồn điện năng lượng tái tạo khoảng 911.400 hộ dân (trong đó, khoảng 160.000 hộ dân chưa có điện, 751.400 hộ dân cần cải tạo) của 14.676 thôn bản trên địa bàn 3.099 xã, trong đó, số xã khu vực biên giới và đặc biệt khó khăn là 1.075 xã (43 tỉnh) thuộc các tỉnh, thành phố Điện Biên, Lào Cai, Yên Bái, Hà Giang, Bắc Giang, Sơn La, Hòa Bình, Tuyên Quang, Thái Nguyên, Thanh Hóa, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Kon Tum, Đắk Nông, Đắk Lắk, Bạc Liêu, An Giang, Cần Thơ, Cao Bằng, Lai Châu, Bắc Kạn, Lạng Sơn, Nghệ An, Thừa Thiên – Huế, Bình Định, Phú Yên, Gia Lai, Lâm Đồng, Bình Thuận, Bình Phước, Tây Ninh, Bến Tre, Trà Vinh, Kiên Giang, Sóc Trăng, Long An, Tiền Giang, Vĩnh Long, Đồng Tháp, Hậu Giang, Cà Mau; khu vực còn lại là 2.024 xã;

(ii) Cấp điện 2.478 trạm bơm quy mô vừa và nhỏ (13 tỉnh) khu vực đồng bằng sông Cửu Long thuộc các tỉnh, thành phố Bến Tre, Trà Vinh, An Giang, Kiên Giang, Cần Thơ, Bạc Liêu, Sóc Trăng, Long An, Tiền Giang, Vĩnh Long, Đồng Tháp, Hậu Giang, Cà Mau, kết hợp cấp điện cho nhân dân;

(iii) Cấp điện lưới quốc gia hoặc các nguồn điện năng lượng tái tạo cho các đảo còn lại: Đảo Cồn Cỏ tỉnh Quảng Trị; Đảo Thổ Châu, An Sơn - Nam Du tỉnh Kiên Giang; Huyện đảo Côn Đảo, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Danh mục các tỉnh/dự án thành phần trong Chương trình nêu tại Phụ lục IV.

6. Kế hoạch phát triển hệ sinh thái công nghiệp và dịch vụ về năng lượng tái tạo

Nghiên cứu xây dựng 02 trung tâm công nghiệp, dịch vụ năng lượng tái tạo liên vùng trong giai đoạn tới năm 2030 như sau:

- Trung tâm công nghiệp, dịch vụ năng lượng tái tạo tại Bắc Bộ.

+ Vị trí: Tại khu vực Hải Phòng, Quảng Ninh, Thái Bình, ... Trong tương lai có thể xem xét mở rộng ra các khu vực lân cận.

+ Quy mô: Điện gió ngoài khơi khoảng 2.000 MW, điện gió trên bờ và ven bờ khoảng 500 MW.

+ Các nhà máy chế tạo thiết bị phục vụ phát triển năng lượng tái tạo, dịch vụ cảng biển, hậu cần phục vụ xây lắp, vận hành, bảo dưỡng.

+ Các khu công nghiệp xanh, phát thải các bon thấp.

+ Các cơ sở nghiên cứu, đào tạo.

- Trung tâm công nghiệp, dịch vụ năng lượng tái tạo liên vùng Nam Trung Bộ - Nam Bộ.

+ Vị trí: Tại khu vực Ninh Thuận, Bình Thuận, Bà Rịa - Vũng Tàu, TP. Hồ Chí Minh, ... Trong tương lai có thể xem xét mở rộng ra các khu vực lân cận.

+ Quy mô: Điện gió ngoài khơi khoảng 2.000-2.500 MW, điện gió trên bờ và ven bờ khoảng 1.500-2.000 MW.

+ Các nhà máy chế tạo thiết bị phục vụ phát triển năng lượng tái tạo, dịch vụ cảng biển, hậu cần phục vụ xây lắp, vận hành, bảo dưỡng.

+ Các khu công nghiệp xanh, phát thải các bon thấp.

+ Các cơ sở nghiên cứu, đào tạo.

7. Danh mục các đề án/dự án ưu tiên về hoàn thiện chính sách pháp luật và tăng cường năng lực của ngành điện

Danh mục các đề án/dự án ưu tiên về hoàn thiện chính sách pháp luật và tăng cường năng lực của ngành điện tại các Bảng 1, 2, 3 Phụ lục I.

8. Nhu cầu sử dụng đất tới năm 2030

Tổng nhu cầu sử dụng đất cho nguồn và lưới điện truyền tải toàn quốc khoảng gần 90,3 nghìn ha.

9. Nhu cầu vốn đầu tư tới năm 2030

- Vốn đầu tư công:

+ Nhu cầu vốn đầu tư cho các đề án/dự án ưu tiên về hoàn thiện chính sách pháp luật và tăng cường năng lực của ngành điện khoảng 50 tỷ đồng.

+ Nhu cầu vốn đầu tư cho chương trình cấp điện nông thôn miền núi và hải đảo khoảng 29.779 tỷ đồng. Hiện nay, cân đối được khoảng 8.915,6 tỷ đồng (chiếm 30%), trong đó vốn ngân sách Trung ương cân đối được 7.351,9 tỷ đồng, vốn các địa phương và EVN khoảng 1.563,7 tỷ đồng. Vốn chưa cân đối được khoảng 20.857 tỷ đồng (chiếm 70%).

- Vốn khác ngoài vốn đầu tư công:

Toàn bộ vốn đầu tư cho các dự án đầu tư nguồn và lưới điện truyền tải sử dụng các nguồn vốn khác ngoài vốn đầu tư công. Tổng vốn đầu tư ước tính 3.223 nghìn tỷ đồng (tương đương 134,7 tỷ USD), trong đó đầu tư phần nguồn điện khoảng 2.866,5 nghìn tỷ đồng (119,8 tỷ USD) và đầu tư phần lưới điện truyền tải khoảng 356,5 nghìn tỷ đồng (14,9 tỷ USD).

+ Vốn đầu tư giai đoạn 2021-2025: 1.366,2 nghìn tỷ đồng (57,1 tỷ USD), trong đó nguồn điện 1.150,9 nghìn tỷ đồng (48,1 tỷ USD), lưới truyền tải 215,3 nghìn tỷ đồng (9,0 tỷ USD).

+ Vốn đầu tư giai đoạn 2026-2030: 1.856,7 nghìn tỷ đồng (77,6 tỷ USD), trong đó nguồn điện 1.715,6 nghìn tỷ đồng (71,7 tỷ USD), lưới truyền tải 141,2 nghìn tỷ đồng (5,9 tỷ USD).

10. Giải pháp thực hiện quy hoạch

Các giải pháp thực hiện quy hoạch được thực hiện theo Phần VI, Điều 1 của Quyết định số 500/QĐ-TTg.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Bộ Công Thương

- Bộ Công Thương chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật và trước Thủ tướng Chính phủ về các nội dung đề xuất, kiến nghị phê duyệt Kế hoạch thực hiện Quy hoạch điện VIII, trong đó nội dung Kế hoạch phải bám sát các mục tiêu của Quy hoạch điện VIII đã được phê duyệt, đồng thời phải đáp ứng yêu cầu tổng thể, tối ưu, hiệu quả, đúng quy định của pháp luật và việc triển khai thực hiện Kế hoạch phải bảo đảm vững chắc cung ứng đủ điện cho quốc gia và các vùng, miền theo dự báo nhu cầu điện hàng năm.

- Thực hiện tốt công tác truyền thông, phổ biến thông tin về Kế hoạch thực hiện Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn tới năm 2050 tới các địa phương, cơ quan, tổ chức liên quan, nhà đầu tư, đối tác phát triển trong nước và quốc tế để tạo sự thống nhất về tầm nhìn, mục tiêu, định hướng phát triển điện lực.

- Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành tổ chức thực hiện Kế hoạch hiệu quả tuân thủ theo đúng quy định của Luật Quy hoạch và pháp luật có liên quan, đảm bảo cung cấp đủ điện cho phát triển kinh tế - xã hội. Đối với các dự án đã được phê duyệt chủ trương đầu tư hoặc đã quyết định đầu tư nhưng nếu đang trong quá trình thanh tra, kiểm tra, điều tra, kiểm toán, thi hành bản án (nếu có) thì chỉ được tiếp tục triển khai thực hiện sau khi đã thực hiện đầy đủ theo các kết luận thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, điều tra và thi hành án (nếu có) và phải được cấp thẩm quyền chấp thuận theo quy định của pháp luật.

- Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương để sửa đổi các quy định của luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả để tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trong việc giảm cường độ năng lượng của nền kinh tế, ban hành chế tài và các tiêu chuẩn, quy chuẩn bắt buộc về sử dụng hiệu quả năng lượng. Dự kiến hoàn thành giai đoạn 2026-2030.

- Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương để hoàn thiện cơ chế điều hành giá điện theo cơ chế thị trường có sự điều tiết của Nhà nước, bảo đảm kết hợp hài hòa giữa các mục tiêu chính trị - kinh tế - xã hội của Nhà nước và mục tiêu sản xuất kinh doanh, tự chủ tài chính của các doanh nghiệp ngành điện; cải tiến và hoàn thiện biểu giá điện hiện hành.

- Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương nghiên cứu, hoàn thiện trình cấp có thẩm quyền ban hành khung giá cho các loại hình nguồn điện nhất là nguồn năng lượng tái tạo. Dự kiến tiến độ hoàn thành trong năm 2025.

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan xây dựng và ban hành khung giá cho các loại hình nguồn điện nhập khẩu từ Lào; xây dựng giá truyền tải cho các dự án lưới truyền tải đầu tư theo hình thức xã hội hóa nhằm khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia đầu tư hạ tầng lưới điện.

- Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, cơ quan liên quan rà soát, bổ sung, hoàn thiện các văn bản quy phạm pháp luật về năng lượng có nguồn gốc hydrogen theo quy định nhằm tạo thuận lợi cho phát triển năng lượng có nguồn gốc hydrogen, khuyến khích các hộ tiêu thụ chuyển đổi công nghệ sang sử dụng năng lượng có nguồn gốc hydrogen.

- Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương nghiên cứu, ban hành các quy định kiểm soát chặt chẽ tiến độ các dự án nguồn và lưới điện, xác định trách nhiệm cụ thể các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan đối với các dự án chậm tiến độ; có chế tài xử lý, thu hồi các dự án chậm tiến độ.

- Chủ trì, nghiên cứu xây dựng báo cáo những khó khăn vướng mắc trong quá trình thực hiện Kế hoạch Quy hoạch điện VIII.

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan xây dựng thị trường dịch vụ phụ trợ, hoàn thiện các quy định về thị trường dịch vụ phụ trợ, các quy định về giá dịch vụ phụ trợ phù hợp để khuyến khích các nhà máy điện tham gia cung cấp dịch vụ phụ trợ nhằm đảm bảo độ tin cậy cung cấp điện cho hệ thống. Dự kiến hoàn thành trong năm 2025.

- Phối hợp với UBND các địa phương có dự án điện mặt trời tập trung đã giao chủ đầu tư để rà soát, đánh giá và tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định triển khai tới năm 2030.

- Phối hợp với các địa phương có các dự án nguồn điện khí tự nhiên, khí LNG để đôn đốc các chủ đầu tư dự án khẩn trương triển khai, đảm bảo đúng tiến độ đưa vào vận hành; đề xuất giải pháp để đảm bảo cung ứng điện cho phát triển kinh tế - xã hội.

- Hàng năm, Bộ Công Thương phối hợp với các địa phương để rà soát, báo cáo tình hình phát triển điện lực, đề xuất danh mục dự án thay thế các dự án chậm tiến độ.

- Chủ trì, phối hợp với các địa phương khẩn trương rà soát đối với phân công suất nguồn điện còn thiếu để hoàn thiện danh mục các dự án phát triển trong thời kỳ quy hoạch trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt trước ngày 30 tháng 4 năm 2024.

2. Bộ Kế hoạch và Đầu tư

- Nghiên cứu đề xuất cấp thẩm quyền ban hành quy định về thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư đối với các dự án điện gió ngoài khơi, các dự án sản xuất hydrogen/amoniac sử dụng điện gió ngoài khơi, dự án xuất khẩu điện gió ngoài khơi.

- Phối hợp xây dựng cơ chế đấu thầu công khai, minh bạch để lựa chọn các chủ đầu tư thực hiện các dự án điện, hướng dẫn các địa phương thực hiện.

- Khẩn trương nghiên cứu, sửa đổi Luật Quy hoạch để khắc phục các vướng mắc trong quá trình phát triển điện lực.

3. Bộ Tài chính

- Phối hợp với Bộ Công Thương xây dựng các chính sách về giá điện theo cơ chế thị trường.

- Phối hợp với Bộ Công Thương nghiên cứu, xây dựng và ban hành hoặc trình các cấp có thẩm quyền ban hành các cơ chế tài chính, cơ chế giá điện, cơ chế khuyến khích để hỗ trợ thực hiện.

4. Ngân hàng Nhà nước, các Bộ, ngành khác, Ủy ban quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp

Thực hiện đầy đủ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn để triển khai đúng tiến độ các dự án trong Kế hoạch thực hiện Quy hoạch điện VIII đảm bảo đúng tiến độ, đúng quy định của pháp luật; đề xuất chính sách, các giải pháp tháo gỡ vướng mắc để thực hiện hiệu quả các mục tiêu của quy hoạch, đảm bảo thống nhất, đồng bộ với việc thực hiện Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021-2030, các kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của từng ngành và địa phương.

5. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật và trước Thủ tướng Chính phủ về tính trung thực, chính xác đối với thông tin, số liệu và nội dung đề xuất các dự án năng lượng tái tạo trên địa bàn đưa vào Kế hoạch thực hiện Quy hoạch điện VIII theo đúng các nội dung hướng dẫn của Bộ Công Thương, bảo đảm các yêu cầu pháp lý của các dự án có thể triển khai khả thi, hiệu quả và không được hợp thức hóa các sai phạm.

- Rà soát Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn tới năm 2050 đảm bảo thống nhất, đồng bộ với Kế hoạch thực hiện Quy hoạch điện VIII.

- Phối hợp với Bộ Công Thương và các bộ, cơ quan liên quan tổ chức thực hiện Kế hoạch thực hiện Quy hoạch điện VIII theo đúng chức năng, thẩm quyền.

- Tổ chức thực hiện việc lựa chọn chủ đầu tư các dự án điện theo quy định của pháp luật. Đối với các dự án nhiệt điện sử dụng LNG chưa có chủ đầu tư, khẩn trương hoàn thành lựa chọn chủ đầu tư, đẩy nhanh tiến độ lập và trình báo cáo nghiên cứu khả thi của dự án, hoàn thành trong quý II năm 2025.

- Khẩn trương rà soát các dự án điện mặt trời tập trung đã được phê duyệt quy hoạch, đã được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư và giao chủ đầu tư theo Quyết định số 500/QĐ-TTg và Thông báo 453/TB-VPCP ngày 03 tháng 11 năm 2023, có văn bản gửi Bộ Công Thương khẳng định về tính pháp lý, sự phù hợp với các quy hoạch, kế hoạch trên địa bàn, trong đó có sự phù hợp với quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch rừng, quy hoạch khoáng sản và các quy hoạch khác trên địa bàn làm cơ sở để Bộ Công Thương lựa chọn, đề xuất Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

- Bố trí quỹ đất cho phát triển các công trình điện theo quy định của pháp luật; chủ trì, phối hợp chặt chẽ với các chủ đầu tư thực hiện việc giải phóng mặt bằng, bồi thường, di dân, tái định cư cho các dự án nguồn điện, lưới điện theo quy định.

- Trước khi thẩm định, phê duyệt Chủ trương đầu tư các dự án nguồn điện chưa có trong danh mục dự án quan trọng, ưu tiên của ngành điện, lấy ý kiến Bộ Công Thương và các cơ quan liên quan về sự phù hợp với quy hoạch.

- Rà soát, hoàn thành việc cung cấp/bổ sung số liệu, đề xuất các dự án nguồn điện bám sát các tiêu chí do Bộ Công Thương hướng dẫn, phù hợp với quy mô công suất đã được phân bổ, thực hiện nghiêm các chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ tuyệt đối không hợp thức hóa các sai phạm và chịu trách nhiệm trước pháp luật và Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ và gửi Bộ Công Thương trước ngày 15 tháng 4 năm 2024

6. Tập đoàn Điện lực Việt Nam

- Giữ vai trò chính trong việc đảm bảo cung cấp điện ổn định, an toàn cho phát triển kinh tế - xã hội.

- Thường xuyên rà soát, đánh giá cân đối cung - cầu điện, tình trạng vận hành hệ thống điện toàn quốc và khu vực, báo cáo các cấp có thẩm quyền.

- Thực hiện vận hành hệ thống nguồn điện an toàn, thông suốt và hiệu quả tránh để xảy ra thiếu điện trong mọi tình huống.

- Thực hiện đúng tiến độ các dự án nguồn điện/lưới điện truyền tải theo nhiệm vụ được giao. Tập trung mọi nguồn lực để triển khai công trình đường dây 500 kV mạch 3 từ Quảng Trạch (Quảng Bình) ra Phố Nối (Hưng Yên) bảo đảm hoàn thành trong tháng 6/2024. Tập đoàn Điện lực Việt Nam chịu trách nhiệm chính nếu dự án chậm tiến độ, không đảm bảo an ninh cung cấp điện.

- Thực hiện triệt để các giải pháp đổi mới quản trị doanh nghiệp, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, tăng năng suất lao động, giảm tổn thất điện năng, tiết kiệm chi phí, giảm giá thành.

- Nghiên cứu, khảo sát về các điều kiện phát triển điện gió ngoài khơi, sẵn sàng triển khai khi được các cấp có thẩm quyền giao chủ đầu tư.

7. Tập đoàn Dầu khí Việt Nam

- Tăng cường tìm kiếm, thăm dò và khai thác các nguồn khí trong nước để cung cấp cho phát điện, phù hợp với nhu cầu phụ tải điện. Triển khai nhanh, có hiệu quả các mỏ khí Lô B, Cá Voi Xanh, Kèn Bầu... theo tiến độ được duyệt.

- Thực hiện các giải pháp xây dựng cơ sở hạ tầng kho, cảng, kết nối hệ thống khí trong nước và khu vực phục vụ nhập khẩu khí thiên nhiên và LNG để đảm bảo nguồn khí cho các nhà máy điện.

- Thực hiện đúng tiến độ các dự án nguồn điện được giao.

- Nghiên cứu, khảo sát về các điều kiện phát triển điện gió ngoài khơi, sẵn sàng triển khai khi được các cấp có thẩm quyền giao chủ đầu tư.

8. Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam, Tổng công ty Đông Bắc

- Giữ vai trò chính trong việc đảm bảo cung cấp than cho sản xuất điện phù hợp với lộ trình chuyển dịch năng lượng. Trước mắt nâng cao năng lực sản xuất than trong nước, kết hợp với nhập khẩu than để cung cấp nhiên liệu cho các nhà máy điện.

- Đầu tư các dự án nguồn điện theo nhiệm vụ được giao.

Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc trong việc triển khai thực hiện Kế hoạch thực hiện Quy hoạch điện VIII, các Bộ, ngành, địa phương báo cáo Thủ tướng Chính phủ, đồng thời gửi Bộ Công Thương để tổng hợp và báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

9. Đơn vị tư vấn lập Kế hoạch thực hiện Quy hoạch điện VIII

Chịu trách nhiệm toàn diện theo quy định của pháp luật và trước Thủ tướng Chính phủ về:

- Nội dung tính toán, đề xuất của Đề án Kế hoạch thực hiện Quy hoạch điện VIII.

- Phương pháp tính toán, tiêu chí, luận chứng, cơ sở pháp lý trong việc sàng lọc và đề xuất danh mục các dự án.

- Tính trung thực, chính xác, khách quan, khoa học của các đề xuất, tham mưu, cũng như các thông tin, số liệu tổng hợp từ các địa phương, doanh nghiệp.



Phụ lục I

DANH MỤC CÁC ĐỀ ÁN/DỰ ÁN ƯU TIÊN VỀ HOÀN THIỆN CHÍNH SÁCH PHÁP LUẬT VÀ TĂNG CƯỜNG NĂNG LỰC CỦA NGÀNH ĐIỆN

(Kèm theo Kế hoạch tại Quyết định số 262/QĐ-TTg ngày 01 tháng 4 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Bảng 1: Các Đề án/dự án xây dựng và hoàn thiện chính sách, pháp luật

TT	Đề án/dự án	Giai đoạn thực hiện	
		2023-2025	2026-2030
1	Xây dựng khung giá nhập khẩu điện từ Lào	x	
2	Xây dựng khung giá các loại hình nguồn điện	x	
3	Xây dựng cơ chế mua bán điện trực tiếp	x	
4	Xây dựng cơ chế khuyến khích phát triển các dự án điện mặt trời phân tán/áp mái với mục đích tự sản, tự tiêu	x	
5	Xây dựng Luật Điện lực (sửa đổi)	x	
6	Xây dựng Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả (sửa đổi)	x	
7	Xây dựng cơ chế phát triển thị trường tín chỉ các-bon	x	

Bảng 2: Các Đề án/dự án tăng cường năng lực khoa học công nghệ, xây dựng trung tâm nghiên cứu cơ bản, trung tâm phát triển

TT	Đề án/dự án	Giai đoạn thực hiện	
		2023-2025	2026-2030
1	Trung tâm nghiên cứu khoa học - công nghệ năng lượng tái tạo, năng lượng mới	x	x
2	Trung tâm nghiên cứu năng lượng và biến đổi khí hậu	x	x
3	Trung tâm nghiên cứu phát triển điện hạt nhân	x	x
4	Đề án hình thành trung tâm công nghiệp, dịch vụ năng lượng tái tạo liên vùng	x	x

Bảng 3: Các Đề án/dự án đào tạo và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực

TT	Đề án/dự án	Giai đoạn thực hiện	
		2023-2025	2026-2030
1	Đào tạo nhân lực chuyên sâu về công nghệ HVDC, các công nghệ lưới điện thông minh	x	x
2	Đào tạo nhân lực chuyên sâu về công nghệ hydro và các loại hình năng lượng mới	x	x
3	Đào tạo nhân lực chuyên sâu về công nghệ điện gió ngoài khơi	x	x
4	Đào tạo nhân lực chuyên sâu về các công nghệ lưới điện thông minh	x	x
5	Các chương trình trao đổi kinh nghiệm quốc tế về lập quy hoạch năng lượng, vận hành hệ thống điện	x	x
6	Nâng cao năng lực của các cơ sở đào tạo đại học và sau đại học trong lĩnh vực năng lượng tái tạo và chuyển dịch năng lượng	x	x



Phụ lục II
PHÂN BỐ CÔNG SUẤT CÁC NGUỒN ĐIỆN NĂNG LƯỢNG TÁI TẠO
THEO VÙNG/ĐỊA PHƯƠNG
(Kèm theo Kế hoạch tại Quyết định số 262/QĐ-TTg
ngày 01 tháng 4 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Bảng 1: Công suất nguồn điện gió ngoài khơi theo vùng

TT	Tên vùng	Công suất tăng thêm 2023-2030 (MW)
1	Bắc Bộ	2.500
2	Bắc Trung Bộ	0
3	Trung Trung Bộ	500
4	Tây Nguyên	0
5	Nam Trung Bộ	2.000
6	Nam Bộ	1.000
	Tổng công suất	6.000

Bảng 2: Công suất nguồn điện gió trên bờ (trên đất liền và gần bờ) theo địa phương

TT	Vùng/tỉnh	Công suất lũy kế 2022 (MW)	Công suất lũy kế 2030 (MW)	Công suất tăng thêm 2023-2030 (MW)
I	Bắc Bộ	0	3.816	3.816
1	Hà Nội	0	0	0
2	TP. Hải Phòng	0	2,3	2,3
3	Hải Dương	0	0	0
4	Hưng Yên	0	0	0
5	Hà Nam	0	0	0
6	Nam Định	0	0	0
7	Thái Bình	0	70	70
8	Ninh Bình	0	0	0
9	Hà Giang	0	0	0
10	Cao Bằng	0	0	0
11	Lào Cai	0	0	0
12	Bắc Kạn	0	400	400
13	Lạng Sơn	0	1.444	1.444
14	Tuyên Quang	0	0	0
15	Yên Bái	0	200	200
16	Thái Nguyên	0	100	100
17	Phú Thọ	0	0	0
18	Vĩnh Phúc	0	0	0
19	Bắc Giang	0	500	500
20	Bắc Ninh	0	0	0
21	Quảng Ninh	0	400	400

TT	Vùng/tỉnh	Công suất lũy kế 2022 (MW)	Công suất lũy kế 2030 (MW)	Công suất tăng thêm 2023-2030 (MW)
22	Lai Châu	0	0	0
23	Điện Biên	0	300	300
24	Sơn La	0	400	400
25	Hòa Bình	0	0	0
II	Bắc Trung Bộ	252	2.200	1.948
1	Thanh Hóa	0	300	300
2	Nghệ An	0	70	70
3	Hà Tĩnh	0	700	700
4	Quảng Bình	252	1.130	878
III	Trung Trung Bộ	671	1.900	1.229
1	Quảng Trị	671	1.800	1.129
2	Thừa Thiên Huế	0	50	50
3	TP. Đà Nẵng	0	0	0
4	Quảng Nam	0	0	0
5	Quảng Ngãi	0	50	50
IV	Tây Nguyên	1039	4.101	3.062
1	Kon Tum	0	154	154
2	Gia Lai	561	1.842	1.281
3	Đắk Lắk	428	1.375	947
4	Đắk Nông	50	730	680
V	Nam Trung Bộ	944	3.065	2.121
1	Bình Định	77	250	173
2	Phú Yên	0	462	462
3	Khánh Hòa	0	102	102
4	Ninh Thuận	573	1.127	554
5	Bình Thuận	294	907	613
6	Lâm Đồng	0	217	217
VI	Nam Bộ	1080	6.800	5.720
1	TP. Hồ Chí Minh	0	0	0
2	Bình Phước	0	0	0
3	Tây Ninh	0	0	0
4	Bình Dương	0	0	0
5	Đồng Nai	0	0	0
6	Bà Rịa - Vũng Tàu	0	150	150
7	Long An	0	0	0
8	Đồng Tháp	0	0	0
9	An Giang	0	50	50
10	Tiền Giang	50	250	200
11	Vĩnh Long	0	0	0
12	Bến Tre	93	1.100	1.007
13	Kiên Giang	0	137	137

TT	Vùng/tỉnh	Công suất lũy kế 2022 (MW)	Công suất lũy kế 2030 (MW)	Công suất tăng thêm 2023-2030 (MW)
14	TP. Cần Thơ	0	0	0
15	Hậu Giang	0	100	100
16	Trà Vinh	257	1.130	873
17	Sóc Trăng	111	1.613	1.502
18	Bạc Liêu	469	1.210	741
19	Cà Mau	100	1.060	960
	Toàn quốc	3.986	21.880	17.894

Bảng 3: Công suất nguồn thủy điện nhỏ theo địa phương

TT	Vùng/tỉnh	Công suất lũy kế 2022 (MW)	Công suất lũy kế 2030 (MW)	Công suất tăng thêm 2023-2030 (MW)
I	Bắc Bộ	2.881	5.500	2.619
1	Hà Nội	0	0	0
2	TP. Hải Phòng	0	0	0
3	Hải Dương	0	0	0
4	Hưng Yên	0	0	0
5	Hà Nam	0	0	0
6	Nam Định	0	0	0
7	Thái Bình	0	0	0
8	Ninh Bình	0	0	0
9	Hà Giang	305	562	257
10	Cao Bằng	177	298	121
11	Lào Cai	711	940	229
12	Bắc Kạn	22	74	52
13	Lạng Sơn	35	104	69
14	Tuyên Quang	54	82	28
15	Yên Bái	308	582	274
16	Thái Nguyên	2	2	0
17	Phú Thọ	3	3	0
18	Vĩnh Phúc	0	0	0
19	Bắc Giang	0	0	0
20	Bắc Ninh	0	0	0
21	Quảng Ninh	4	4	0
22	Lai Châu	461,8	1.529	1.055
23	Điện Biên	160	471	311
24	Sơn La	588	801	213
25	Hòa Bình	38	48	10
II	Bắc Trung Bộ	412	638	226
1	Thanh Hóa	114	175	61
2	Nghệ An	240	303	63
3	Hà Tĩnh	44	86	42
4	Quảng Bình	14	74	60
III	Trung Trung Bộ	614	1.190	576
1	Quảng Trị	104	197	93
2	Thừa Thiên Huế	118	127	9
3	TP. Đà Nẵng	0	0	0
4	Quảng Nam	206	407	201
5	Quảng Ngãi	186	459	273
IV	Tây Nguyên	799	1.408	609

TT	Vùng/tỉnh	Công suất lũy kế 2022 (MW)	Công suất lũy kế 2030 (MW)	Công suất tăng thêm 2023-2030 (MW)
1	Kon Tum	288	716	428
2	Gia Lai	281	352	71
3	Đắk Lắk	104	138	34
4	Đắk Nông	126	202	76
V	Nam Trung Bộ	511	863	352
1	Bình Định	82	155	73
2	Phú Yên	37	74	37
3	Khánh Hòa	35	47	12
4	Lâm Đồng	255	401	146
5	Ninh Thuận	90	134	44
6	Bình Thuận	12	52	40
VI	Nam Bộ	61	141	80
1	TP. Hồ Chí Minh	0	0	0
2	Bình Phước	37	73	36
3	Tây Ninh	3	3	0
4	Bình Dương	18	18	0
5	Đồng Nai	0	44	44
6	Bà Rịa - Vũng Tàu	3	3	0
7	Long An	0	0	0
8	Đồng Tháp	0	0	0
9	An Giang	0	0	0
10	Tiền Giang	0	0	0
11	Vĩnh Long	0	0	0
12	Bến Tre	0	0	0
13	Kiên Giang	0	0	0
14	TP. Cần Thơ	0	0	0
15	Hậu Giang	0	0	0
16	Trà Vinh	0	0	0
17	Sóc Trăng	0	0	0
18	Bạc Liêu	0	0	0
19	Cà Mau	0	0	0
	Toàn quốc	5.278	9.740	4.462

Bảng 4: Công suất nguồn điện sinh khối theo địa phương

TT	Tỉnh/Thành phố	Công suất lũy kế 2022 (MW)	Công suất lũy kế 2030 (MW)	Công suất tăng thêm 2023-2030 (MW)
I	Bắc Bộ	34	468	434
1	Hà Nội	0	0	0
2	TP. Hải Phòng	0	0	0
3	Hải Dương	0	10	10
4	Hưng Yên	0	0	0
5	Hà Nam	0	0	0
6	Nam Định	0	0	0
7	Thái Bình	0	0	0
8	Ninh Bình	0	0	0
9	Hà Giang	0	0	0
10	Cao Bằng	0	0	0
11	Lào Cai	0	30	30
12	Bắc Kạn	0	50	50
13	Lạng Sơn	0	30	30
14	Tuyên Quang	25	75	50
15	Yên Bái	0	108	108
16	Thái Nguyên	0	10	10
17	Phú Thọ	0	20	20
18	Vĩnh Phúc	0	0	0
19	Bắc Giang	0	0	0
20	Bắc Ninh	0	0	0
21	Quảng Ninh	0	40	40
22	Lai Châu	0	10	10
23	Điện Biên	0	30	30
24	Sơn La	9	25	16
25	Hòa Bình	0	30	30
II	Bắc Trung Bộ	0	40	40
1	Thanh Hóa	0	10	10
2	Nghệ An	0	10	10
3	Hà Tĩnh	0	10	10
4	Quảng Bình	0	10	10
III	Trung Trung Bộ	0	6	6
1	Quảng Trị	0	0	0
2	Thừa Thiên Huế	0	0	0
3	TP. Đà Nẵng	0	0	0
4	Quảng Nam	0	6	6
5	Quảng Ngãi	0	0	0
IV	Tây Nguyên	118	123	5
1	Kon Tum	0	5	5
2	Gia Lai	118	118	0
3	Đắk Lắk	0	0	0
4	Đắk Nông	0	0	0
V	Nam Trung Bộ	121	150	29

TT	Tỉnh/Thành phố	Công suất lũy kế 2022 (MW)	Công suất lũy kế 2030 (MW)	Công suất tăng thêm 2023-2030 (MW)
1	Bình Định	0	0	0
2	Phú Yên	31	60	29
3	Khánh Hòa	90	90	0
4	Lâm Đồng	0	0	0
5	Ninh Thuận	0	0	0
6	Bình Thuận	0	0	0
VI	Nam Bộ	49	301	252
1	TP. Hồ Chí Minh	0	0	0
2	Bình Phước	0	15	15
3	Tây Ninh	37	37	0
4	Bình Dương	0	0	0
5	Đồng Nai	0	12	12
6	Bà Rịa - Vũng Tàu	0	0	0
7	Long An	0	23	23
8	Đồng Tháp	0	10	10
9	An Giang	0	50	50
10	Tiền Giang	0	0	0
11	Vĩnh Long	0	10	10
12	Bến Tre	0	10	10
13	Kiên Giang	0	25	25
14	TP. Cần Thơ	0	0	0
15	Hậu Giang	0	30	30
16	Trà Vinh	0	25	25
17	Sóc Trăng	12	20	8
18	Bạc Liêu	0	10	10
19	Cà Mau	0	24	24
	Tổng	322	1.088	766

Bảng 5: Công suất nguồn điện sản xuất từ rác theo địa phương

TT	Tỉnh/Thành phố	Công suất lũy kế 2022 (MW)	Công suất lũy kế 2030 (MW)	Công suất tăng thêm 2023-2030 (MW)
I	Bắc Bộ	62	486	424
1	Hà Nội	62	190	128
2	TP. Hải Phòng	0	40	40
3	Hải Dương	0	30	30
4	Hưng Yên	0	0	0
5	Hà Nam	0	0	0
6	Nam Định	0	15	15
7	Thái Bình	0	25	25
8	Ninh Bình	0	15	15
9	Hà Giang	0	0	0
10	Cao Bằng	0	0	0
11	Lào Cai	0	1	1
12	Bắc Kạn	0	1	1
13	Lạng Sơn	0	11	11

TT	Tỉnh/Thành phố	Công suất lũy kế 2022 (MW)	Công suất lũy kế 2030 (MW)	Công suất tăng thêm 2023-2030 (MW)
14	Tuyên Quang	0	0	0
15	Yên Bái	0	0	0
16	Thái Nguyên	0	10	10
17	Phú Thọ	0	18	18
18	Vĩnh Phúc	0	15	15
19	Bắc Giang	0	25	25
20	Bắc Ninh	0	37	37
21	Quảng Ninh	0	30	30
22	Lai Châu	0	0	0
23	Điện Biên	0	3	3
24	Sơn La	0	7	7
25	Hòa Bình	0	13	13
II	Bắc Trung Bộ	0	127	127
1	Thanh Hóa	0	50	50
2	Nghệ An	0	30	30
3	Hà Tĩnh	0	30	30
4	Quảng Bình	0	17	17
III	Trung Trung Bộ	0	60	60
1	Quảng Trị	0	0	0
2	Thừa Thiên Huế	0	12	12
3	TP. Đà Nẵng	0	18	18
4	Quảng Nam	0	15	15
5	Quảng Ngãi	0	15	15
IV	Tây Nguyên	0	21	21
1	Kon Tum	0	0	0
2	Gia Lai	0	15	15
3	Đắk Lắk	0	6	6
4	Đắk Nông	0	0	0
V	Nam Trung Bộ	0	66	66
1	Bình Định	0	15	15
2	Phú Yên	0	15	15
3	Khánh Hòa	0	16	16
4	Lâm Đồng	0	10	10
5	Ninh Thuận	0	0	0
6	Bình Thuận	0	10	10
VI	Nam Bộ	8	422,1	414,1
1	TP. Hồ Chí Minh	0	123	123
2	Bình Phước	0	20	20
3	Tây Ninh	0	10	10
4	Bình Dương	0	9,6	9,6
5	Đồng Nai	0	66	66
6	Bà Rịa - Vũng Tàu	0	30	30
7	Long An	0	18	18
8	Đồng Tháp	0	13	13
9	An Giang	0	7,5	7,5

TT	Tỉnh/Thành phố	Công suất lũy kế 2022 (MW)	Công suất lũy kế 2030 (MW)	Công suất tăng thêm 2023-2030 (MW)
10	Tiền Giang	0	10	10
11	Vĩnh Long	0	14	14
12	Bến Tre	0	18	18
13	Kiên Giang	0	14	14
14	TP. Cần Thơ	8	15	7
15	Hậu Giang	0	12	12
16	Trà Vinh	0	10	10
17	Sóc Trăng	0	16	16
18	Bạc Liêu	0	0	0
19	Cà Mau	0	16	16
	Tổng	70	1.182	1.112

Bảng 6: Công suất nguồn điện mặt trời mái nhà theo địa phương

TT	Tên vùng/tỉnh	Công suất tăng thêm 2023-2030 (MW)
I	Bắc Bộ	927
1	Hà Nội	47
2	TP. Hải Phòng	107
3	Hải Dương	70
4	Hưng Yên	62
5	Hà Nam	57
6	Nam Định	31
7	Thái Bình	32
8	Ninh Bình	23
9	Hà Giang	3
10	Cao Bằng	2
11	Lào Cai	28
12	Bắc Kạn	3
13	Lạng Sơn	25
14	Tuyên Quang	4
15	Yên Bái	26
16	Thái Nguyên	52
17	Phú Thọ	31
18	Vĩnh Phúc	59
19	Bắc Giang	86
20	Bắc Ninh	79
21	Quảng Ninh	73
22	Lai Châu	2
23	Điện Biên	1
24	Sơn La	5
25	Hòa Bình	19

TT	Tên vùng/tỉnh	Công suất tăng thêm 2023-2030 (MW)
II	Bắc Trung Bộ	231
1	Thanh Hóa	75
2	Nghệ An	54
3	Hà Tĩnh	74
4	Quảng Bình	28
III	Trung Trung Bộ	168
1	Quảng Trị	23
2	Thừa Thiên Huế	33
3	TP. Đà Nẵng	30
4	Quảng Nam	43
5	Quảng Ngãi	39
IV	Tây Nguyên	32
1	Kon Tum	7
2	Gia Lai	8
3	Đắk Lắk	8
4	Đắk Nông	9
V	Nam Trung Bộ	136
1	Bình Định	38
2	Phú Yên	18
3	Khánh Hòa	14
4	Ninh Thuận	21
5	Bình Thuận	38
6	Lâm Đồng	7
VI	Nam Bộ	1.109
1	TP. Hồ Chí Minh	73
2	Bình Phước	93
3	Tây Ninh	53
4	Bình Dương	185
5	Đồng Nai	229
6	Bà Rịa - Vũng Tàu	133
7	Long An	153
8	Đồng Tháp	16
9	An Giang	11
10	Tiền Giang	22
11	Vĩnh Long	16
12	Bến Tre	17
13	Kiên Giang	10
14	TP. Cần Thơ	29
15	Hậu Giang	28
16	Trà Vinh	10

TT	Tên vùng/tỉnh	Công suất tăng thêm 2023-2030 (MW)
17	Sóc Trăng	14
18	Bạc Liêu	2
19	Cà Mau	15
	Toàn quốc	2.600



Phụ lục III

DANH MỤC CÁC LOẠI HÌNH NGUỒN ĐIỆN

VẬN HÀNH GIAI ĐOẠN 2023 - 2030

(Kèm theo Kế hoạch tại Quyết định số 262/QĐ-TTg

ngày 01 tháng 4 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Bảng 1: Danh mục các dự án nhiệt điện khí trong nước

TT	Dự án	Công suất (MW)	Tỉnh/Thành phố	Năm vận hành	Ghi chú
1	Nhiệt điện Ô Môn I*	660	Cần Thơ	Đã vận hành	Sử dụng khí từ mỏ khí Lô B
2	NMNĐ Ô Môn II	1.050	Cần Thơ	2027	
3	NMNĐ Ô Môn IV	1.050	Cần Thơ	2028	
4	TBKHH Dung Quất I	750	Quảng Ngãi	2028	Sử dụng khí từ mỏ khí Cá Voi Xanh
5	TBKHH Dung Quất II	750	Quảng Ngãi	2028	
6	TBKHH Dung Quất III	750	Quảng Ngãi	2028	
7	NMNĐ Ô Môn III	1.050	Cần Thơ	2030	Sử dụng khí từ mỏ khí Lô B
8	TBKHH Miền Trung I	750	Quảng Nam	2030	Sử dụng khí từ mỏ khí Cá Voi Xanh
9	TBKHH Miền Trung II	750	Quảng Nam	2030	
10	TBKHH Quảng Trị	340	Quảng Trị	2030	Sử dụng khí từ mỏ khí Báo Vàng

Ghi chú:

- (*) Nhà máy điện hiện có, sẽ chuyển sang sử dụng khí từ mỏ khí Lô B;

- Quy mô chính xác của các nhà máy điện sẽ được xác định cụ thể, phù hợp với gam công suất của tổ máy trong giai đoạn triển khai dự án.

Bảng 2: Danh mục các dự án nhiệt điện LNG

TT	Dự án	Công suất (MW)	Tỉnh/Thành phố	Năm vận hành	Ghi chú
1	NMĐ Nhơn Trạch 3 và Nhơn Trạch 4	1.624	Đồng Nai	2024-2025	Đang thi công
2	LNG Hiệp Phước giai đoạn I	1.200	TP. HCM	2025	Đang thi công
3	LNG Bạc Liêu	3.200	Bạc Liêu	2027-2029	Đang lập FS
4	NMNĐ Sơn Mỹ II	2.250	Bình Thuận	2027-2029	Đang lập FS
5	NMNĐ BOT Sơn Mỹ I	2.250	Bình Thuận	2027-2029	Đang lập FS
6	LNG Quảng Ninh	1.500	Quảng Ninh	2028-2029	Đang lập FS
7	LNG Hải Lăng giai đoạn I	1.500	Quảng Trị	2028-2029	Đang lập FS
8	LNG Thái Bình	1.500	Thái Bình	2029	Đang lựa chọn chủ đầu tư
9	LNG Nghi Sơn	1.500	Thanh Hóa	2029-2030	Đang lựa chọn chủ đầu tư

TT	Dự án	Công suất (MW)	Tỉnh/ Thành phố	Năm vận hành	Ghi chú
10	LNG Cà Ná	1.500	Ninh Thuận	2029-2030	Đang lựa chọn chủ đầu tư
11	LNG Quảng Trạch II	1.500	Quảng Bình	2029-2030	
12	LNG Quỳnh Lập	1.500	Nghệ An	2029-2030	
13	LNG Long An I	1.500	Long An	2029-2030	Đang lập FS
	Các vị trí tiềm năng, dự phòng cho các dự án chậm tiến độ hoặc không thể triển khai				Thái Bình, Nam Định, Nghi Sơn, Quỳnh Lập, Vũng Áng, Chân Mây, Mũi Kê Gà, Hiệp Phước 2, Tân Phước, Bến Tre, Cà Mau,...

Ghi chú:

Quy mô chính xác của các nhà máy điện sẽ được xác định cụ thể, phù hợp với gam công suất của tổ máy trong giai đoạn triển khai dự án.

Bảng 3: Danh mục các dự án nhiệt điện than

TT	Dự án	Công suất (MW)	Tỉnh/ Thành phố	Năm vận hành	Ghi chú
1	NMNĐ Vân Phong I	1.432	Khánh Hòa	2024	Đã vận hành
2	NMNĐ Vũng Áng II	1.330	Hà Tĩnh	2025-2026	
3	NMNĐ Na Dương II	110	Lạng Sơn	2026	Chuẩn bị thi công
4	NMNĐ Quảng Trạch I	1.403	Quảng Bình	2026	Đang thi công
5	NMNĐ An Khánh - Bắc Giang	650	Bắc Giang	2027	
6	NMNĐ Long Phú I	1.200	Sóc Trăng	2027	

Bảng 4: Danh mục các dự án nhiệt điện than chậm tiến độ, gặp khó khăn trong thay đổi cổ đông, thu xếp vốn

TT	Dự án	Công suất (MW)	Tỉnh/ Thành phố	Ghi chú
1	NMNĐ Quảng Trị (*)	1.320	Quảng Trị	Bộ Công Thương làm việc với các nhà đầu tư, cho phép kéo dài đến tháng 6/2024 mà không triển khai được thì phải xem xét chấm dứt theo quy định của pháp luật.
2	NĐ Công Thanh (**)	600	Thanh Hóa	
3	NMNĐ Nam Định I	1.200	Nam Định	
4	NMNĐ Vĩnh Tân III	1.980	Bình Thuận	
5	NMNĐ Sông Hậu II	2.120	Hậu Giang	

Ghi chú:

(*) Nhà đầu tư đã xin dừng dự án (Theo Văn bản EGATi 277/2023). UBND tỉnh Quảng trị có Văn bản số 4009/UBND-KT ngày 09/8/2023 đề nghị chuyển đổi Dự án Nhà máy nhiệt điện Quảng trị sang nhà máy điện khí

(**) UBND tỉnh Thanh Hóa có Văn bản số 19346/UBND-CN ngày 21/12/2023 đề nghị chuyển đổi nhiên liệu Dự án Nhà máy nhiệt điện thanh Công Thanh sang sử dụng LNG

Bảng 5: Danh mục các dự án nguồn điện đồng phát, nguồn điện sử dụng nhiệt dư, khí lò cao, sản phẩm phụ của dây chuyền công nghệ trong các cơ sở công nghiệp

TT	Dự án	Công suất (MW)	Tỉnh/Thành phố	Năm vận hành	Ghi chú
1	Formosa HT2	650	Hà Tĩnh	2026	
2	NĐ đồng phát Đức Giang	100	Lào Cai	2027	
3	NĐ đồng phát Hải Hà 1	300	Quảng Ninh	2026-2030	
4	NĐ khí dư Hòa Phát II	300	Quảng Ngãi	2026-2026	
5	Các dự án khác	Ưu tiên, khuyến khích phát triển loại hình này để sản xuất điện nhằm tăng hiệu quả sử dụng năng lượng. Tổng công suất loại hình này được phát triển không giới hạn phù hợp với nhu cầu sử dụng và tiềm năng của các cơ sở công nghiệp			

Bảng 6: Danh mục các dự án thủy điện vừa và lớn

TT	Dự án	Công suất (MW)	Tỉnh/Thành phố	Năm vận hành	Ghi chú
1	TĐ Long Tạo	44	Điện Biên		Đã vận hành
2	TĐ Sông Lô 6	60	Hà Giang		Đã vận hành
3	TĐ Pắc Ma	160	Lai Châu		Đã vận hành
4	TĐ Suối Sập 2A	49,6	Sơn La		Đã vận hành
5	TĐ Đắc Mi 2	147	Quảng Nam		Đã vận hành
6	TĐ Sông Tranh 4	48	Quảng Nam		Đã vận hành
7	TĐ Thượng Kon Tum	220	Kontum		Đã vận hành
8	TĐ Sông Lô 7	36	Tuyên Quang		Đã vận hành
9	TĐ Nậm Cùm 1,4,5	95,8	Lai Châu		Đang thi công (Nậm Cùm 4 - 56 MW dự kiến vận hành năm 2025; Nậm Cùm 5 - 10 MW dự kiến vận hành năm 2024; Nậm Cùm 4 1 - 29,8 MW dự kiến vận hành năm 2027
10	TĐ Nậm Cùm 2,3,6	79,5	Lai Châu		Nậm Cùm 3 - 48,5 MW đã vận hành; Nậm Cùm 2 - 24 MW vận hành năm 2024; Nậm Cùm 6 - 7 MW dự kiến vận hành năm 2027
11	TĐ Sông Hiếu (Bản Mông)	45	Nghệ An	2024	Đang thực hiện
12	TĐ Phú Tân 2	93	Đồng Nai	2023	Đã vận hành
13	TĐ Yên Sơn	90	Tuyên Quang	2025	Đang thi công

TT	Dự án	Công suất (MW)	Tỉnh/Thành phố	Năm vận hành	Ghi chú
14	TĐ Hồi Xuân	102	Thanh Hóa	2024	Đang thi công
15	TĐ Ialy MR	360	Gia Lai	2024	Đang thi công
16	TĐ Đắc Mì 1	84	Kon Tum	2024	Đang thi công
17	TĐ Hòa Bình MR	480	Hòa Bình	2025	Đang thi công
18	TĐ Trị An MR	200	Đồng Nai	2027	Đang triển khai
19	TĐ Thanh Sơn	40	Đồng Nai	2026	Đang điều chỉnh quy hoạch
20	TĐ Mỹ Lý	120	Nghệ An	2028	Đang điều chỉnh chủ trương đầu tư
21	TĐ Nậm Mô 1	51	Nghệ An	2028	Đang điều chỉnh chủ trương đầu tư
22	TĐ Đức Thành	40	Bình Phước	2026	Đang thi công
23	TĐ La Ngâu (*)	46	Bình Thuận	2026	
24	TĐ cột nước thấp Phú Thọ (**)	105	Phú Thọ	2026	
25	TĐ Cẩm Thủy 2	38	Thanh Hóa	2030	Chồng lấn quy hoạch với Hồ thủy lợi Cẩm Hoàng

Ghi chú:

(*) Dự án thủy điện La Ngâu được phê duyệt trong Quy hoạch điện VII điều chỉnh, đã được cấp Giấy chứng nhận đầu tư, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. UBND tỉnh Bình Thuận có Văn bản số 21/UBND-KT ngày 03/01/2020 đề nghị đưa dự án thủy điện La Ngâu ra khỏi quy hoạch. Bộ Công Thương đã có Văn bản số 1986/BCT-ĐL ngày 20/3/2020 đề nghị UBND tỉnh Bình Thuận xử lý dứt điểm các nội dung nêu tại Thông báo số 193/TB-VPCP ngày 25/5/2018 của Văn phòng Chính phủ, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

(**) UBND tỉnh Phú Thọ đã có Văn bản số 4424/UBND-CNXD ngày 08/11/2023 đề nghị đưa ra khỏi Kế hoạch thực hiện Quy hoạch điện VIII.

Bảng 7: Danh mục các dự án thủy điện tích năng

TT	Dự án	Công suất (MW)	Tỉnh/Thành phố	Năm vận hành	Ghi chú
1	TĐTN Bắc Ái	1.200	Ninh Thuận	2028-2029	
2	TĐTN Phước Hòa	1.200	Ninh Thuận	2029-2030	
3	Các dự án khác	Một số địa phương đề xuất thêm các dự án thủy điện tích năng: Điện Biên, Lai Châu, Quảng Trị, Kon Tum, Khánh Hòa, Đắk Nông,... Tuy nhiên, số lượng các dự án, công suất, vị trí, sự cần thiết phải được tiếp tục đánh giá dựa trên nhu cầu hệ thống để báo cáo Thủ tướng Chính phủ.			

Bảng 8: Danh mục các dự án pin lưu trữ

TT	Dự án	Công suất (MW)	Năm vận hành	Ghi chú
1	Dự án pin lưu trữ 50 MW	50	2023-2030	Theo Quyết định số 1009/QĐ-TTg ngày 31/08/2023
2	Dự án pin lưu trữ 7 MW tích hợp vào trang trại ĐMT 50 MW	7	2023-2030	

TT	Dự án	Công suất (MW)	Năm vận hành	Ghi chú
3	Dự án pin lưu trữ 105 MW tích hợp vào trang trại ĐMT 400 MW	105	2023-2030	
4	Các dự án pin lưu trữ khác	138	2023-2030	

Bảng 9: Danh mục các dự án điện gió trên bờ (trên đất liền và gần bờ)

TT	Dự án	Công suất (MW)	Năm vận hành	Ghi chú
	Tỉnh Điện Biên	300		
1	Nhà máy điện gió BCG Điện Biên 1	175	2026-2030	
2	Nhà máy điện gió Envision Nậm Pồ	125	2026-2030	
	Tỉnh Bắc Kạn	400		
1	Nhà máy điện gió Chợ Mới 2	130	2026-2030	
2	Nhà máy điện gió Ngân Sơn	150	2026-2030	
3	Nhà máy điện gió Thiên Long Chợ Mới	120	2026-2030	
	Tỉnh Yên Bái	200		
1	Nhà máy điện gió Nậm Búng	200	2026-2030	
	Tỉnh Bắc Giang	500		
1	Nhà máy điện gió Bắc Giang 1	55	2026-2030	
2	Nhà máy điện gió Bắc Giang 2	55	2026-2030	
3	Nhà máy điện gió Cẩm Lý	55	2026-2030	
4	Nhà máy điện gió Gió Tân Sơn	50	2026-2030	
5	Nhà máy điện gió Lục Ngạn	30	2026-2030	
6	Nhà máy điện gió SD Sơn Động	105	2026-2030	
7	Nhà máy điện gió Yên Dũng	150	2026-2030	
	Tỉnh Lạng Sơn	1.444		
1	Nhà máy điện gió Ái Quốc	100	2026-2030	
2	Nhà máy điện gió Bình Gia	80	2026-2030	
3	Nhà máy điện gió Cao Lộc	55	2026-2030	
4	Nhà máy điện gió Cao Lộc 3	69	2026-2030	
5	Nhà máy điện gió Chi Lăng	100	2026-2030	
6	Nhà máy điện gió Cao Lộc 1	50	2026-2030	
7	Nhà máy điện gió Cao Lộc 1.1	50	2026-2030	
8	Nhà máy điện gió Đình Lập	100	2026-2030	
9	Nhà máy điện gió Đình Lập 1	50	2026-2030	
10	Nhà máy điện gió Đình Lập 1.1	50	2026-2030	
11	Nhà máy điện gió Đình Lập 4	90	2026-2030	

TT	Dự án	Công suất (MW)	Năm vận hành	Ghi chú
12	Nhà máy điện gió Đình Lập 5	100	2026-2030	
13	Nhà máy điện gió Văn Quan 1	50	2026-2030	
14	Nhà máy điện gió Hữu Kiên	90	2026-2030	
15	Nhà máy điện gió Lộc Bình	60	2026-2030	
16	Nhà máy điện gió Lộc Bình - Pharbaco	50	2026-2030	
17	Nhà máy điện gió Lộc Bình 1	50	2026-2030	
18	Nhà máy điện gió Lộc Bình 3	60	2026-2030	
19	Nhà máy điện gió Mẫu Sơn	30	2026-2030	
20	Nhà máy điện gió Thăng Long 3	50	2026-2030	
21	Nhà máy điện gió Văn Lãng 1	80	2026-2030	
22	Nhà máy điện gió Văn Quan	30	2026-2030	
	Tỉnh Thái Bình	70		
1	Nhà máy điện gió Tiên Hải - Thái Bình	70	2026-2030	
	Tỉnh Thanh Hóa	300		
1	Nhà máy điện gió Bắc Phương - Nghi Sơn	100	2026-2030	
2	Nhà máy điện gió Mường Lát	200	2026-2030	
	Tỉnh Nghệ An	70		
1	Nhà máy điện gió Nam Đàn	70	2026-2030	
	Tỉnh Hà Tĩnh	350		
1	Trang trại phong điện HBRE Hà Tĩnh	120	2023-2025	
2	Nhà máy điện gió Cẩm Xuyên 1	70	2024-2025	
3	Nhà máy điện gió Kỳ Khang - giai đoạn 1	60	2026-2030	
4	Nhà máy điện gió Cẩm Xuyên 2	100	2026-2030	
	Tỉnh Đắk Lắk	870		
1	Nhà máy điện gió Cư Né 1	50	2023-2025	Đã triển khai được 18 tuabin gió, dự kiến vận hành năm 2024
2	Nhà máy điện gió Cư Né 2	50	2023-2025	Dự kiến vận hành 2025
3	Nhà máy điện gió Krông Búk 1	50	2023-2025	Đã triển khai được 18 tuabin gió, dự kiến vận hành năm 2024
4	Nhà máy điện gió Krông Búk 2	50	2023-2025	Đã triển khai được 18 tuabin gió, dự kiến vận hành năm 2024
5	Nhà máy điện gió Buôn Hồ 1	20	2023-2025	
6	Nhà máy điện gió Buôn Hồ 2	20	2023-2025	
7	Nhà máy điện gió Buôn Hồ 3	15	2023-2025	

TT	Dự án	Công suất (MW)	Năm vận hành	Ghi chú
8	Nhà máy điện gió Cư M'Gar 2	10	2023-2025	
9	Nhà máy điện gió Ea H'Leo 3 (Cư M'Gar)	10	2023-2025	
10	Nhà máy điện gió Ea H'Leo 4 (Cư M'Gar- Buôn Hồ)	10	2023-2025	
11	Nhà máy điện gió Easin1	100	2026-2030	
12	Nhà máy điện gió Krongbuk 3	100	2026-2030	
13	Nhà máy điện gió Thuận Phong Đắk Lắk	100	2026-2030	
14	Nhà máy điện gió Tân Lập - Ea Hồ	50	2026-2030	
15	Nhà máy điện gió Cư Pong 1,2	80	2026-2030	
16	Nhà máy điện gió Krông Năng 1.1; 1.2	80	2026-2030	
17	Nhà máy điện gió NT 1; NT 2	75	2026-2030	
	Tỉnh Lâm Đồng	118,9		
1	Nhà máy điện gió Cầu Đất	68,9	2023-2025	Đã thi công xong
2	Nhà máy điện gió Đức Trọng	50	2026-2030	
	Tỉnh Ninh Thuận	553,7		
1	Nhà máy điện gió Phước Hữu	50	2023-2025	
2	Nhà máy phong điện Việt Nam Power số 1	30	2023-2025	
3	Nhà máy điện gió Công Hải 1- giai đoạn 2	25	2023-2025	
4	Nhà máy điện gió Công Hải 1- giai đoạn 1	3	2023-2025	
5	Nhà máy điện dùng năng lượng tái tạo Phước Nam - Enfinity - Ninh Thuận	65	2023-2025	
6	Nhà máy điện gió Đầm Nai 3	39,4	2023-2025	
7	Nhà máy điện gió Đầm Nai 4	27,6	2023-2025	
8	Nhà máy điện gió BIM mở rộng giai đoạn 2	50	2023-2025	
9	Nhà máy điện gió 7A giai đoạn 2	21	2023-2025	
10	Nhà máy điện gió Phước Dân	45	2023-2025	
11	Nhà máy điện gió hồ Bầu Ngự	25,2	2023-2025	
12	Nhà máy điện gió Tri Hải	79,5	2023-2025	
13	Một phần Công suất Nhà máy điện gió Hanbaram	93	2026-2030	
	Tỉnh Phú Yên	298		
1	Trang trại phong điện HBRE An Thọ giai đoạn 1	200	2023-2025	
2	Nhà máy điện gió xanh Sông Cầu giai đoạn 1	50	2023-2025	
3	Nhà máy điện gió Xanh Nam Việt	48	2023-2025	

TT	Dự án	Công suất (MW)	Năm vận hành	Ghi chú
	Tỉnh Bình Định	30		
1	Nhà máy điện gió Nhơn Hội giai đoạn 2	30	2023-2025	Đã vận hành
	Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	150		
1	Nhà máy điện gió gần bờ Xuyên Mộc giai đoạn 2	47	2026-2030	
2	Nhà máy điện gió Công Lý Bà Rịa - Vũng Tàu giai đoạn 1	103	2026-2030	
	Tỉnh Bến Tre	713,5		
1	Nhà máy điện gió VPL	4,2	2023-2025	
2	Nhà máy điện gió Bình Đại	25,8	2023-2025	
3	Nhà máy điện gió Bình Đại số 2	49	2023-2025	
4	Nhà máy điện gió Bình Đại số 3	49	2023-2025	
5	Nhà máy điện gió Thanh Phong	29,7	2023-2025	
6	Nhà máy điện gió Sunpro	30	2023-2025	Đã hoàn thành 07 trụ/29,4 MW
7	Nhà máy điện gió số 5 Bến Tre giai đoạn 2 (NMDG Thạnh Hải 2,3,4)	85,8	2023-2025	Đã hoàn thành 21 trụ/90 MW, hòa lưới 4,25 MW, dự kiến phát điện 85,75 MW năm 2024
8	Nhà máy điện gió VPL (Giai đoạn 2)	30	2023-2025	Tiến độ vận hành 2025
9	Nhà máy điện gió Nexif Energy Bến Tre	30	2023-2025	Đã cấp chủ trương đầu tư
10	Nhà máy điện gió Nexif Bến Tre giai đoạn 2, 3	50	2023-2025	Đã cấp chủ trương đầu tư
11	Nhà máy điện gió Thiên Phú 2	30	2023-2025	Đã cấp chủ trương đầu tư
12	Nhà máy điện gió Thiên Phú	30	2023-2025	Đã cấp chủ trương đầu tư
13	Nhà máy điện gió Thạnh Phú	120	2023-2025	Đã cấp chủ trương đầu tư
14	Nhà máy điện gió Bảo Thạnh	50	2023-2025	Đã cấp chủ trương đầu tư
15	Nhà máy điện gió số 19	50	2023-2025	Đã cấp chủ trương đầu tư
16	Nhà máy điện gió số 20	50	2023-2025	Đã cấp chủ trương đầu tư
	Tỉnh Bạc Liêu	741		
1	Nhà máy điện gió Nhật Bản - Bạc Liêu	50	2023-2025	
2	Nhà máy điện gió Bạc Liêu giai đoạn III	141	2023-2025	
3	Nhà máy điện gió Hòa Bình 3	50	2026-2030	
4	Nhà máy điện gió Hòa Bình 2-1	50	2026-2030	
5	Nhà máy điện gió Hòa Bình 4	50	2026-2030	
6	Nhà máy điện gió Hòa Bình 6	40	2026-2030	

TT	Dự án	Công suất (MW)	Năm vận hành	Ghi chú
7	Nhà máy điện gió Hòa Bình 8	50	2026-2030	
8	Nhà máy điện gió Hòa Bình 5.1	80	2026-2030	
9	Nhà máy điện gió Đông Hải 1 - giai đoạn 3	50	2026-2030	
10	Nhà máy điện gió Đông Hải 13	100	2026-2030	
11	Nhà máy điện gió Đông Hải 3 - giai đoạn 1	50	2026-2030	
12	Nhà máy điện gió Đông Hải 6	30	2026-2030	
	Tỉnh Tiền Giang	200		
1	Nhà máy điện gió Tân Thành	100	2026-2030	
2	Nhà máy điện gió Tân Phú Đông 1	100	2026-2030	
	Tỉnh Trà Vinh	872,5		
1	Nhà máy điện gió Hiệp Thạnh	64,5	2023-2025	Đã vận hành thương mại
2	Nhà máy điện gió Duyên Hải	48	2023-2025	Đang chọn tổng thầu EPC
3	Nhà máy điện gió Đông Thành 1	80	2023-2025	Đang thi công
4	Nhà máy điện gió Đông Thành 2	120	2023-2025	Đang thi công
5	Nhà máy điện gió Thăng Long	96	2023-2025	Đã cấp Chủ trương đầu tư
4	Nhà máy điện gió Đông Hải 3 (vị trí V3-3)	48	2026-2030	
8	Nhà máy điện gió V1-2 mở rộng	48	2026-2030	
9	Nhà máy điện gió V1-3 giai đoạn 2	48	2023-2025	
3	Nhà máy điện gió V1-5 và V1-6 giai đoạn 2	80	2023-2025	
3	Nhà máy điện gió Duyên Hải 2	96	2026-2030	
6	Nhà máy điện gió số 3 (vị trí V3-8)	48	2026-2030	
7	Nhà máy điện gió V1-1 Trà Vinh giai đoạn 2	48	2023-2025	
5	Nhà máy điện gió Long Vĩnh	48	2026-2030	
	Tỉnh Sóc Trăng	733,2		
1	Nhà máy điện gió Hòa Đông 2	45,6		Đã vận hành
2	Nhà máy điện gió Lạc Hòa 2	123,6		Đã vận hành
3	Nhà máy điện gió Lạc Hòa - giai đoạn 1	5		Đã vận hành
4	Nhà máy điện gió Lạc Hoà 2	6,4	2024	
5	Nhà máy điện gió Lạc Hòa	30	2024	Đã hoàn thành xây dựng
6	Nhà máy điện gió Hòa Đông	30	2024	Đã hoàn thành xây dựng
7	Nhà máy điện gió Công Lý giai đoạn 1	30	2024	Đã hoàn thành xây dựng

TT	Dự án	Công suất (MW)	Năm vận hành	Ghi chú
8	Nhà máy điện gió số 3	29,4	2024	Đã hoàn thành xây dựng
9	Nhà máy điện gió số 2	30	2025	Đang thi công
10	Nhà máy điện gió số 18	22,4	2025	
11	Nhà máy điện gió số 7 giai đoạn 2	90	2025	
12	Nhà máy điện gió số 11	100,8	2026-2030	
13	Nhà máy điện gió Trần Đề	50	2026-2030	
14	Nhà máy điện gió Sông Hậu	50	2026-2030	
15	Nhà máy điện gió Sóc Trăng 16	40	2026-2030	
16	Nhà máy điện gió BCG Sóc Trăng 1	50	2026-2030	
	Tỉnh An Giang	50		
1	Nhà máy điện gió JR An Giang	50	2026-2030	
	Tỉnh Cà Mau	900		
1	Nhà máy điện gió Tân Ân 45 MW	75	2023-2025	Đã vận hành 45 MW, đang thi công tiếp 30 MW
2	Nhà máy điện gió Viên An	50	2023-2025	Đã vận hành 25 MW, đang thi công tiếp 25 MW
3	Nhà máy điện gió Cà Mau 1A	88	2023-2025	Đang thi công
4	Nhà máy điện gió Cà Mau 1B	88	2023-2025	Đang thi công
5	Nhà máy điện gió Khu du lịch Khai Long - Cà Mau giai đoạn 1	100	2023-2025	
6	Nhà máy điện gió Tân Thuận giai đoạn 3	25	2023-2025	
7	Nhà máy điện gió An Đông 1	50	2023-2025	
8	Nhà máy điện gió Khánh Bình Tây	50	2023-2025	
9	Nhà máy điện gió Khai Long Giai đoạn 2	100	2023-2025	
10	Nhà máy điện gió Cà Mau 1C	88	2026-2030	Đang thẩm định TKKT
11	Nhà máy điện gió Cà Mau 1D	86	2026-2030	Đang thẩm định TKKT
12	Nhà máy điện gió Khai Long Giai đoạn 3	100	2026-2030	
	Tỉnh Hậu Giang	100		
1	Nhà máy điện gió Long Mỹ 1	100	2023-2025	
	Tỉnh Kiên Giang	137		
1	Nhà máy điện gió Hòn Đất 1	77	2026-2030	
2	Nhà máy điện gió Kiên Lương 1	60	2026-2030	

Bảng 10: Danh mục các dự án thủy điện nhỏ

TT	Dự án	Công suất (MW)	Năm vận hành	Ghi chú
	Tỉnh Bắc Kạn	47,3		
1	Nhà máy thủy điện Khuổi Thốc	3	2025	
2	Nhà máy thủy điện Khuổi Nộc 2	4,2	2025	
3	Nhà máy thủy điện Thác Giềng 2	4	2026-2030	
4	Nhà máy thủy điện Khuổi Nộc	6,6	2026-2030	
5	Nhà máy thủy điện Kim Lư	9	2026-2030	
6	Nhà máy thủy điện Nậm Cát 2	5	2026-2030	
7	Nhà máy thủy điện Mỹ Thanh	5	2026-2030	
8	Nhà máy thủy điện Công Bằng	4	2026-2030	
9	Nhà máy thủy điện Pác Nặm	6,5	2026-2030	
	Tỉnh Bình Định	49,9		
1	Nhà máy thủy điện Đồng Mít	7	2023	Đã vận hành
2	Nhà máy thủy điện Nước Lương	22	2024	
2	Nhà máy thủy điện Vĩnh Sơn 4	18	2025	
3	Hạ lưu Đập dâng Phú Phong	2,9	2025	
	Tỉnh Bình Phước	36,1		
1	Nhà máy thủy điện Đắc Kar	12	2023	
2	Nhà máy thủy điện Long Hà	20,1	2026-2030	
3	Nhà máy thủy điện Đam'Lo	4	2026-2030	
	Tỉnh Cao Bằng	121		
1	Nhà máy thủy điện Pắc Khuổi	7	2024	
2	Nhà máy thủy điện Khuổi Luông	4,4	2024	
3	Nhà máy thủy điện Hồng Nam	24	2025	
4	Nhà máy thủy điện Bảo Lạc A	30	2026-2030	
5	Nhà máy thủy điện Thượng Hà	13	2026-2030	
6	Nhà máy thủy điện Bản Ngà	24	2026-2030	
7	Nhà máy thủy điện Bản Riễn	18,6	2026-2030	
	Tỉnh Đắk Lắk	10,6		
1	Nhà máy thủy điện Ea Tít	8,6	2025	
2	Nhà máy thủy điện sau đập thủy lợi hồ Krông Búk Hạ	2	2026-2030	
	Tỉnh Đắk Nông	8,8		
1	Nhà máy thủy điện Đắc Sor 4	8,8	2023-2030	
	Tỉnh Điện Biên	116,5		

TT	Dự án	Công suất (MW)	Năm vận hành	Ghi chú
1	Nhà máy thủy điện Huổi Chan 1	15	2023	Đã vận hành
2	Nhà máy thủy điện Đê Bâu	6	2023	Đã vận hành
3	Nhà máy thủy điện Mường Mươn	22	2024	
4	Nhà máy thủy điện Phi Lĩnh	18	2024	
5	Nhà máy thủy điện Mường Luân 2	10	2024	
6	Nhà máy thủy điện Mường Tùng	13	2024	
7	Nhà máy thủy điện Nậm Núa 2	7,5	2025	
8	Nhà máy thủy điện Chiềng Sơ 2	16	2025	
9	Nhà máy thủy điện Nậm He Thượng 2	9	2026-2030	
	Tỉnh Đồng Nai	44		
1	Nhà máy thủy điện Phú Tân 1	28	2026-2030	
2	Nhà máy thủy điện Thác Trời	16	2026-2030	
	Tỉnh Hà Tĩnh	6,5		
1	Thủy lợi kết hợp thủy điện Sông Rác	1,7	2026-2030	
2	Nhà máy thủy điện Vũ Quang	4,8	2026-2030	
	Tỉnh Kon Tum	358,5		
1	Nhà máy thủy điện Bo Ko 2	12,6	2023	Đã vận hành
2	Nhà máy thủy điện Đăk Robaye	10	2024	
3	Nhà máy thủy điện Nam Vao 2	8,6	2024	
4	Nhà máy thủy điện Thượng Đăk Psi (Hồ phụ 2,4 MW)	2,4	2024	
5	Nhà máy thủy điện Đăk Mi 1A	11	2024	
6	Nhà máy thủy điện Đăk Psi 1	4	2024	
7	Nhà máy thủy điện Nước Long 1	3,2	2024	
8	Nhà máy thủy điện Nước Long 2	6,4	2024	
9	Nhà máy thủy điện Đăk Nghé	7	2024	
10	Nhà máy thủy điện Bo Ko 1	6	2024	
11	Nhà máy thủy điện Ngọc Tem	7,5	2024	
12	Nhà máy thủy điện Thượng Nam Vao	9,8	2025	
13	Nhà máy thủy điện Đăk Mi 1B	6	2025	
14	Nhà máy thủy điện Đăk Pô Cô 1	11	2025	
15	Nhà máy thủy điện Đăk Mek 3	7,5	2025	
16	Nhà máy thủy điện Đăk Lô 4	10	2025	
17	Nhà máy thủy điện Đăk Lô 1	12	2025	
18	Nhà máy thủy điện Đăk Lô 3	22	2025	

TT	Dự án	Công suất (MW)	Năm vận hành	Ghi chú
19	Nhà máy thủy điện Plei Kần Hạ	13	2025	
20	Nhà máy thủy điện Đăk Pru 3	5	2025	
21	Nhà máy thủy điện Đăk Re Thượng	14	2025	
22	Nhà máy thủy điện Đăk Roong	5	2025	
23	Nhà máy thủy điện Đăk Pône (nhà máy hồ B)	1,6	2025	
24	Nhà máy thủy điện Đăk Krin	7,4	2025	
25	Nhà máy thủy điện Nam Vao 1	10	2025	
26	Nhà máy thủy điện Đăk Ruồi 2	14	2026-2030	
27	Nhà máy thủy điện Đăk Ruồi 3	3	2026-2030	
28	Nhà máy thủy điện Ngọc Linh 1	4	2026-2030	
29	Nhà máy thủy điện Ngọc Linh 2	7,8	2026-2030	
30	Nhà máy thủy điện Ngọc Linh 3	8,2	2026-2030	
31	Nhà máy thủy điện Đăk Pek	10,2	2026-2030	
32	Nhà máy thủy điện Thượng Đăk Psi 1	7,2	2026-2030	
33	Nhà máy thủy điện Tân Lập	5,2	2026-2030	
34	Nhà máy thủy điện Nước Trê	12,8	2026-2030	
35	Nhà máy thủy điện Sa Thầy 1	9,5	2026-2030	
36	Nhà máy thủy điện Sa Thầy 2	11,2	2026-2030	
37	Nhà máy thủy điện Sa Thầy 3	10,5	2026-2030	
38	Nhà máy thủy điện Đăk Bla 3	8,6	2026-2030	
39	Nhà máy thủy điện Đăk Sú 2	7,2	2026-2030	
40	Nhà máy thủy điện Đăk Toa	5	2026-2030	
41	Nhà máy thủy điện Đăk Pô Nê 4	6	2026-2030	
42	Nhà máy thủy điện Đăk Glei	10,6	2026-2030	
43	Nhà máy thủy điện Đăk Piu 1	4,5	2026-2030	
	Tỉnh Lai Châu	1.056,85		
1	Nhà máy thủy điện Pa Hạ	28	2023	Đã vận hành
2	Nhà máy thủy điện Pa Tần 2	20	2023	Đã vận hành
3	Nhà máy thủy điện Nậm Lăn	15	2023	Đã vận hành
4	Nhà máy thủy điện Nậm Lùm 2	18	2023	Đã vận hành
5	Nhà máy thủy điện Nậm Ngệ 1A	10	2023	Đã vận hành
6	Nhà máy thủy điện Nậm Xe	20	2023	Đã vận hành
7	Nhà máy thủy điện Chu Va 2	12	2023	Đã vận hành
8	Nhà máy thủy điện Chàng Phàng	5	2023	Đã vận hành

TT	Dự án	Công suất (MW)	Năm vận hành	Ghi chú
9	Nhà máy thủy điện Suối Lĩnh	5,2	2023	Đã vận hành
10	Nhà máy thủy điện Huổi Vần	8	2024	
11	Nhà máy thủy điện Nậm Xí Lùng 2	29	2024	
12	Nhà máy thủy điện Kho Hà	22	2024	
13	Nhà máy thủy điện Nậm Cầu 1	13	2024	
14	Nhà máy thủy điện Nậm Cầu Thượng	7	2024	
15	Nhà máy thủy điện Nậm Cùm	7	2024	
16	Nhà máy thủy điện Nậm Bùm 1A	9,5	2024	
17	Nhà máy thủy điện Nậm Cuối 1	19	2024	
18	Nhà máy thủy điện Nậm Cuối	11	2024	
19	Nhà máy thủy điện Nậm Pi	10	2024	
20	Nhà máy thủy điện Nậm Páng 2	11	2024	
21	Nhà máy thủy điện Nậm Chán	7,8	2024	
22	Nhà máy thủy điện Nậm Xe 2	8	2024	
23	Nhà máy thủy điện Nậm Xe 2A	10	2024	
24	Nhà máy thủy điện Vàng Ma Chải 2	19	2024	
25	Nhà máy thủy điện Nậm Đích 2	9	2024	
26	Nhà máy thủy điện Nậm Mít Luông	6,8	2024	
27	Nhà máy thủy điện Hua Be	10	2024	
28	Nhà máy thủy điện Nậm Be 2	10	2024	
29	Nhà máy thủy điện Mường Mít	11	2024	
30	Nhà máy thủy điện Mường Kim 3	18,5	2024	
31	Nhà máy thủy điện Tà Páo Hồ	10	2024	
32	Nhà máy thủy điện Nậm Cầu	29,6	2024	
33	Nhà máy thủy điện Nậm Luông	21,5	2024	
34	Nhà máy thủy điện Đông Pao	7,6	2024	
35	Nhà máy thủy điện Pa Tần 1	8	2024	
36	Nhà máy thủy điện Hồ Mít	5	2024	
37	Nhà máy thủy điện Tà Páo Hồ 1A	13,5	2024	
38	Nhà máy thủy điện Nậm Han	8	2024	
39	Nhà máy thủy điện Nậm Xí Lùng 1B	11	2024	
40	Nhà máy thủy điện Là Si 1	11	2024	
41	Nhà máy thủy điện Thò Ma	6	2024	
42	Nhà máy thủy điện Nậm Pục	6	2024	

TT	Dự án	Công suất (MW)	Năm vận hành	Ghi chú
43	Nhà máy thủy điện Tả Páo Hồ 2	5	2024	
44	Nhà máy thủy điện Nậm Chán 1	5	2024	
45	Nhà máy thủy điện Suối Ngang	12	2024	
46	Nhà máy thủy điện Là Pơ	22	2024	
47	Nhà máy thủy điện Chu Va 2A	8	2024	
48	Nhà máy thủy điện Phiêng Khon	18	2024	
49	Nhà máy thủy điện Kha Ú 2	15,5	2024	
50	Nhà máy thủy điện Nậm Mờ 1A	30	2024	
51	Nhà máy thủy điện Chu Va 12 (mở rộng)	1,8	2025	
52	Nhà máy thủy điện Nậm Xí Lùng 2A	29,65	2025	
53	Nhà máy thủy điện Thọ Gụ	30	2025	
54	Nhà máy thủy điện Thọ Gụ 1	10,2	2025	
55	Nhà máy thủy điện Nà An	10,2	2025	
56	Nhà máy thủy điện Nậm Ma 3	11,5	2025	
57	Nhà máy thủy điện Tả Páo Hồ 1B	10,5	2025	
58	Nhà máy thủy điện Vàng Ma Chải 3	21	2025	
59	Nhà máy thủy điện Nậm Xí Lùng 1A	7,8	2025	
60	Nhà máy thủy điện Nậm Hản 1	18	2025	
61	Nhà máy thủy điện Nậm Bon 1	10	2025	
62	Nhà máy thủy điện Nậm Cuối 1A	7	2025	
63	Nhà máy thủy điện Nậm Cuối 1B	7,5	2025	
64	Nhà máy thủy điện Nậm Cùm 7	6,5	2025	
65	Nhà máy thủy điện Nậm Ma 1A	16,6	2025	
66	Nhà máy thủy điện Nậm Ma 1B	14	2025	
67	Nhà máy thủy điện Nậm Ma 1C	10,5	2025	
68	Nhà máy thủy điện Nậm Ma 2A	11,5	2025	
69	Nhà máy thủy điện Nậm Ma 2B	13,8	2025	
70	Nhà máy thủy điện Nậm Chà 1	24	2025	
71	Nhà máy thủy điện Nậm Chà 2	4,4	2025	
72	Nhà máy thủy điện Nậm Cây	15	2025	
73	Nhà máy thủy điện Pa Vây Sừ 1	8,5	2025	
74	Nhà máy thủy điện Nậm Lon	10	2025	
75	Nhà máy thủy điện Nậm Mờ 2	17	2025	
76	Nhà máy thủy điện Nậm Lụng (mở rộng)	5,4	2026-2030	

TT	Dự án	Công suất (MW)	Năm vận hành	Ghi chú
77	Nhà máy thủy điện Nùng Than 1	30	2026-2030	
78	Nhà máy thủy điện Là Si 1A	28	2026-2030	
79	Nhà máy thủy điện Nậm Ngà	24	2026-2030	
	Tỉnh Lạng Sơn	68,8		
1	Nhà máy thủy điện Bản Lái	7	2023	Đã vận hành
2	Nhà máy thủy điện Bản Nhùng	13	2024	
3	Nhà máy thủy điện Trảng Định 2	29,8	2026-2030	
4	Nhà máy thủy điện Bắc Giang (Vàng Puộc)	14	2026-2030	
5	Nhà máy thủy điện Đèo Khách	5	2026-2030	
	Tỉnh Lào Cai	223,5		
1	Nhà máy thủy điện Bảo Nhai bậc 1 thuộc Dự án Nhà máy thủy điện Bảo Nhai	14	2024	
2	Nhà máy thủy điện Mây Hồ	6,5	2024	
3	Nhà máy thủy điện Nậm Tha Hạ	6	2025	
4	Nhà máy thủy điện Nậm Khóa 1 -2	15	2025	
5	Nhà máy thủy điện Si Ma Cai	18	2025	
6	Nhà máy thủy điện Nậm Trung Hồ 1	20	2025	
7	Nhà máy thủy điện Xuân Hòa	3,2	2026-2030	
8	Nhà máy thủy điện Móng Sến 1	4,5	2026-2030	
9	Nhà máy thủy điện Bản Mế	5	2026-2030	
10	Nhà máy thủy điện Ngòi Nhù 1A	6	2026-2030	
11	Nhà máy thủy điện Suối Chăn	6,8	2026-2030	
12	Nhà máy thủy điện Nậm Cang 1A	10	2026-2030	
13	Nhà máy thủy điện Tà Loi 1	15	2026-2030	
14	Nhà máy thủy điện Yên Hà	13	2026-2030	
15	Nhà máy thủy điện Lán Bò	7,6	2026-2030	
16	Nhà máy thủy điện Việt Tiến	7	2026-2030	
17	Nhà máy thủy điện Sa Phìn	6	2026-2030	
18	Nhà máy thủy điện Sàng Ma Sáo	12,5	2026-2030	
19	Nhà máy thủy điện Hóm Dưới	18	2026-2030	
20	Nhà máy thủy điện Nậm Hồ mở rộng	2	2026-2030	
21	Nhà máy thủy điện Cốc Đàm mở rộng	2,3	2026-2030	
22	Nhà máy thủy điện Nậm Mu mở rộng	5	2026-2030	
23	Nhà máy thủy điện Nậm Pung mở rộng	3,1	2026-2030	
24	Nhà máy thủy điện Suối Chăn 2 mở rộng	8	2026-2030	

TT	Dự án	Công suất (MW)	Năm vận hành	Ghi chú
25	Nhà máy thủy điện Võ Lao	9	2026-2030	
	Tỉnh Lâm Đồng	96,2		
1	Nhà máy thủy điện Đa Chomo	9	2023	Đã vận hành
2	Nhà máy thủy điện Đại Bình	15	2023	Đã vận hành
3	Nhà máy thủy điện Đạ Sar	12	2023	Đã vận hành
4	Nhà máy thủy điện Đa Br'Len	6,2	2024	
5	Nhà máy thủy điện Tân Thượng	22	2025	
6	Nhà máy thủy điện Cam Ly	12	2025	
7	Nhà máy thủy điện Bảo Lâm	10	2026-2030	
8	Nhà máy thủy điện Đạ Huoai 2	10	2026-2030	
	Tỉnh Ninh Thuận	40		
1	Nhà máy thủy điện Phước Hòa	22	2026-2030	
2	Nhà máy thủy điện Thượng Sông Ông 2	7	2026-2030	
3	Nhà máy thủy điện Lâm Sơn	11	2026-2030	
	Tỉnh Nghệ An	57,8		
1	Nhà máy thủy điện Châu Thôn	29,8	2024	
2	Nhà máy thủy điện Thông Thụ	28	2026-2030	
	Tỉnh Phú Yên	36		
1	Nhà máy thủy điện Khe Cách	12	2026-2030	
2	Nhà máy thủy điện Sơn Hòa 1	10	2026-2030	
3	Nhà máy thủy điện Sơn Hòa 2	14	2026-2030	
	Tỉnh Quảng Bình	42		
1	Nhà máy thủy điện Kim Hóa	22	2024	
2	Nhà máy thủy điện La Trọng	20	2026-2030	
	Tỉnh Quảng Ngãi	210,4		
1	Nhà máy thủy điện Thạch Nham (Thủy lợi kết hợp thủy điện)	10	2024	
2	Nhà máy thủy điện Trà Phong (Trà Phong 1A: 19 MW; Trà Phong 1B: 11 MW)	30	2024	
3	Nhà máy thủy điện Sông Liên 1	15	2024	
4	Nhà máy thủy điện Ba Vì	9	2025	
5	Nhà máy thủy điện Trà Khúc 1	30	2025	
6	Nhà máy thủy điện Trà Khúc 2	30	2025	
7	Nhà máy thủy điện Sông Liên 2	12	2025	
8	Nhà máy thủy điện Đăkđrinh 2	21	2026-2030	

TT	Dự án	Công suất (MW)	Năm vận hành	Ghi chú
9	Nhà máy thủy điện Tây Trà 1	10	2026-2030	
10	Nhà máy thủy điện Tây Trà 2	9	2026-2030	
11	Nhà máy thủy điện Tây Trà 3	10	2026-2030	
12	Nhà máy thủy điện Long Sơn	10,6	2026-2030	
13	Nhà máy thủy điện Sơn Linh	7	2026-2030	
14	Nhà máy thủy điện Sơn Nham	6,8	2026-2030	
	Tỉnh Thừa Thiên Huế	9		
1	Nhà máy thủy điện Hồ Truồi	6	2026-2030	
2	Nhà máy thủy điện Sông Bồ 1	3	2026-2030	
	Tỉnh Tuyên Quang	27,2		
1	Nhà máy thủy điện Hùng Lợi 1	8	2026-2030	
2	Nhà máy thủy điện Hùng Lợi 2	3,5	2026-2030	
3	Nhà máy thủy điện Thác Gióm	5,4	2026-2030	
4	Nhà máy thủy điện Hùng Lợi 3	3,3	2026-2030	
5	Nhà máy thủy điện Suối Ba 2	4	2026-2030	
6	Nhà máy thủy điện Khuân Cọ	3	2026-2030	
	Tỉnh Thanh Hóa	46,5		
1	Nhà máy thủy điện Sông Âm	14	2026-2030	
2	Nhà máy thủy điện Tén Tàn	12	2026-2030	
3	Nhà máy thủy điện Xuân Khao	7,5	2026-2030	
4	Nhà máy thủy điện Mường Mìn	13	2026-2030	
	Tỉnh Yên Bái	274,1		
1	Nhà máy thủy điện Chí Lư	15	2023	Đã vận hành
2	Nhà máy thủy điện Thảo Sa Chải	6,5	2023	Đã vận hành
3	Nhà máy thủy điện Hạnh Phúc	7	2024	
4	Nhà máy thủy điện Mí Háng Tàu	4,6	2024	
5	Nhà máy thủy điện Nậm Tăng 3	17,5	2024	
6	Nhà máy thủy điện Đê Dính Máo	22	2024	
7	Nhà máy thủy điện Thác Bà 2	18,9	2025	
8	Nhà máy thủy điện Phìn Hồ 2	10	2025	
9	Nhà máy thủy điện Nậm Tục Bạc I	21	2025	
10	Nhà máy thủy điện Bản Lìu	3	2026-2030	
11	Nhà máy thủy điện Chấn Thịnh	10	2026-2030	
12	Nhà máy thủy điện Tân Lĩnh	22	2026-2030	

TT	Dự án	Công suất (MW)	Năm vận hành	Ghi chú
13	Nhà máy thủy điện Ngòi Hút 8	11	2026-2030	
14	Nhà máy thủy điện Nậm Pươi	15	2026-2030	
15	Nhà máy thủy điện Chống Khua	9,5	2026-2030	
16	Nhà máy thủy điện Nha Tráng	2,6	2026-2030	
17	Nhà máy thủy điện Đồng Ngãi	9	2026-2030	
18	Nhà máy thủy điện Hồ Bốn 2	5	2026-2030	
19	Nhà máy thủy điện Phong Dụ Hạ	16	2026-2030	
20	Nhà máy thủy điện Phong Dụ Thượng	22	2026-2030	
21	Nhà máy thủy điện Đào Sa	15,5	2026-2030	
22	Nhà máy thủy điện Nậm Búng	11	2026-2030	

Bảng 11: Danh mục các dự án điện sinh khối

TT	Dự án	Công suất (MW)	Năm vận hành	Ghi chú
	Tỉnh Cà Mau	24		
1	Nhà máy điện sinh khối Khánh An	24	2026-2030	
	Tỉnh Lạng Sơn	30		
1	Nhà máy điện sinh khối Bắc Sơn	12	2026-2030	
2	Nhà máy điện sinh khối Lạng Sơn	18	2026-2030	
	Tỉnh Yên Bái	108		
1	Nhà máy điện sinh khối Yên Bái 1	50	2026-2030	
2	Nhà máy điện sinh khối Trường Minh	58	2026-2030	
	Tỉnh Tuyên Quang	50		
1	Nhà máy điện sinh khối Tuyên Quang	50	2023-2030	
	Tỉnh Nghệ An	10		
1	Nhà máy điện sinh khối Quỳnh Hợp	10	2026-2030	
	Tỉnh Hà Tĩnh	5		
1	Nhà máy điện sinh khối Hùng Anh	5	2026-2030	
	Tỉnh Bình Phước	10		
1	Nhà máy điện sinh khối Bình Phước	10	2026-2030	
	Tỉnh Đồng Nai	12		
1	Nhà máy điện sinh khối Ajinomoto Biên Hoà	12	2026-2030	

TT	Dự án	Công suất (MW)	Năm vận hành	Ghi chú
	Tỉnh Vĩnh Long	10		
1	Nhà máy điện sinh khối	10	2026-2030	
	Tỉnh Bến Tre	10		
1	Nhà máy điện sinh khối Bến Tre	10	2026-2030	
	Tỉnh Hậu Giang	30		
1	Nhà máy điện sinh khối Hậu Giang	20	2026-2030	
2	Nhà máy điện trấu Hậu Giang	10	2026-2030	

Bảng 12: Danh mục các dự án điện sản xuất từ rác

TT	Dự án	Công suất (MW)	Năm vận hành	Ghi chú
	Tỉnh Bắc Ninh	36,7		
1	Dự án đầu tư xây dựng khu liên hợp xử lý chất thải công nghiệp, chất thải rắn sinh hoạt	6,1		Đã vận hành
2	Dự án đầu tư xây dựng nhà máy xử lý chất thải rắn sinh hoạt công nghệ cao phát năng lượng	11,6		Đã vận hành
3	Dự án đầu tư xây dựng nhà máy xử lý chất thải rắn sinh hoạt công nghệ cao phát năng lượng	13		Đã vận hành
4	Dự án khu xử lý chất thải rắn sinh hoạt tập trung phát điện	6		Đã vận hành
	Tỉnh Lạng Sơn	11		
1	Nhà máy điện rác Lạng Sơn	11	2026-2030	
	Tỉnh Nam Định	15		
1	Nhà máy điện rác Greenity Nam Định	15	2023-2025	Đang thi công
	Thành phố Hải Phòng	40		
1	Nhà máy xử lý chất thải rắn sinh hoạt bằng công nghệ đốt rác phát điện	20	2026-2030	xã Trần Dương
2	Nhà máy xử lý chất thải rắn sinh hoạt bằng công nghệ đốt rác phát điện Đình Vũ, giai đoạn 1	20	2026-2030	
	Tỉnh Thanh Hóa	18		
1	Nhà máy xử lý rác thải sinh hoạt phát điện Thanh Hóa	18	2026-2030	
	Tỉnh Hà Tĩnh	30		
1	Nhà máy xử lý chất thải và phát điện	30	2026-2030	xã Hồng Lộc, huyện Lộc Hà, tỉnh Hà Tĩnh
	Tỉnh Phú Yên	15		
1	Nhà máy xử lý rác thải sinh hoạt và phát điện Trung An	15	2026-2030	

TT	Dự án	Công suất (MW)	Năm vận hành	Ghi chú
	Tỉnh Bình Phước	15		
1	Nhà máy điện rác Tân Hưng Hớn Quán	15	2026-2030	
	Tỉnh Đồng Nai	66		
1	Nhà máy điện rác Vĩnh Tân - giai đoạn 1	20	2026-2030	
2	Nhà máy điện rác Quang Trung	7,5	2026-2030	
3	Nhà máy điện rác W2E Đồng Nai - giai đoạn 1	20	2026-2030	
4	Nhà máy điện rác Định Quán - giai đoạn 1	18,5	2026-2030	
	Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	30		
1	Điện sản xuất từ rác Bà Rịa - Vũng Tàu	5	2026-2030	
2	Điện sản xuất từ rác Tóc Tiên 02	20	2026-2030	
3	Điện sản xuất từ rác Tóc Tiên	5	2026-2030	Đã cấp chủ trương đầu tư
	Tỉnh Sóc Trăng	16		
1	Nhà máy phát điện từ chất thải rắn	16	2026-2030	
	Tỉnh Bến Tre	15		
1	Nhà máy đốt chất thải rắn phát điện	15	2026-2030	
	Tỉnh Tiền Giang	10		
1	Nhà máy điện rác Tiền Giang	10	2026-2030	
	Tỉnh Vĩnh Long	14		
1	Nhà máy đốt rác phát điện	14	2026-2030	phát điện sử dụng chất thải rắn
	Tỉnh Kiên Giang	14		
1	Nhà máy điện rác Hòn Đất	10	2026-2030	
2	Nhà máy điện rác thải Phú Quốc	4	2026-2030	
	Tỉnh Cà Mau	16		
1	Nhà máy điện rác thành phố Cà Mau	4	2026-2030	
2	Nhà máy điện rác Năm Căn	6	2026-2030	
3	Nhà máy điện rác U Minh	6	2026-2030	

Bảng 13: Danh mục các dự án điện mặt trời xem xét sau năm 2030 được triển khai trong thời kỳ quy hoạch nếu thực hiện theo hình thức tự sản, tự tiêu

TT	Dự án	Công suất (MW)	Tỉnh/Thành phố
1	Điện mặt trời An Cư	40	An Giang
2	Điện mặt trời Hồng Liêm 6.1	40	Bình Thuận
3	Điện mặt trời Ayun Pa	20	Gia Lai

TT	Dự án	Công suất (MW)	Tỉnh/Thành phố
4	Điện mặt trời Ninh Sim	32	Khánh Hòa
5	Điện mặt trời Ia Rsum - Bitexco - TôNa	11,84	Gia Lai
6	Điện mặt trời Đầm An Khê	40	Quảng Ngãi
7	Điện mặt trời Đầm Nước Mặn	40	Quảng Ngãi
8	Điện mặt trời Lộc Thạnh 1-1	40	Bình Phước
9	Điện mặt trời Hải Lý Bình Phước 1	40	Bình Phước
10	Điện mặt trời Sông Bình	200	Bình Thuận
11	Điện mặt trời Tân Xuân	23,61	Bình Thuận
12	Điện mặt trời Easup 1	40	Đắk Lắk
13	Điện mặt trời Ia Lốp 1	40	Đắk Lắk
14	Điện mặt trời KN Buôn Tua Srah	312	Đắk Nông
15	Điện mặt trời Cư Knia	144	Đắk Nông
16	Điện mặt trời Ea Tling	76	Đắk Nông
17	Điện mặt trời Xuyên Hà	104	Đắk Nông
18	Điện mặt trời nổi KN Trị An	928	Đồng Nai
19	Điện mặt trời Trị An	101	Đồng Nai
20	Điện mặt trời Phước Trung	40	Ninh Thuận
21	Điện mặt trời Phước Hữu 2	184	Ninh Thuận
22	Điện mặt trời Xanh Sông Cầu	150	Phú Yên
23	Điện mặt trời hồ Khe Gỗ	200	Nghệ An
24	Điện mặt trời nổi hồ Vực Mầu	160	Nghệ An
25	Điện mặt trời Tam Bô	40	Lâm Đồng
26	Điện mặt trời Phong Hòa	40	Thừa Thiên Huế
27	Phần còn lại dự án Dầu Tiếng	1.050	Tây Ninh
	Tổng công suất	4.136,25	



Phụ lục IV

CHƯƠNG TRÌNH CẤP ĐIỆN NÔNG THÔN MIỀN NÚI, HẢI ĐẢO

*Kèm theo Kế hoạch tại Quyết định số 262/QĐ-TTg
ngày 01 tháng 4 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)*

STT	Danh mục các dự án/ tỉnh trong Chương trình	Tổng nhu cầu vốn (tỷ VNĐ)	Mục tiêu				Khối lượng			Ghi chú
			Số hộ được cấp điện (hộ)	Số thôn bản	Số xã	Số trạm bơm được cấp điện	Trạm biến áp (trạm)	Đường dây trung áp (km)	Đường dây hạ áp (km)	
	Tổng (I+II+III)	29.779	911.400	14.647	3.097	2.478	14.473	14.334,2	24.399,5	
I	Cấp điện nông thôn, miền núi	22.756	906.600	14.640	3.093	2.478	14.454	14.190	24.391	
1	Lai Châu	491	11.124	341	59		80	212	209	
2	Điện Biên	623	12.832	109	15		45	116	102	
3	Hà Giang	1.241	29.587	499	98		207	423	618	
4	Sơn La	545,9	12.146	442	118		142	154	466	
5	Cao Bằng	283	8.087	257	67		181	536	719	
6	Lào Cai	978	26.878	144	55		131	301	442	
7	Yên Bái	522	13.218	189	52		- 197	433	483	
8	Bắc Kạn	341	8.828	139	48		73	251	235	
9	Lạng Sơn	597	18.088	166	45		62	209	453	
10	Tuyên Quang	215	6.156	534	111		176	276	906	
11	Thái Nguyên	204	6.809	94	41		87	52	101	
12	Phú Thọ	81	2.477	71	26		45	29	49	
13	Bắc Giang	741	29.634	708	157		697	352	1.117	
14	Hòa Bình	164	5.470	114	42		57	50	224	

STT	Danh mục các dự án/ tỉnh trong Chương trình	Tổng nhu cầu vốn (tỷ VNĐ)	Mục tiêu				Khối lượng			Ghi chú
			Số hộ được cấp điện (hộ)	Số thôn bản	Số xã	Số trạm bơm được cấp điện	Trạm biến áp (trạm)	Đường dây trung áp (km)	Đường dây hạ áp (km)	
15	Thanh Hóa	523	17.428	55	14		55	154	110	
16	Nghệ An	640	18.581	154	48		136	439	253	
17	Hà Tĩnh	379	12.645	274	112		190	140	730	
18	Quảng Bình	182	6.272	271	60		96	187	300	
19	Quảng Trị	39	508	34	8		64	9	43	
20	Thừa Thiên Huế	449	22.453	561	89		121	74	648	
21	Quảng Nam	579	19.219	118	35		111	135	152	
22	Quảng Ngãi	621	30.475	241	20		31	87	37	
23	Bình Định	352	15.208	323	54		82	86	460	
24	Phú Yên	286	14.315	327	61		109	68	331	
25	Hải Phòng	30,4					-			
26	Gia Lai	971	35.998	848	166		564	355	1.277	
27	Kon Tum	384	12.157	203	33		87	106	158	
28	Đắk Lắk	752	26.825	824	129		422	492	1.359	
29	Đắk Nông	581	24.185	374	47		140	200	415	
30	Lâm Đồng	560	20.096	446	66		164	251	494	
31	Bình Thuận	734	33.383	654	95		1.015	1.018	1.321	
32	Bình Phước	490	27.201	519	79		449	397	855	
33	Tây Ninh	131	7.254	134	48		145	160	236	
34	Bến Tre	340	22.694	352	102		172	134	299	
35	Trà Vinh	311	20.393	321	84	3	321	190	514	
36	An Giang	503	26.252	361	113	374	873	342	869	

STT	Danh mục các dự án/ tỉnh trong Chương trình	Tổng nhu cầu vốn (tỷ VNĐ)	Mục tiêu				Khối lượng			Ghi chú
			Số hộ được cấp điện (hộ)	Số thôn bản	Số xã	Số trạm bơm được cấp điện	Trạm biến áp (trạm)	Đường dây trung áp (km)	Đường dây hạ áp (km)	
37	Kiên Giang	1.195	36.547	538	83	255	1.841	1.547	1.289	
38	Cần Thơ	446	29.719	164	17		61	79	137	
39	Sóc Trăng	425	25.375	452	82		318	505	1.293	
40	Bạc Liêu	981	42.066	295	46	406	1.008	797	769	
41	Long An	484	21.571	272	110	486	750	786	435	
42	Tiền Giang	228	14.234	275	85	175	536	327	617	
43	Vĩnh Long	193	14.516	369	73	11	253	143	296	
44	Đồng Tháp	741	44.970	414	89	415	994	673	1.168	
45	Hậu Giang	412	14.280	256	44	313	427	407	302	
46	Cà Mau	787	58.427	404	67	40	739	507	1.101	
II	Cấp điện hải đảo	6.925	4.800	7	4	-	19	144	9	
1	Đảo Côn Cỏ-Quảng Trị	627	180	1	1					
	Cấp ngầm 22 kV trên cạn							2		
	Cấp ngầm xuyên biển 22 kV							26		
	ĐZ 22 kV trên đảo						3	5	6	
2	Cấp điện bằng năng lượng tái tạo tỉnh Khánh Hòa	15								Thôn Đảo Ninh Tân, Ninh Đào, Diệp Sơn xã Vạn Thạnh; đảo Bích Đầm
3	Cấp điện bằng năng lượng tái tạo tỉnh Kiên Giang	50								Đảo Thổ Châu
4	Cấp điện Đảo An Sơn -Nam Du, Kiên Giang	1.433	2.112	5	2					
	Cấp ngầm xuyên biển 22 kV							39		
	ĐZ trung thế 22 kV						18	7	9	

STT	Danh mục các dự án/ tỉnh trong Chương trình	Tổng nhu cầu vốn (tỷ VNĐ)	Mục tiêu				Khối lượng			Ghi chú
			Số hộ được cấp điện (hộ)	Số thôn bản	Số xã	Số trạm bơm được cấp điện	Trạm biến áp (trạm)	Đường dây trung áp (km)	Đường dây hạ áp (km)	
5	Cấp điện Côn Đảo, Bà Rịa Vũng Tàu	4.800	2.500	1	1					
	ĐZ 110 kV cáp ngầm xuyên biển							78		
	ĐZ 110 kV cáp ngầm trên cạn							15		
	DZ 110 kV trên không							5		
	Trạm biến áp 110 kV					1				
	ĐZ trung thế đấu nối 22 kV							1		
III	Dự phòng	97								



Phụ lục V

DANH MỤC CÁC DỰ ÁN LƯỚI ĐIỆN TRUYỀN TẢI

*Kèm theo Kế hoạch tại Quyết định số 262/QĐ-TTg
tháng 4 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)*

Bảng 1: Danh mục các công trình trạm biến áp 500 kV xây mới và cải tạo

TT	Tên trạm biến áp	Công suất (MVA)	Loại công trình	Tiến độ vận hành		Nhà nước đầu tư	Xem xét xã hội hóa	Ghi chú
				2023-2025	2026-2030			
I	Miền Bắc							
1	Tây Hà Nội	1.800	Cải tạo	x		x		
2	Long Biên	1.800	Xây mới		x	x		
3	Sơn Tây	900	Xây mới		x	x		
4	Đan Phượng	1.800	Xây mới		x	x		
5	Nam Hà Nội	900	Xây mới		x	x		
6	Hải Phòng	1.800	Xây mới		x	x		
7	Gia Lộc	900	Xây mới		x	x		
8	Phổ Nối	1.800	Cải tạo		x	x		
9	Hưng Yên	900	Xây mới		x	x		
10	Nam Định	2.700	Xây mới		x	x		Tên trong QHĐ VII ĐC là TBA 500 kV Nhiệt điện Nam Định. Dự phòng quỹ đất cho trạm 220 kV nối cấp trong tương lai.
11	Thái Bình	1.200	Xây mới	x		x		
12	Nho Quan	1.800	Cải tạo	x		x		Đã hoàn thành
13	Hòa Bình 2	Trạm cắt	Xây mới		x	x		Đầu nối nguồn điện Lào
14	Lào Cai	2.700	Xây mới	x		x		Cần nhắc lắp máy 3 theo tình hình phát triển thủy điện nhỏ và mua điện Trung Quốc

TT	Tên trạm biến áp	Công suất (MVA)	Loại công trình	Tiến độ vận hành		Nhà nước đầu tư	Xem xét xã hội hóa	Ghi chú
				2023-2025	2026-2030			
15	Thái Nguyên	900	Xây mới		x	x		
16	Việt Trì	1.800	Cải tạo		x	x		
17	Vĩnh Yên	1.800	Xây mới	x		x		
18	Bắc Giang	900	Xây mới		x	x		
19	Yên Thế	900	Xây mới		x	x		
20	Bắc Ninh	1.800	Xây mới		x	x		
21	Quảng Ninh	1.200	Cải tạo	x		x		
22	Lai Châu	2.700	Cải tạo	x	x	x		Máy 1,2 (2x900 MVA): giai đoạn 2021-2025 Máy 3 (900 MVA): giai đoạn 2026-2030 Đồng bộ nguồn điện khu vực và nguồn nhập khẩu từ Lào
23	Sơn La	2.700	Cải tạo		x	x		
24	Hòa Bình	1.800	Cải tạo		x	x		
25	Thanh Hóa	1.800	Xây mới	x	x	x		Giai đoạn 2021-2025: 1200 MVA Giai đoạn 2026 - 2030: 1800 MVA
26	Nghi Sơn	1.800	Cải tạo		x	x		
27	Nam Cẩm	Trạm cắt	Xây mới		x	x		Trạm cắt 500 kV, đầu nối chuyển tiếp trên 01 mạch đường dây 500 kV Vũng Áng - Nho Quan (mới)
28	Quỳnh Lưu	1.800	Xây mới	x		x		
29	Bắc Bộ 1	1.800	Xây mới		x		x	Đồng bộ theo quy mô và tiến độ nguồn điện khu vực
30	Bắc Bộ 2	1.800	Xây mới		x		x	Đồng bộ theo quy mô và tiến độ nguồn điện khu vực
31	Bắc Bộ 3	900	Xây mới		x		x	Đồng bộ theo quy mô và tiến độ nguồn điện khu vực
32	Lạng Sơn	1.800	Xây mới		x		x	Đồng bộ theo quy mô và tiến độ nguồn điện khu vực

TT	Tên trạm biến áp	Công suất (MVA)	Loại công trình	Tiến độ vận hành		Nhà nước đầu tư	Xem xét xã hội hóa	Ghi chú
				2023-2025	2026-2030			
33	Dự phòng phát sinh TBA 500 kV xây mới, cải tạo nâng công suất	1.800	Xây mới và cải tạo		x	x	x	Dự phòng cho tăng trưởng phụ tải và phát triển nguồn điện
34	Lắp đặt kháng tụ khi đóng điện đường dây 500 kV mạch 3 từ Quảng Trạch - Phố Nối			x		x		- Dự án lưới điện truyền tải xây dựng mới hoặc các công trình đầu tư bổ sung mới để nâng cao năng lực lưới điện truyền tải, khả năng điều khiển và vận hành hệ thống điện. - Điều chuyển lắp đặt các thiết bị kháng, tụ khi trạm biến áp 500 kV Quỳnh Lưu, 500 kV Nam Định, 500 kV Thái Bình không kịp vào đồng bộ, để đảm bảo khả năng tải và các yếu tố kỹ thuật khác khi đóng điện (Văn bản số 6127/EVNNPT-KH+ĐT ngày 21/12/2023 của Tổng công ty truyền tải điện quốc gia.
35	Các công trình, dự án nâng cao khả năng điều khiển và vận hành trạm điện, hệ thống điện			x	x	x	x	Bao gồm nhưng không giới hạn các dự án: Thay thế, lắp đặt kháng điện, tụ bù, SVC, SVG, thiết bị FACTS, BESS, máy bù đồng bộ...; mở rộng ngăn lộ trạm biến áp, cải tạo, hoàn thiện sơ đồ các trạm biến áp theo hướng linh hoạt; lắp đặt các thiết bị hạn chế dòng ngắn mạch, thay thế nâng cấp thiết bị đảm bảo khả năng chịu dòng ngắn mạch, thiết lập mạch tự động; lắp đặt, thay thế các thiết bị, hệ thống điều khiển, hệ thống SCADA/ EMS, SCADA/DMS, tự động hóa trạm,... Quy mô, vị trí sẽ được chuẩn xác khi lập dự án
II	Miền Trung							
1	Lao Bảo (Hương Hóa)	1.800	Xây mới		x	x		Giải phóng nguồn điện khu vực. Kiến nghị thiết kế dự phòng đất mở rộng quy mô trong tương lai

TT	Tên trạm biến áp	Công suất (MVA)	Loại công trình	Tiến độ vận hành		Nhà nước đầu tư	Xem xét xã hội hóa	Ghi chú
				2023-2025	2026-2030			
2	Trạm cắt Quảng Trị 2	Trạm cắt	Xây mới		x	x		Chuyển tiếp mạch 3,4 (Quảng Trạch - Đốc Sỏi)
3	Quảng Trị	900	Xây mới	x		x		
4	Quảng Bình	900	Xây mới		x		x	Đồng bộ nguồn điện khu vực
5	Thanh Mỹ	1.800	Cải tạo		x	x		
6	Đốc Sỏi	1.200	Cải tạo	x		x		
7	Bình Định	900	Xây mới		x	x		Chống quá tải, giải phóng nguồn điện khu vực
8	Vân Phong	1.800	Xây mới		x	x		Đầu nối vào SPP NMNĐ Vân Phong I
9	Pleiku 2	1.800	Cải tạo	x		x		Chống quá tải, giải tỏa công suất nguồn
10	Krông Buk	1.800	Xây mới	x		x		Chống quá tải, giải tỏa công suất nguồn
11	Đắk Nông	1.800	Cải tạo	x		x		
12	Đà Nẵng	1.800	Cải tạo		x	x		
13	Dung Quất	900	Xây mới		x	x		Xem xét xây dựng trước sân phân phối 220 kV Dung Quất và đường dây đầu nối 220 kV cấp điện TBA 220 kV Dung Quất 2 trong giai đoạn 2021-2025
14	Kon Tum	Trạm cắt	Xây mới		x	x		Trạm cắt 500 kV đầu nối điện Lào trong trường hợp tăng cường nhập khẩu điện Nam Lào
15	Nhon Hòa	1.800	Xây mới	x	x		x	Máy 1 (900 MVA): giai đoạn 2021-2025 Máy 2 (900 MVA): giai đoạn 2026-2030.
16	Dự phòng phát sinh TBA 500 kV xây mới, cải tạo nâng công suất	1.800	Xây mới và cải tạo		x	x	x	Dự phòng cho tăng trưởng phụ tải và phát triển nguồn điện
17	Các công trình, dự án nâng cao khả năng điều khiển và vận hành trạm điện, hệ thống điện			x	x	x	x	Bao gồm nhưng không giới hạn các dự án: Thay thế, lắp đặt kháng điện, tụ bù, SVC, SVG, thiết bị FACTS, BESS, máy bù đồng bộ...; mở rộng ngăn lộ trạm biến áp, cải tạo, hoàn thiện sơ đồ các trạm biến áp

TT	Tên trạm biến áp	Công suất (MVA)	Loại công trình	Tiến độ vận hành		Nhà nước đầu tư	Xem xét xã hội hóa	Ghi chú
				2023-2025	2026-2030			
								theo hướng linh hoạt; lắp đặt các thiết bị hạn chế dòng ngắn mạch, thay thế nâng cấp thiết bị đảm bảo khả năng chịu dòng ngắn mạch, thiết lập mạch tự động; lắp đặt, thay thế các thiết bị, hệ thống điều khiển, hệ thống SCADA/ EMS, SCADA/DMS, tự động hóa trạm,... Quy mô, vị trí sẽ được chuẩn xác khi lập dự án
III	Miền Nam							
1	Ninh Sơn	1.800	Xây mới		x	x		Giải tỏa nguồn điện khu vực
2	Sơn Mỹ	900	Xây mới		x		x	MBA liên lạc trong TTĐL Sơn Mỹ, đồng bộ với NMNĐ Sơn Mỹ II
3	Hồng Phong	900	Xây mới		x	x		Đồng bộ theo quy mô và tiến độ nguồn điện khu vực
4	Nam Trung Bộ 1	1.800	Xây mới		x		x	Đồng bộ theo quy mô và tiến độ nguồn điện khu vực
5	Nam Trung Bộ 2	1.800	Xây mới		x		x	Đồng bộ theo quy mô và tiến độ nguồn điện khu vực
6	Củ Chi	1.800	Xây mới	x	x	x		Máy 1 (900 MVA): giai đoạn 2021-2025 Máy 2 (900 MVA): giai đoạn 2026-2030
7	Tây Ninh 1	1.800	Xây mới		x	x		
8	Tây Ninh 2	900	Xây mới		x	x		
9	Bình Dương 1	1.800	Xây mới	x		x		
10	Long Thành	1.800	Cải tạo		x	x		
11	Đồng Nai 2	1.800	Xây mới	x		x		
12	Bắc Châu Đức	1.800	Xây mới		x	x		
13	Long An	1.800	Xây mới	x		x		
14	Tiền Giang	900	Xây mới		x	x		
15	Thốt Nốt	1.800	Xây mới	x	x	x		Máy 1 (900 MVA): giai đoạn 2021-2025 Máy 2 (900 MVA): giai đoạn 2026-2030

TT	Tên trạm biến áp	Công suất (MVA)	Loại công trình	Tiến độ vận hành		Nhà nước đầu tư	Xem xét xã hội hóa	Ghi chú
				2023-2025	2026-2030			
16	Long Phú	1.500	Xây mới		x	x		Giải tỏa nguồn điện khu vực
17	Bạc Liêu	1.800	Xây mới		x		x	Đồng bộ theo quy mô và tiến độ nguồn điện khu vực
18	Di Linh	1.800	Cải tạo		x	x		Giải tỏa nguồn điện khu vực
19	Thuận Nam	2.700	Cải tạo		x		x	Giải tỏa nguồn điện khu vực
20	Nhà Bè	1.800	Cải tạo	x		x		
21	Cầu Bông	2.700	Cải tạo		x	x		
22	Chơn Thành	1.800	Cải tạo	x		x		
23	Tân Uyên	2.700	Cải tạo		x	x		
24	Tân Định	2.700	Cải tạo		x	x		
25	Sông Mỹ	2.700	Cải tạo	x		x		
26	Phú Mỹ	900	Cải tạo		x	x		
27	Đức Hòa	1.800	Cải tạo	x		x		
28	Ô Môn	1.800	Cải tạo	x		x		
29	Duyên Hải	900	Cải tạo		x	x		Giải tỏa nguồn điện khu vực
30	Nam Bộ 1		Xây mới		x		x	Đồng bộ theo quy mô và tiến độ nguồn điện gió ngoài khơi Nam Bộ, công suất dự kiến 900 MVA, không tính vào khối lượng TBA 500 kV dự phòng
31	Nam Bộ 2		Xây mới		x		x	Đồng bộ theo quy mô và tiến độ nguồn điện gió ngoài khơi Nam Bộ, công suất dự kiến 900 MVA, không tính vào khối lượng TBA 500 kV dự phòng
32	Dự phòng phát sinh TBA 500 kV xây mới, cải tạo nâng công suất	2.100	Xây mới và cải tạo		x	x	x	Dự phòng cho tăng trưởng phụ tải và phát triển nguồn điện

TT	Tên trạm biến áp	Công suất (MVA)	Loại công trình	Tiến độ vận hành		Nhà nước đầu tư	Xem xét xã hội hóa	Ghi chú
				2023-2025	2026-2030			
33	Thiết kế sơ đồ linh hoạt phân đoạn thanh cái cho sân phân phối 500 kV LNG Cà Ná				x		x	Hạn chế dòng ngắn mạch, tăng độ tin cậy cung cấp điện
34	Lắp đặt kháng bù ngang 500 kV để tối ưu dung lượng bù sau khi có đường dây 500 kV mạch 3			x		x		- Dự án lưới điện truyền tải xây dựng mới hoặc các công trình đầu tư bổ sung mới để nâng cao năng lực lưới điện truyền tải, khả năng điều khiển và vận hành hệ thống điện. - Tối ưu dung lượng bù sau khi có đường dây 500 kV mạch 3. Đảm bảo điện áp các nút 110 kV/220 kV/500 kV. Hạn chế thời gian huy động các tổ máy thủy điện chạy bù đồng bộ để hút/phát công suất phản kháng điều chỉnh điện áp gây tổn thất điện năng nhận về chạy bù (Văn bản số 6127/EVNNPT-KH+ĐT ngày 21/12/2023 của Tổng công ty truyền tải điện quốc gia.
35	Các công trình, dự án nâng cao khả năng điều khiển và vận hành trạm điện, hệ thống điện			x	x	x	x	Bao gồm nhưng không giới hạn các dự án: Thay thế, lắp đặt kháng điện, tụ bù, SVC, SVG, thiết bị FACTS, BESS, máy bù đồng bộ...; mở rộng ngăn lộ trạm biến áp, cải tạo, hoàn thiện sơ đồ các trạm biến áp theo hướng linh hoạt; lắp đặt các thiết bị hạn chế dòng ngắn mạch, thay thế nâng cấp thiết bị đảm bảo khả năng chịu dòng ngắn mạch, thiết lập mạch tự động; lắp đặt, thay thế các thiết bị, hệ thống điều khiển, hệ thống SCADA/ EMS, SCADA/DMS, tự động hóa trạm,... Quy mô, vị trí sẽ được chuẩn xác khi lập dự án

Bảng 2: Danh mục các công trình đường dây 500 kV xây mới và cải tạo

TT	Tên đường dây	Số mạch	x	km	Loại công trình	Tiến độ vận hành		Nhà nước đầu tư	Xem xét xã hội hóa	Ghi chú
						2023-2025	2026-2030			
I	Miền Bắc									
1	Tây Hà Nội - Thường Tín	2	x	40	Xây mới	x		x		Đã hoàn thành. Đầu nối TBA 500 kV Tây Hà Nội
2	Mạch 2 Nho Quan - Thường Tín	1	x	75	Xây mới	x		x		Cải tạo một mạch thành hai mạch
3	Hải Phòng - Thái Bình	2	x	35	Xây mới		x	x		Đầu nối TBA 500 kV Hải Phòng
4	NMNĐ Nam Định I - Phố Nối	2	x	123	Xây mới	x		x		Tên dự án Đường dây 500 kV NMNĐ Nam Định I - Phố Nối được thống nhất, chuẩn xác theo Quyết định này và thay thế cho tất cả tên gọi của Dự án xuất hiện trong các Văn bản pháp lý khác như: Đường dây 500 kV NĐ Nam Định 1 - Phố Nối, Đường dây 500 kV Nam Định 1 - Phố Nối...
5	NMNĐ Nam Định I - Thanh Hóa	2	x	73	Xây mới	x		x		Tên dự án Đường dây 500 kV NMNĐ Nam Định I - Thanh Hóa được thống nhất, chuẩn xác theo Quyết định phê duyệt Chủ trương đầu tư số 1241/QĐ-TTg ngày 24/10/2023 và thay thế cho tất cả tên gọi của Dự án xuất hiện trong các Văn bản pháp lý khác như: Đường dây 500 kV NĐ Nam Định 1 - Thanh Hóa, Đường dây 500 kV Nam Định 1 - Thanh Hóa...
6	Thái Bình - Rẽ NMNĐ Nam Định I - Phố Nối	4	x	2	Xây mới	x		x		Đầu nối TBA 500 kV Thái Bình
7	Lào Cai - Vĩnh Yên	2	x	210	Xây mới	x		x		Đầu nối TBA 500 kV Lào Cai, giải tỏa TĐN và dự phòng mua điện Trung Quốc
8	Vĩnh Yên - Rẽ Sơn La - Hiệp Hòa và Việt Trì - Hiệp Hòa	4	x	5	Xây mới	x		x		Đầu nối TBA 500 kV Vĩnh Yên
9	Bắc Ninh - Rẽ Đông Anh - Phố Nối	2	x	3	Xây mới	x		x		Đầu nối TBA 500 kV Bắc Ninh

TT	Tên đường dây	Số mạch	x	km	Loại công trình	Tiến độ vận hành		Nhà nước đầu tư	Xem xét xã hội hóa	Ghi chú
						2023-2025	2026-2030			
10	Đầu nối TĐ Hòa Bình MR	2	x	2	Xây mới	x		x		Đồng bộ TĐ Hòa Bình MR, chuyển tiếp Hòa Bình - Nho Quan
11	Thanh Hóa - Rẽ Nho Quan - Hà Tĩnh	2	x	5	Xây mới	x		x		Đầu nối tạm TBA 500 kV Thanh Hóa, đảm bảo cấp điện
12	NĐ Công Thanh - Rẽ Nghi Sơn - Nho Quan	2	x	5	Xây mới		x	x		Đồng bộ NĐ Công Thanh
13	Quỳnh Lưu - Thanh Hóa	2	x	91	Xây mới	x		x		Tăng cường năng lực truyền tải Bắc Trung Bộ - Bắc Bộ, thay thế cho đường dây NĐ Quỳnh Lập - Thanh Hóa
14	Quảng Trạch - Quỳnh Lưu	2	x	226	Xây mới	x		x		Tăng cường năng lực truyền tải Bắc Trung Bộ - Bắc Bộ, thay thế cho đường dây 500 kV NĐ Vũng Áng 3 - Quỳnh Lập
15	Vũng Áng - Rẽ Hà Tĩnh - Đà Nẵng (M3,4)	2	x	16	Xây mới	x		x		Chuyển tiếp vào đường dây 500 kV Hà Tĩnh - Đà Nẵng mạch 2
16	Vũng Áng - Quảng Trạch	2	x	33	Xây mới	x		x		Đã hoàn thành
17	Long Biên - Rẽ Phố Nối - Thường Tín	2	x	5	Xây mới		x	x		Đầu nối TBA 500 kV Long Biên
18	Tây Hà Nội - Vĩnh Yên	2	x	44	Xây mới		x	x		
19	Nam Hà Nội - Rẽ Nho Quan - Thường Tín	4	x	5	Xây mới		x	x		Đầu nối TBA 500 kV Nam Hà Nội
20	Đan Phượng - Rẽ Tây Hà Nội - Vĩnh Yên	4	x	5	Xây mới		x	x		Đầu nối TBA 500 kV Đan Phượng
21	Sơn Tây - Đan Phượng	2	x	20	Xây mới		x	x		Đầu nối TBA 500 kV Sơn Tây
22	Gia Lộc - Rẽ Thái Bình - Phố Nối	4	x	13	Xây mới		x	x		Đầu nối TBA 500 kV Gia Lộc
23	Hưng Yên - Rẽ LNG Nghi Sơn - Long Biên	4	x	5	Xây mới		x	x		Đầu nối TBA 500 kV Hưng Yên
24	Trạm cắt 500 kV Hòa Bình 2 - Rẽ Hòa Bình - Nho Quan	4	x	5	Xây mới		x	x		Đầu nối trạm cắt 500 kV Hòa Bình 2
25	Sam Nuea - Trạm cắt 500 kV Hòa Bình 2	2	x	110	Xây mới		x	x		Đầu nối nguồn điện Lào, chiều dài trên lãnh thổ Việt Nam khoảng 110km

TT	Tên đường dây	Số mạch	x	km	Loại công trình	Tiến độ vận hành		Nhà nước đầu tư	Xem xét xã hội hóa	Ghi chú
						2023-2025	2026-2030			
26	Trạm cắt 500 kV Hòa Bình 2 - Tây Hà Nội	2	x	80	Xây mới		x	x		Giải tỏa công suất TĐ Lào
27	Lạng Sơn - Rẽ Bắc Bộ 3 - Thái Nguyên	4	x	5	Xây mới		x		x	Đồng bộ theo quy mô và tiến độ nguồn điện khu vực. Trường hợp ĐD 500 kV Bắc Bộ 3 - Thái Nguyên chậm tiến độ, xây dựng trước ĐD 500 kV mạch kép Lạng Sơn - Yên Thế dài 110 km do nhà nước đầu tư.
28	Hiệp Hòa - Thái Nguyên	2	x	34	Xây mới		x	x		Đầu nối TBA 500 kV Thái Nguyên
29	Bắc Giang - Bắc Ninh	2	x	40	Xây mới		x	x		
30	Bắc Giang - Rẽ Quảng Ninh - Hiệp Hòa	4	x	5	Xây mới		x	x		Đầu nối TBA 500 kV Bắc Giang
31	Yên Thế - rẽ Bắc Bộ 3 - Thái Nguyên	4	x	10	Xây mới		x	x		Đầu nối TBA 500 kV Yên Thế. Trường hợp ĐD 500 kV Bắc Bộ 3 - Thái Nguyên chậm tiến độ, xây dựng trước ĐD 500 kV mạch kép Yên Thế - Thái Nguyên dài 70 km.
32	LNG Quảng Ninh I - Quảng Ninh	2	x	30	Xây mới		x	x		
33	Cải tạo Vũng Áng - Nho Quan (mạch 1)	2	x	360	Cải tạo		x	x		Cải tạo đường dây 500 kV hiện hữu thành 02 mạch, xem xét chuyển đầu nối vào Trạm cắt 500 kV Hòa Bình 2
34	Nam Cẩm - Rẽ Vũng Áng - Nho Quan	2	x	12	Xây mới		x	x		Chuyển tiếp trên đường dây mạch đơn Vũng Áng - Nho Quan
35	LNG Quảng Trạch II - Quảng Trạch	2	x	1	Xây mới		x	x		Đồng bộ LNG Quảng Trạch II
36	Bắc Bộ 1 - Hải Phòng	2	x	25	Xây mới		x		x	Đồng bộ theo quy mô và tiến độ nguồn điện khu vực
37	Bắc Bộ 3 - Thái Nguyên	2	x	250	Xây mới		x	x		Đồng bộ theo quy mô và tiến độ nguồn điện khu vực. Trường hợp TBA 500 kV Lạng Sơn triển khai trước, xây mới đường dây 500 kV mạch kép Bắc Bộ 3 - Lạng Sơn dài 80 km do nhà nước đầu tư.
38	Bắc Bộ 2 - Thái Bình	2	x	50	Xây mới		x		x	Đồng bộ theo quy mô và tiến độ nguồn điện khu vực

TT	Tên đường dây	Số mạch	x	km	Loại công trình	Tiến độ vận hành		Nhà nước đầu tư	Xem xét xã hội hóa	Ghi chú
						2023-2025	2026-2030			
39	LNG Nghi Sơn - Long Biên	2	x	212	Xây mới		x	x		Đồng bộ LNG Nghi Sơn
40	LNG Nghi Sơn - LNG Quỳnh Lập	2	x	25	Xây mới		x	x		Đồng bộ LNG Quỳnh Lập
41	Đầu nối LNG Quỳnh Lập	2	x	20	Xây mới		x	x		Xây mới đường dây 500kV mạch kép LNG Quỳnh Lập - Quỳnh Lưu, đồng bộ LNG Quỳnh Lập.
42	Đầu nối TBA 500 kV Quỳnh Lưu	4	x	1	Xây mới	x		x		Chuyển tiếp trên đường dây 500 kV Quảng Trạch - Quỳnh Lưu - Thanh Hóa. (do đầu tư trước đoạn Quảng Trạch - Thanh Hóa). Nằm trong khối lượng đường dây 500 kV dự phòng.
43	Dự phòng phát sinh Đường dây 500 kV cải tạo và xây mới			400	Xây mới và cải tạo		x	x	x	Dự phòng cho tăng trưởng phụ tải và phát triển nguồn điện
II	Miền Trung									
1	Quảng Trạch - Dốc Sỏi	2	x	500	Xây mới	x		x		Đã hoàn thành
2	Quảng Trị - Rẽ Vũng Áng - Đà Nẵng	4	x	6	Xây mới	x		x		Đầu nối TBA 500 kV Quảng Trị
3	Trạm cắt Quảng Trị 2 - Rẽ Quảng Trạch - Dốc Sỏi	4	x	5	Xây mới		x	x		Đầu nối trạm cắt Quảng Trị 2
4	Lao Bảo - Trạm cắt 500 kV Quảng Trị 2	2	x	31	Xây mới		x	x		Đầu nối TBA 500 kV Lao Bảo
5	Quảng Bình - Rẽ Vũng Áng - Quảng Trị	4	x	5	Xây mới		x		x	Đầu nối TBA 500 kV Quảng Bình
6	Monsoon - Thạnh Mỹ	2	x	45	Xây mới	x		x		Đồng bộ ĐG Monsoon (Lào)
7	Thạnh Mỹ - Rẽ Quảng Trạch - Dốc Sỏi	4	x	35	Xây mới		x	x		Đầu nối TBA 500 kV Thạnh Mỹ
8	TBKHH Dung Quất - Dốc Sỏi	2	x	8	Xây mới		x	x		

TT	Tên đường dây	Số mạch	x	km	Loại công trình	Tiền độ vận hành		Nhà nước đầu tư	Xem xét xã hội hóa	Ghi chú
						2023-2025	2026-2030			
9	TBKHH Dung Quất - Bình Định	2	x	200	Xây mới		x	x		Giải tỏa công suất TBKHH Dung Quất. Thay thế cho ĐD 500 kV TBKHH Miền Trung - Krông Buk trong QHĐ VII ĐC
10	Bình Định - Krông Buk	2	x	216	Xây mới		x	x		Đồng bộ TBA 500 kV Bình Định.
11	NMNĐ Vân Phong I - Thuận Nam	2	x	157	Xây mới	x		x		Đã hoàn thành. Đồng bộ NMNĐ Vân Phong I
12	TĐ Ialy MR - TĐ Ialy	1	x	2	Xây mới	x		x		Đồng bộ TĐ Ialy MR
13	Nhon Hòa - Rẽ Pleiku - Đắc Nông	2	x	4	Xây mới	x			x	Đầu nối TBA 500 kV Nhon Hòa để gom các nhà máy NLTT bao gồm NMĐG Nhon Hòa 1 (50 MW), Nhon Hòa 2 (50 MW) và các nguồn NLTT lân cận. Phê duyệt theo Văn bản số 323/TTg-CN ngày 17/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ và Văn bản số 1301/BCT-ĐL ngày 11/3/2021 của Bộ Công Thương
14	Krông Buk - Rẽ Pleiku 2 - Chơn Thành	4	x	2	Xây mới	x		x		Đồng bộ TBA 500 kV Krông Buk
15	NMNĐ Quảng Trị - Quảng Trị	2	x	17	Xây mới		x	x		
16	Cụm NMĐ Xebanghieng (Lào) - 500 kV Lao Bảo	2	x	20	Xây mới		x	x		Đồng bộ cụm NMĐ Xebanghieng (Lào), toàn tuyến 45km, phần trên lãnh thổ Việt Nam 20km
17	TBKHH Miền Trung - Đốc Sỏi	2	x	18	Xây mới		x	x		Đồng bộ TBKHH Miền Trung
18	Vân Phong - Bình Định	2	x	224	Xây mới		x	x		
19	Hatsan (Lào) - Kon Tum	2	x	100	Xây mới		x	x		Trường hợp tăng cường mua điện Lào
20	Kon Tum - Rẽ Thạnh Mỹ - Pleiku 2	4	x	5	Xây mới		x	x		Đầu nối trạm cắt 500 kV Kon Tum, trường hợp tăng cường mua điện từ Lào
21	Cải tạo Thạnh Mỹ - Pleiku 2 thành 2 mạch	2	x	199	Xây mới		x	x		Cải tạo mạch 1, chuyển đầu nối vào trạm biến áp 500 kV Pleiku. Tăng cường năng lực truyền tải, dự phòng đầu nối nguồn điện từ Lào
22	Krông Buk - Tây Ninh 1	2	x	313	Xây mới		x	x		

TT	Tên đường dây	Số mạch	x	km	Loại công trình	Tiến độ vận hành		Nhà nước đầu tư	Xem xét xã hội hóa	Ghi chú
						2023-2025	2026-2030			
23	Mạch 2 Đà Nẵng - Dốc Sỏi	2	x	100	Xây mới		x	x		Xây mới mạch 2, cải tạo mạch 1, trường hợp không mở rộng được ngăn lộ Dốc Sỏi, chuyển đầu nối mạch 2 về TBKHH Miền Trung
24	LNG Hải Lăng - NMNĐ Quảng Trị	2	x	6	Xây mới		x	x		Đồng bộ LNG Hải Lăng GD 1, trường hợp NMNĐ Quảng Trị chậm tiến độ, xây trước ĐD LNG Hải Lăng - Quảng Trị dài khoảng 23km đầu nối LNG Hải Lăng GD 1.
25	Dự phòng phát sinh Đường dây 500 kV cải tạo và xây mới			336	Xây mới và cải tạo		x	x	x	Dự phòng cho tăng trưởng phụ tải và phát triển nguồn điện
III	Miền Nam									
1	Ninh Sơn - Rẽ NMNĐ Vân Phong I - Thuận Nam	4	x	18	Xây mới		x	x		Đầu nối TBA 500 kV Ninh Sơn
2	Ninh Sơn - Chơn Thành	2	x	275	Xây mới		x	x		Giải tỏa công suất nguồn điện. Thay thế ĐD 500 kV Thuận Nam - Chơn Thành đã được phê duyệt tại Văn bản số 1891/TTg-CN ngày 27/12/2018 để thuận lợi trong đầu tư xây dựng và quản lý, vận hành.
3	Cù Chi - Rẽ Chơn Thành - Đức Hòa	2	x	16	Xây mới	x		x		Đầu nối TBA 500 kV Cù Chi
4	Tây Ninh 1 - Rẽ Chơn Thành - Đức Hòa	4	x	2	Xây mới		x	x		Đầu nối TBA 500 kV Tây Ninh 1
5	Bình Dương 1 - Rẽ Sông Mây - Tân Định	2	x	35	Xây mới	x		x		Đầu nối TBA 500 kV Bình Dương 1
6	Bình Dương 1 - Chơn Thành	2	x	17	Xây mới		x	x		Tạo mạch vòng, nâng cao độ tin cậy cấp điện khu vực Đông Nam Bộ
7	Long Thành - Rẽ Phú Mỹ - Sông Mây	2	x	17	Xây mới	x		x		Đã hoàn thành. Đầu nối TBA 500 kV Long Thành
8	Đồng Nai 2 - Rẽ Vĩnh Tân - Sông Mây	4	x	5	Xây mới	x		x		Chuyển tiếp trên mạch 3,4 ĐD 500 kV Vĩnh Tân - Rẽ Sông Mây - Tân Uyên
9	NMĐ Nhơn Trạch 4 - Rẽ Phú Mỹ - Nhà Bè	2	x	4	Xây mới	x		x		Đồng bộ NMĐ Nhơn Trạch 4; kiến nghị lựa chọn tiết diện dây dẫn phù hợp với tiết diện ĐD 500 kV Phú Mỹ - Nhà Bè sau cải tạo nâng khả năng tải

TT	Tên đường dây	Số mạch	x	km	Loại công trình	Tiến độ vận hành		Nhà nước đầu tư	Xem xét xã hội hóa	Ghi chú
						2023-2025	2026-2030			
10	Bắc Châu Đức - Rẽ Phú Mỹ - Sông Mây và Phú Mỹ - Long Thành	4	x	11	Xây mới		x	x		Đầu nối TBA 500 kV Bắc Châu Đức
11	Sông Hậu - Đức Hòa (giai đoạn 2)	2	x	97	Xây mới	x		x		Đồng bộ NB Sông Hậu I; Giai đoạn 1 đã hoàn thành năm 2020
12	Đức Hòa - Chơn Thành	2	x	104	Xây mới	x		x		Chuyển đầu nối Mỹ Tho - Chơn Thành
13	500 kV Đức Hòa - Rẽ Phú Lâm - Cầu Bông (mạch 2)	2	x	13	Xây mới	x		x		Đầu nối trạm 500 kV Đức Hòa chuyển tiếp thêm trên mạch còn lại của ĐD 500 kV Phú Lâm - Cầu Bông
14	Long An - Rẽ Nhà Bè - Mỹ Tho	2	x	1	Xây mới	x		x		Đầu nối TBA 500 kV Long An
15	Ô Môn - Thốt Nốt	2	x	35	Xây mới	x		x		Tăng cường lưới truyền tải khu vực Tây Nam Bộ; giải tỏa công suất TTĐL Ô Môn
16	LNG Bạc Liêu - Thốt Nốt	2	x	130	Xây mới		x	x		Đồng bộ LNG Bạc Liêu
17	TĐTN Bắc Ái - Ninh Sơn	2	x	25	Xây mới		x	x		Đồng bộ TĐTN Bắc Ái, thay cho ĐD 500 kV TĐTN Bắc Ái - Rẽ Vân Phong - Thuận Nam
18	Đầu nối TĐTN Nam Trung Bộ			30	Xây mới		x		x	TĐTN Nam Trung Bộ là TĐTN Phước Hòa. Đầu nối TĐTN Phước Hòa về trạm 500 kV Ninh Sơn bằng đường dây mạch kép, được làm rõ trong giai đoạn thỏa thuận đầu nối.
19	LNG Cà Ná - Thuận Nam	2	x	30	Xây mới		x	x		Đồng bộ LNG Cà Ná. Kiến nghị thiết kế sản phẩm phân phối 500 kV LNG Cà Ná với sơ đồ vận hành linh hoạt, có phân đoạn thanh cái
20	LNG Cà Ná - Bình Dương 1	2	x	280	Xây mới		x	x		Đồng bộ LNG Cà Ná; giải tỏa công suất LNG Cà Ná và nguồn điện khu vực
21	Hồng Phong - Rẽ Vĩnh Tân - Sông Mây	4	x	10	Xây mới		x	x		Đồng bộ theo quy mô và tiến độ nguồn điện khu vực
22	Sơn Mỹ - Bắc Châu Đức	2	x	80	Xây mới		x	x		Đồng bộ NMNĐ Sơn Mỹ II
23	Nam Trung Bộ 1 - Thuận Nam	2	x	20	Xây mới		x		x	Đồng bộ theo quy mô và tiến độ nguồn điện khu vực
24	Nam Trung Bộ 2 - Thuận Nam	2	x	50	Xây mới		x		x	Đồng bộ theo quy mô và tiến độ nguồn điện khu vực

TT	Tên đường dây	Số mạch	x	km	Loại công trình	Tiến độ vận hành		Nhà nước đầu tư	Xem xét xã hội hóa	Ghi chú
						2023-2025	2026-2030			
25	Nâng khả năng tải ĐD 500 kV Bắc Châu Đức - Sông Mây	1	x	58	Cải tạo		x	x		Đồng bộ TTĐL Sơn Mỹ
26	Nâng khả năng tải ĐD 500 kV Bắc Châu Đức - Long Thành - Sông Mây	1	x	92	Cải tạo		x	x		Đồng bộ TTĐL Sơn Mỹ
27	Long Thành - Rẽ Bắc Châu Đức - Sông Mây	2	x	17	Xây mới		x	x		Tăng cường truyền tải nguồn điện khu vực. Kiến nghị lựa chọn tiết diện phù hợp với ĐD 500 kV Bắc Châu Đức - Sông Mây sau cải tạo nâng khả năng tải
28	Nâng khả năng tải ĐD 500 kV Phú Mỹ - Nhà Bè và Phú Mỹ - NMĐ Nhơn Trạch 4 - Nhà Bè	2	x	43	Cải tạo		x	x		Tăng cường khả năng giải tỏa công suất nguồn điện khu vực
29	Tây Ninh 2 - Rẽ Chơn Thành - Tây Ninh 1	4	x	30	Xây mới		x	x		Đầu nối trạm 500 kV Tây Ninh 2, xem xét đầu chuyển tiếp trước 1 mạch
30	Tiền Giang - Rẽ Ô Môn - Mỹ Tho	4	x	5	Xây mới		x	x		Đầu nối TBA 500 kV Tiền Giang
31	Thốt Nốt - Đức Hòa	2	x	135	Xây mới		x	x		Đồng bộ tổ máy số 2 của LNG Bạc Liêu; xem xét phương án cải tạo lắp thêm các máy cắt phân đoạn thanh cái tại sân phân phối 500 kV Đức Hòa và vận hành tách thanh cái theo hướng truyền tải trực tiếp công suất từ Thốt Nốt đi Cầu Bông; hoặc xây dựng ĐD 500 kV Thốt Nốt - Đức Hòa chuyển đầu nối đi Cầu Bông để hạn chế dòng ngắn mạch
32	Nâng khả năng tải ĐD 500 kV Đức Hòa - Cầu Bông	2	x	24	Cải tạo		x	x		Đồng bộ tổ máy số 2 của LNG Bạc Liêu, giải tỏa LNG Bạc Liêu và nguồn NLTT Tây Nam Bộ
33	TBA 500 kV Bạc Liêu - Rẽ LNG Bạc Liêu - Thốt Nốt	2	x	20	Xây mới		x	x		Đầu nối TBA 500 kV Bạc Liêu
34	NMĐ Vĩnh Tân III - Vĩnh Tân	2	x	1	Xây mới, đồng bộ		x	x		Đồng bộ NMĐ Vĩnh Tân III

TT	Tên đường dây	Số mạch	x	km	Loại công trình	Tiến độ vận hành		Nhà nước đầu tư	Xem xét xã hội hóa	Ghi chú
						2023-2025	2026-2030			
					NMND Vĩnh Tân III					
35	NMND Sông Hậu II - Sông Hậu	2	x	1	Xây mới, đồng bộ NMND Sông Hậu II		x	x		Đồng bộ NMND Sông Hậu II
36	Đầu nối trạm 500 kV Nam Bộ 1			40	Xây mới		x		x	Đồng bộ theo quy mô và tiến độ nguồn điện gió ngoài khơi Nam Bộ
37	Đầu nối trạm 500 kV Nam Bộ 2			40	Xây mới		x		x	Đồng bộ theo quy mô và tiến độ nguồn điện gió ngoài khơi Nam Bộ
38	Dự phòng phát sinh Đường dây 500 kV cải tạo và xây mới			360	Xây mới và cải tạo		x	x	x	Dự phòng cho tăng trưởng phụ tải và phát triển nguồn điện

Ghi chú: Giai đoạn 2031-2035, thực hiện các công trình đầu nối các nguồn điện quan trọng, ưu tiên đầu tư đã được nêu trong Quyết định số 500/QĐ-TTg:

- Đầu nối LNG Long Sơn, dự kiến khoảng 72 km đường dây 500 kV,
- Đầu nối LNG Long An II, dự kiến khoảng 30 km đường dây 500 kV,
- Đầu nối TĐTN Đông Phù Yên, dự kiến khoảng 140 km đường dây 500 kV,
- Đầu nối TĐTN Đơn Dương #1, dự kiến khoảng 72 km đường dây 500 kV.

Bảng 3: Danh mục các công trình trạm biến áp 220 kV xây mới và cải tạo

TT	Tên trạm biến áp	Công suất (MVA)	Loại công trình	Tiến độ vận hành		Nhà nước đầu tư	Xem xét xã hội hóa	Ghi chú
				2023-2025	2026-2030			
I	Miền Bắc							
1	Vân Trì	750	Cải tạo	x		x		
2	Tây Hà Nội	750	Cải tạo		x	x		
3	Long Biên	750	Cải tạo	x		x		Đã hoàn thành
4	Thanh Xuân	750	Xây mới	x		x		
5	Đại Mỗ (Mỹ Đình)	750	Xây mới	x		x		
6	Hòa Lạc	500	Xây mới		x	x		
7	Mê Linh	500	Xây mới	x		x		
8	Văn Điển	750	Xây mới	x		x		
9	Long Biên 2 (Gia Lâm)	750	Xây mới		x	x		
10	Sóc Sơn 2	500	Xây mới		x	x		
11	Phú Xuyên	500	Xây mới		x	x		
12	Hòa Lạc 2	500	Xây mới		x	x		
13	Đan Phượng nối cấp	500	Xây mới		x	x		Nối cấp trạm 500 kV Đan Phượng
14	Chương Mỹ	250	Xây mới		x	x		
15	Cầu Giấy	500	Xây mới		x	x		
16	Hai Bà Trưng	500	Xây mới		x	x		
17	Ứng Hòa	500	Xây mới		x	x		
18	Vật Cách	500	Cải tạo		x	x		
19	NĐ Hải Phòng	500	Cải tạo		x		x	
20	Thủy Nguyên	500	Cải tạo	x		x		
21	Dương Kinh	500	Xây mới	x	x	x		Máy 1 (250 MVA): giai đoạn 2021-2025 Máy 2 (250 MVA): giai đoạn 2026-2030
22	An Lão	500	Xây mới		x	x		Xem xét máy 3 nếu cần thiết

TT	Tên trạm biến áp	Công suất (MVA)	Loại công trình	Tiến độ vận hành		Nhà nước đầu tư	Xem xét xã hội hóa	Ghi chú
				2023-2025	2026-2030			
23	Cát Hải	500	Xây mới		x	x		
24	Đại Bản	250	Xây mới		x	x		
25	Đồ Sơn	250	Xây mới		x	x		
26	Tiên Lãng	250	Xây mới		x	x		
27	Gia Lộc	500	Xây mới	x		x		
28	Tân Việt	500	Xây mới		x	x		
29	NĐ Phả Lại	750	Cải tạo		x	x		
30	Thanh Hà	250	Xây mới		x	x		
31	NĐ Hải Dương	500	Cải tạo		x	x		
32	Tứ Kỳ	250	Xây mới		x	x		
33	Nhị Chiêu	250	Xây mới		x	x		
34	Yên Mỹ	500	Xây mới	x		x		
35	Phố Núi 500 kV nối cấp	500	Xây mới	x		x		Máy 1 (250 MVA): đã vận hành năm 2022 Máy 2 (250 MVA): giai đoạn 2021-2025
36	Phố Cao	500	Xây mới	x		x		
37	Bãi Sậy	500	Xây mới		x	x		
38	Hưng Yên nối cấp	250	Xây mới		x	x		Thành phố Hưng Yên
39	Văn Giang	250	Xây mới		x	x		
40	Đồng Văn	500	Xây mới		x	x		
41	Lý Nhân	500	Xây mới		x	x		
42	Hải Hậu	500	Xây mới	x		x		
43	Nam Định 3	750	Xây mới		x		x	Đồng bộ với tiến độ phát triển phụ tải chuyên dùng
44	Nam Định 2	250	Xây mới		x	x		
45	Nghĩa Hưng	250	Xây mới		x	x		

TT	Tên trạm biến áp	Công suất (MVA)	Loại công trình	Tiến độ vận hành		Nhà nước đầu tư	Xem xét xã hội hóa	Ghi chú
				2023-2025	2026-2030			
46	Thái Thụy	500	Cải tạo	x		x		
47	Vũ Thư	500	Xây mới	x	x	x		Máy 1 (250 MVA): giai đoạn 2021-2025 Máy 2 (250 MVA): giai đoạn 2026-2030
48	Quỳnh Phụ	250	Xây mới		x	x		
49	Thái Bình 500 kV nối cấp	250	Xây mới		x	x		
50	Nho Quan 500 kV nối cấp	500	Cải tạo		x	x		
51	Ninh Bình 2	500	Xây mới		x	x		
52	Tam Điệp	250	Xây mới	x		x		
53	Gia Viễn	500	Xây mới		x	x		Thực hiện trong trường hợp di dời TBA 220 kV Ninh Bình. Xem xét xây dựng TBA 220 kV Gia Viễn trước đảm bảo cấp điện khu vực
54	Bắc Quang	500	Xây mới	x		x		
55	Hà Giang	375	Cải tạo		x	x		
56	Cao Bằng	500	Cải tạo		x	x		
57	Bát Xát	500	Xây mới	x		x		
58	Lào Cai 500 kV nối cấp	500	Xây mới		x	x		
59	Văn Bàn	250	Xây mới		x	x		
60	Bắc Hà	250	Xây mới		x		x	Lắp trong SPP NMTĐ Bắc Hà
61	Bắc Kạn	375	Cải tạo	x		x		
62	Đồng Mô	250	Xây mới	x		x		
63	Lạng Sơn	500	Xây mới	x	x	x		Máy 1 (125 MVA): Đã hoàn thành năm 2022; Máy 2 (250 MVA): Đã hoàn thành tháng 7/2023; Thay máy 1 (250 MVA): giai đoạn 2026-2030
64	Lạng Sơn 1	500	Xây mới	x			x	Đồng bộ theo quy mô và tiến độ nguồn điện khu vực

TT	Tên trạm biến áp	Công suất (MVA)	Loại công trình	Tiến độ vận hành		Nhà nước đầu tư	Xem xét xã hội hóa	Ghi chú
				2023-2025	2026-2030			
65	Lạng Sơn 2	500	Xây mới		x		x	Đồng bộ theo quy mô và tiến độ nguồn điện khu vực
66	Tuyên Quang	500	Cải tạo		x	x		
67	Nghĩa Lộ	250	Xây mới	x		x		Xét xét lắp máy 2 theo tình hình phát triển thủy điện nhỏ của khu vực
68	Lục Yên	250	Xây mới	x		x		
69	Yên Bái	500	Cải tạo		x	x		
70	Lưu Xá	500	Cải tạo	x		x		Đã hoàn thành
71	Sông Công	250	Xây mới		x	x		
72	Phú Bình 2	750	Xây mới		x	x		
73	Đại Từ	250	Xây mới		x	x		
74	Bắc Giang 1	500	Xây mới	x			x	Đồng bộ theo quy mô và tiến độ nguồn điện khu vực
75	Việt Trì 500 kV nối cấp	500	Xây mới		x	x		
76	Phú Thọ 2	500	Xây mới	x	x	x		Máy 1 (250 MVA): giai đoạn 2021-2025 Máy 2 (250 MVA): giai đoạn 2026-2030
77	Phú Thọ 3	250	Xây mới		x	x		
78	Vĩnh Tường	500	Cải tạo	x		x		
79	Bá Thiện	500	Xây mới	x		x		
80	Phúc Yên	250	Xây mới		x	x		
81	Chấn Hưng	250	Xây mới		x	x		
82	Tam Dương	500	Xây mới		x	x		
83	Yên Dũng	500	Xây mới		x	x		
84	Lạng Giang	500	Xây mới	x	x	x		Máy 1 (250 MVA): giai đoạn 2021-2025 Máy 2 (250 MVA): giai đoạn 2026-2030
85	Hiệp Hòa 2	250	Xây mới		x	x		
86	Bắc Giang 500 kV nối cấp	250	Xây mới		x	x		

TT	Tên trạm biến áp	Công suất (MVA)	Loại công trình	Tiến độ vận hành		Nhà nước đầu tư	Xem xét xã hội hóa	Ghi chú
				2023-2025	2026-2030			
87	Việt Yên	250	Xây mới		x	x		
88	Tân Yên	250	Xây mới		x	x		
89	Bắc Ninh 6	500	Xây mới		x	x		
90	Bắc Ninh 4	500	Xây mới		x	x		
91	Bắc Ninh 500 kV nối cấp	500	Xây mới		x	x		
92	Bắc Ninh 7	250	Xây mới		x	x		
93	Bắc Ninh 5	500	Xây mới	x	x	x		Máy 1 (250 MVA): giai đoạn 2021- 2025 Máy 2 (250 MVA): giai đoạn 2026-2030
94	Tràng Bạch	500	Cải tạo	x		x		Đã hoàn thành
95	Hoành Bồ	500	Cải tạo		x	x		
96	Quảng Ninh 500 kV nối cấp	500	Cải tạo		x	x		
97	Hải Hà	500	Cải tạo	x		x		
98	Yên Hưng	750	Xây mới	x	x	x		Máy 1 (250 MVA): Đã hoàn thành năm 2022; Máy 2 (250 MVA): 2024; Máy 3 (250 MVA): Theo nhu cầu phát triển phụ tải
99	Cộng Hòa	250	Xây mới		x	x		
100	Khe Thản	126	Xây mới		x	x		Đồng bộ với tiến độ phát triển phụ tải chuyên dùng
101	Móng Cái	250	Xây mới		x	x		
102	Cầm Phá	500	Cải tạo		x	x		
103	Nam Hòa	500	Xây mới	x		x		
104	KCN Hải Hà	500	Xây mới		x	x		Máy 2 dự phòng phát triển cao KCN Hải Hà
105	Quảng Ninh 1	500	Xây mới	x			x	Đồng bộ theo quy mô và tiến độ nguồn điện khu vực
106	Mường Tè	750	Cải tạo	x		x		

TT	Tên trạm biến áp	Công suất (MVA)	Loại công trình	Tiến độ vận hành		Nhà nước đầu tư	Xem xét xã hội hóa	Ghi chú
				2023-2025	2026-2030			
107	Than Uyên	750	Cải tạo	x		x		
108	Sìn Hồ	250	Xây mới		x	x		Giải phóng TĐN
109	Phong Thổ	750	Xây mới	x	x	x		Giải phóng TĐN Máy 1,2 (2x250 MVA): giai đoạn 2021-2025 Máy 3 (250 MVA): 2026-2030
110	Pắc Ma	750	Xây mới	x	x	x		Giải phóng TĐN Máy 1,2 (2x250 MVA): 2021-2025 Máy 3 (250 MVA): 2026-2030
111	Điện Biên	500	Xây mới	x	x	x		Giai đoạn 2021-2025: 250 MVA (2x125 MVA) Giai đoạn 2026-2030: 2x250 MVA
112	Điện Biên 1	500	Xây mới		x		x	Đồng bộ theo quy mô và tiến độ nguồn điện khu vực
113	Mường La	500	Cải tạo		x	x		
114	Suối Sập 2A	200	Xây mới	x			x	Đã hoàn thành. Giải phóng công suất thủy điện theo Văn bản số 136/TTg-CN ngày 29/01/2021
115	Phù Yên	375	Xây mới		x		x	Cấp điện phụ tải chuyên dùng
116	Mộc Châu	250	Xây mới		x	x		
117	Sông Mã	250	Xây mới		x		x	Đồng bộ theo quy mô và tiến độ nguồn điện khu vực
118	Sơn La 1	500	Xây mới	x			x	Đồng bộ theo quy mô và tiến độ nguồn điện khu vực
119	Yên Thủy	250	Xây mới	x		x		Máy 1 (125 MVA): đã hoàn thành tháng 3/2023; Máy 2 (125 MVA): giai đoạn 2026-2030
120	Hòa Bình	500	Cải tạo		x	x		
121	Tân Lạc	250	Xây mới		x	x		
122	Bim Sơn	500	Cải tạo	x		x		Đã hoàn thành
123	Nông Cống	500	Cải tạo		x	x		

TT	Tên trạm biến áp	Công suất (MVA)	Loại công trình	Tiến độ vận hành		Nhà nước đầu tư	Xem xét xã hội hóa	Ghi chú
				2023-2025	2026-2030			
124	KKT Nghi Sơn	750	Xây mới	x	x	x		Máy 1,2 (2x250 MVA): giai đoạn 2021-2025 Máy 3 (250 MVA): giai đoạn 2026-2030
125	Tĩnh Gia	500	Xây mới		x	x		
126	Sầm Sơn	500	Xây mới	x		x		
127	Hậu Lộc	500	Xây mới		x	x		
128	Thiệu Hóa	250	Xây mới		x	x		Thay thế TBA 220 kV Thanh Hóa nối cấp
129	Bá Thước	250	Xây mới		x	x		
130	Thanh Hóa 1	250	Xây mới	x			x	Đồng bộ theo quy mô và tiến độ nguồn điện khu vực
131	Đồng Vàng	500	Xây mới		x		x	
132	Thiệu Yên	250	Xây mới		x	x		
133	Tương Dương	250	Xây mới	x	x	x		Máy 1 (125 MVA): đã hoàn thành năm 2022; Máy 2 (125 MVA): giai đoạn 2026-2030 Giải phóng công suất TĐN
134	Nam Cẩm	500	Xây mới	x		x		
135	Quý Hợp	250	Xây mới		x	x		Giải phóng công suất TĐN
136	Đô Lương	500	Cải tạo	x	x	x		Máy 1 (250 MVA): đã hoàn thành năm 2022; Máy 2 (250 MVA): giai đoạn 2026-2030
137	Hà Tĩnh	500	Cải tạo	x		x		
138	Vũng Áng	500	Xây mới	x	x	x		Máy 1 (125 MVA): 2024 Máy 2 (250 MVA): 2027 Thay máy 1 (250 MVA): 2030
139	Vũng Áng 2	500	Xây mới	x			x	Đồng bộ với tiến độ phát triển phụ tải chuyên dùng
140	Can Lộc	250	Xây mới		x	x		
141	Nghi Sơn 2	500	Xây mới		x		x	Đồng bộ với tiến độ phát triển phụ tải chuyên dùng

TT	Tên trạm biến áp	Công suất (MVA)	Loại công trình	Tiến độ vận hành		Nhà nước đầu tư	Xem xét xã hội hóa	Ghi chú
				2023-2025	2026-2030			
142	Hà Tĩnh 1	500	Xây mới	x			x	Đồng bộ theo quy mô và tiến độ nguồn điện khu vực
143	Dự phòng phát sinh TBA 220 kV xây mới, cải tạo nâng công suất	2.000	Xây mới và cải tạo	x	x	x	x	Dự phòng cho tăng trưởng phụ tải và phát triển nguồn điện
144	Thiết kế sơ đồ linh hoạt 4 phân đoạn thanh cái bao gồm nhưng không giới hạn cho các sân phân phối 220 kV TBKHH Thái Bình, TBA 500 kV Quỳnh Lưu, Vinh Yên, Long Biên, Hải Phòng, TBA 220 kV Hai Bà Trưng, Nghĩa Hưng, Hậu Lộc, Tam Điệp, Bắc Ninh 4, Đồng Ky, Cát Hải, Nam Hòa, Long Biên 2, Hòa Lạc, Tân Việt, Hiệp Hòa 2, Phú Bình 2, Đồng Văn, Lý Nhân, Dương Kinh, Phố Cao			x	x	x	x	Hạn chế dòng ngắn mạch, tăng độ tin cậy cung cấp điện
145	Lắp kháng hạn chế dòng ngắn mạch tại các thanh cái 220 kV TBA 500 kV Phố Nối, Tây Hà Nội, Hiệp Hòa, Đan Phượng, Bắc Ninh, NĐ Phả Lại, Trảng Bạch			x	x	x	x	Hạn chế dòng ngắn mạch
146	Cải tạo sơ đồ thanh cái 220 kV linh hoạt, 4 phân đoạn thanh cái tại các trạm 500 kV Nho Quan,			x	x	x	x	Hạn chế dòng ngắn mạch, tăng độ tin cậy cung cấp điện

TT	Tên trạm biến áp	Công suất (MVA)	Loại công trình	Tiến độ vận hành		Nhà nước đầu tư	Xem xét xã hội hóa	Ghi chú
				2023-2025	2026-2030			
	Sơn La, Đông Anh và các trạm 220 kV Vân Trì, Vật Cách, Long Biên, Trục Ninh, Thái Bình, Hà Đông, Thanh Nghị, Bắc Ninh 2, NĐ Hải Dương							
147	Các công trình, dự án nâng cao khả năng điều khiển và vận hành trạm điện, hệ thống điện			x	x	x	x	Bao gồm nhưng không giới hạn các dự án: Thay thế, lắp đặt kháng điện, tụ bù, SVC, SVG, thiết bị FACTS, BESS, máy bù đồng bộ...; mở rộng ngăn lộ trạm biến áp, cải tạo, hoàn thiện sơ đồ các trạm biến áp theo hướng linh hoạt; lắp đặt các thiết bị hạn chế dòng ngắn mạch, thay thế nâng cấp thiết bị đảm bảo khả năng chịu dòng ngắn mạch, thiết lập mạch tự động; lắp đặt, thay thế các thiết bị, hệ thống điều khiển, hệ thống SCADA/ EMS, SCADA/DMS, tự động hóa trạm,... Quy mô, vị trí sẽ được chuẩn xác khi lập dự án
II	Miền Trung							
1	Đông Hới	375	Cải tạo		x	x		
2	Lệ Thủy	500	Xngumới	x			x	Giải phóng công suất nguồn khu vực
3	Ba Đồn	500	Cải tạo		x	x		
4	Hướng Linh	250	Xngumới	x			x	Giải phóng công suất nguồn khu vực
5	Hướng Tân	500	Xây mới	x			x	Nguhoàn thành. Giải phóng công suất nguồn khu vực
6	Đông Hà	500	Cải tạo	x	x	x		Thay máy 1 (250 MVA): giai đoạn 2021-2025; Thay máy 2 (250 MVA): giai đoạn 2026-2030
7	Đông Nam	250	Xây mới		x	x		
8	Lao Bảo	750	Cải tạo		x	x		

TT	Tên trạm biến áp	Công suất (MVA)	Loại công trình	Tiến độ vận hành		Nhà nước đầu tư	Xem xét xã hội hóa	Ghi chú
				2023-2025	2026-2030			
9	Phong Điền	375	Cải tạo		x	x		
10	Chân Mây	250	Xây mới	x	x	x		Máy 1 (125 MVA): Giai đoạn 2021-2025 Máy 2 (125 MVA): Giai đoạn 2026-2030
11	Hương Thủy	250	Xây mới		x	x		
12	Ngũ Hành Sơn	500	Cải tạo	x		x		Đã hoàn thành
13	Hải Châu	250	Xây mới	x		x		
14	Liên Chiêu	500	Xây mới		x	x		
15	Sân Bay Đà Nẵng	250	Xây mới		x	x		
16	Tiên Sa (An Đồn)	250	Xây mới		x	x		
17	Trạm cắt 220 kV Đăk Ooc	Trạm cắt	Xây mới	x		x		Đầu nối thủy điện Lào
18	Duy Xuyên	250	Xây mới	x	x	x		Máy 1 (125 MVA): Hoàn thành năm 2022 Máy 2 (125 MVA): giai đoạn 2026-2030
19	Tam Hiệp	250	Xây mới	x		x		
20	Thanh Mỹ	500	Cải tạo		x	x		
21	Tam Kỳ	500	Cải tạo		x	x		
22	Điện Bàn	250	Xây mới		x	x		
23	Nam Hội An	250	Xây mới		x	x		
24	Dung Quất 2	500	Xây mới	x		x		
25	Dốc Sỏi	500	Cải tạo		x	x		
26	Quảng Ngãi 2	250	Xây mới		x	x		
27	Nhon Hội	500	Xây mới		x	x		
28	Phước An	500	Cải tạo	x		x		
29	Phù Mỹ	375	Cải tạo		x	x		
30	Phù Mỹ 2	450	Xây mới		x		x	Đồng bộ tiến độ phát triển phụ tải chuyên dùng

TT	Tên trạm biến áp	Công suất (MVA)	Loại công trình	Tiến độ vận hành		Nhà nước đầu tư	Xem xét xã hội hóa	Ghi chú
				2023-2025	2026-2030			
31	Tuy Hòa	500	Cải tạo	x	x	x		Thay máy 1 (250 MVA): giai đoạn 2021-2025 Thay máy 2 (250 MVA): giai đoạn 2026-2030
32	Sông Cầu	500	Xây mới		x	x		
33	Nam Phú Yên	250	Xây mới		x	x		
34	Vân Phong	500	Cải tạo		x	x		
35	Cam Ranh	500	Xây mới	x		x		Đã hoàn thành
36	Vạn Ninh	500	Xây mới	x	x	x		Máy 1 (250 MVA): giai đoạn 2021-2025 Máy 2 (250 MVA): giai đoạn 2026-2030
37	Cam Thịnh	250	Xây mới		x	x		
38	Trạm cắt 220 kV Bờ Y	Trạm cắt	Xây mới	x		x		Đóng điện tháng 4/2023 Trạm cắt, đầu nối thủy điện Lào
39	Bờ Y	250	Xây mới		x	x		
40	Kon Tum	500	Cải tạo	x		x		
41	TĐ Nước Long	175	Xây mới		x		x	Giải phóng công suất cụm thủy điện theo Văn bản số 136/TTg-CN ngày 29/1/2021
42	Chư Sê	250	Xây mới	x	x	x		Máy 1 (125 MVA): đã hoàn thành năm 2; Máy 2 (125 MVA): giai đoạn 2021-2025
43	An Khê	250	Xây mới	x		x		
44	Pleiku 2 500 kV nối cấp	250	Xây mới	x		x		
45	Krngu Pa	250	Xây mới	x		x		Giải tỏa nguồn điện khu vực; ngược đầu tư khi xuất hiện thêm các nguồn NLTT mới, phù hợp với tiềm năng của khu vực
46	Gia Lai 1	250	Xây mới		x		x	Đồng bộ theo quy mô và tiến độ nguồn điện khu vực
47	Krông Ana	375	Cải tạo		x	x		
48	Krông Buk 500 kV nối cấp (Cư M'Gar)	500	Xây mới		x	x		
49	Ea Kar	250	Xây mới		x	x		

TT	Tên trạm biến áp	Công suất (MVA)	Loại công trình	Tiến độ vận hành		Nhà nước đầu tư	Xem xét xã hội hóa	Ghi chú
				2023-2025	2026-2030			
50	Đắk Nông	500	Cải tạo		x	x		
51	Đắk Nông 2	250	Xây mới		x	x		
52	TBA 220 kV Nhà máy điện phân nhôm Đắk Nông	1.184	Xây mới	x			x	Tại Quyết định số 500/QĐ-TTg, trạm biến áp này có tên trong danh mục lưới điện là “Điện phân nhôm”
53	Dự phòng phát sinh TBA 220 kV xây mới, cải tạo nâng công suất	500	Xây mới và cải tạo	x	x	x	x	Dự phòng cho tăng trưởng phụ tải và phát triển nguồn điện
54	Cải tạo sơ đồ thanh cái 220 kV linh hoạt, 4 phân đoạn thanh cái tại TBA 500 kV Đốc Sỏi			x	x	x		Hạn chế dòng ngắn mạch
55	Lắp kháng hạn chế dòng ngắn mạch tại các thanh cái 220 kV TBKHH Dung Quất (kháng đường dây 220 kV Đốc Sỏi - TBKHH Dung Quất)				x	x		Hạn chế dòng ngắn mạch
56	Các công trình, dự án nâng cao khả năng điều khiển và vận hành trạm điện, hệ thống điện			x	x	x	x	Bao gồm nhưng không giới hạn các dự án: Thay thế, lắp đặt kháng điện, tụ bù, SVC, SVG, thiết bị FACTS, BESS, máy bù đồng bộ...; mở rộng ngăn lộ trạm biến áp, cải tạo, hoàn thiện sơ đồ các trạm biến áp theo hướng linh hoạt; lắp đặt các thiết bị hạn chế dòng ngắn mạch, thay thế nâng cấp thiết bị đảm bảo khả năng chịu dòng ngắn mạch, thiết lập mạch tự động; lắp đặt, thay thế các thiết bị, hệ thống điều khiển, hệ thống SCADA/ EMS, SCADA/DMS, tự động hóa trạm,... Quy mô, vị trí sẽ được chuẩn xác khi lập dự án

TT	Tên trạm biến áp	Công suất (MVA)	Loại công trình	Tiến độ vận hành		Nhà nước đầu tư	Xem xét xã hội hóa	Ghi chú
				2023-2025	2026-2030			
III	Miền Nam							
1	Tà Năng	500	Xây mới		x		x	Đồng bộ theo quy mô và tiến độ nguồn điện khu vực
2	Trạm cắt Đa Nhim	Trạm cắt	Xây mới		x	x		Giải tỏa nguồn điện khu vực, do trạm 220 kV TĐ Đa Nhim không mở rộng được ngăn lộ 220 kV
3	Cà Ná	500	Xây mới		x	x		
4	Đông Quán Thê	480	Xây mới		x		x	Đồng bộ với tiến độ phát triển phụ tải chuyên dùng
5	Hàm Thuận Nam	500	Xây mới	x		x		
6	Vĩnh Hào	500	Xây mới	x		x		Đồng bộ theo quy mô và tiến độ nguồn điện khu vực
7	Hòa Thắng	500	Xây mới	x			x	Đồng bộ theo quy mô và tiến độ nguồn điện khu vực
8	Hồng Phong	500	Xây mới	x			x	Đồng bộ theo quy mô và tiến độ nguồn điện khu vực
9	Hàm Cường	250	Xây mới	x			x	Đồng bộ theo quy mô và tiến độ nguồn điện khu vực
10	Phong điện 1 Bình Thuận	250	Xây mới	x			x	Đồng bộ theo quy mô và tiến độ nguồn điện khu vực
11	Tân Cảng	500	Xây mới	x		x		
12	Tân Sơn Nhất	500	Xây mới	x		x		
13	Đàm Sen	500	Xây mới	x		x		
14	Thủ Thiêm	500	Xây mới	x		x		
15	Bình Chánh 1	500	Xây mới		x	x		
16	Bà Quẹo (Vĩnh Lộc)	500	Xây mới	x		x		
17	Quận 7	500	Xây mới	x		x		
18	Nam Hiệp Phước	500	Xây mới		x	x		
19	Quận 9	500	Xây mới		x	x		

TT	Tên trạm biến áp	Công suất (MVA)	Loại công trình	Tiến độ vận hành		Nhà nước đầu tư	Xem xét xã hội hóa	Ghi chú
				2023-2025	2026-2030			
20	Tây Bắc Củ Chi	250	Xây mới		x	x		
21	Phú Hòa Đông	250	Xây mới		x	x		
22	Bình Chánh 2	250	Xây mới		x	x		
23	Phước Long	500	Xây mới	x	x	x		Máy 1 (250 MVA): giai đoạn 2021-2025 Máy 2 (250 MVA): giai đoạn 2026-2030
24	Đông Bình Phước	500	Xây mới		x		x	Đồng bộ theo quy mô và tiến độ nguồn điện khu vực
25	Đông Xoài	250	Xây mới		x	x		
26	Tân Biên	500	Xây mới	x		x		
27	Phước Đông	500	Xây mới		x	x		
28	Bến Cầu	250	Xây mới		x	x		
29	Tây Ninh 3	250	Xây mới		x	x		
30	Tân Châu 1	500	Xây mới		x		x	Đồng bộ theo quy mô và tiến độ nguồn điện khu vực
31	Bến Cát 2	500	Xây mới	x		x		Đảm bảo cung cấp điện khu vực
32	Tân Định 2	500	Xây mới	x		x		
33	An Thạnh (VSIP)	500	Xây mới		x	x		
34	Bình Mỹ	500	Xây mới	x	x	x		Máy 1 (250 MVA): giai đoạn 2021-2025 Máy 2 (250 MVA): giai đoạn 2026-2030
35	Bắc Tân Uyên	500	Xây mới		x	x		
36	Lai Uyên	500	Xây mới	x	x	x		Máy 1 (250 MVA): giai đoạn 2021-2025 Máy 2 (250 MVA): giai đoạn 2026-2030
37	An Phước	500	Xây mới	x		x		Đã hoàn thành
38	Tam Phước	500	Xây mới	x	x	x		Máy 1 (250 MVA): giai đoạn 2021-2025 Máy 2 (250 MVA): giai đoạn 2026-2030
39	Thống Nhất	500	Xây mới		x	x		
40	KCN Nhơn Trạch	500	Xây mới	x		x		
41	Định Quán	500	Xây mới	x		x		

TT	Tên trạm biến áp	Công suất (MVA)	Loại công trình	Tiến độ vận hành		Nhà nước đầu tư	Xem xét xã hội hóa	Ghi chú
				2023-2025	2026-2030			
42	Long Khánh	500	Xây mới	x		x		
43	Hố Nai	500	Xây mới		x	x		
44	Dầu Giây	500	Xây mới		x	x		
45	Biên Hòa	500	Xây mới		x	x		
46	Đồng Nai 3	500	Xây mới		x		x	Đồng bộ theo quy mô và tiến độ nguồn điện khu vực
47	KCN Phú Mỹ 3	500	Xây mới	x		x		
48	Phước Thuận (Đất Đỏ)	500	Xây mới	x		x		
49	Long Sơn	250	Xây mới	x		x		
50	Hòa Bình	500	Xây mới	x		x		Đồng bộ theo quy mô và tiến độ nguồn điện khu vực
51	TP Phú Mỹ	250	Xây mới		x	x		
52	Bến Lức	500	Xây mới	x		x		Đã hoàn thành
53	Đức Hòa 2	500	Xây mới	x		x		
54	Đức Hòa 500 kV nối cấp	500	Xây mới	x	x	x		Máy 1 (250 MVA): giai đoạn 2021-2025 Máy 2 (250 MVA): giai đoạn 2026-2030
55	Đức Hòa 3	500	Xây mới	x		x		
56	Tân Lập	250	Xây mới		x	x		
57	Cần Giuộc	250	Xây mới		x	x		
58	Lấp Vò	250	Xây mới	x		x		
59	Hồng Ngự	250	Xây mới		x	x		
60	Chợ Mới	250	Xây mới	x		x		
61	Châu Thành (An Giang)	250	Xây mới	x		x		
62	Tân Phước (Cái Bè)	500	Xây mới	x		x		Tên khác của trạm 220 kV Cái Bè trong QHD VII Điều chỉnh đã được phê duyệt tại Quyết định số 428/QĐ-TTg ngày 18/03/2016 của Thủ tướng Chính phủ

TT	Tên trạm biến áp	Công suất (MVA)	Loại công trình	Tiến độ vận hành		Nhà nước đầu tư	Xem xét xã hội hóa	Ghi chú
				2023-2025	2026-2030			
63	Gò Công	500	Xây mới	x		x		Máy 1 (250 MVA): giai đoạn 2021-2025 Máy 2 (250 MVA): giai đoạn 2026-2030
64	Vĩnh Long 3	500	Xây mới	x		x		
65	Bình Đại	500	Xây mới	x			x	Đồng bộ theo quy mô và tiến độ nguồn điện khu vực.
66	Thanh Phú	500	Xây mới	x			x	Đồng bộ theo quy mô và tiến độ nguồn điện khu vực
67	An Biên (Vĩnh Thuận)	500	Xây mới	x		x		Tên khác của trạm 220 kV Vĩnh Thuận trong QHĐ VII điều chỉnh đã được phê duyệt tại Quyết định số 428/QĐ-TTg ngày 18/03/2016 của Thủ tướng Chính phủ
68	Phú Quốc	500	Xây mới		x	x		
69	Duyên Hải	250	Xây mới	x		x		
70	Trà Vinh 3	450	Xây mới		x		x	Xây mới, đồng bộ với tiến độ phát triển phụ tải chuyên dùng
71	Cà Mau 3	450	Xây mới		x		x	Xây mới, đồng bộ với tiến độ phát triển phụ tải chuyên dùng
72	Vĩnh Châu	500	Xây mới	x		x		Đồng bộ theo quy mô và tiến độ nguồn điện khu vực
73	Trần Đề	500	Xây mới		x		x	Đồng bộ theo quy mô và tiến độ nguồn điện khu vực
74	Bạc Liêu 3	750	Xây mới		x		x	Đồng bộ theo quy mô và tiến độ nguồn điện khu vực
75	Bạc Liêu 4	750	Xây mới		x		x	Đồng bộ theo quy mô và tiến độ nguồn điện khu vực
76	Năm Căn	500	Xây mới	x	x	x		Máy 1 (250 MVA): giai đoạn 2021-2025 Máy 2 (2025 MVA): giai đoạn 2026-2030
77	Đức Trọng	500	Cải tạo		x	x		
78	Bảo Lộc	500	Cải tạo		x	x		
79	TĐ Đa Nhim	375	Cải tạo		x	x		

TT	Tên trạm biến áp	Công suất (MVA)	Loại công trình	Tiến độ vận hành		Nhà nước đầu tư	Xem xét xã hội hóa	Ghi chú
				2023-2025	2026-2030			
80	Phước Thái	625	Cải tạo		x	x		Giải tỏa nguồn điện khu vực
81	TĐ Hàm Thuận	125	Cải tạo		x	x		
82	TĐ Đại Ninh	250	Cải tạo		x	x		
83	Nhà Bè	750	Cải tạo	x		x		
84	Bình Tân	750	Cải tạo	x		x		
85	Chợ Thành 500 kV nối cấp	500	Cải tạo	x		x		
86	Tây Ninh 2	500	Cải tạo	x		x		Đã hoàn thành
87	Tân Định	750	Cải tạo		x	x		
88	TĐ Trị An	500	Cải tạo	x		x		
89	Châu Đức	500	Cải tạo	x		x		
90	Bà Rịa	250	Cải tạo		x	x		
91	Cần Đước	500	Cải tạo	x		x		
92	Sa Đéc	500	Cải tạo	x		x		
93	Long Xuyên	500	Cải tạo	x		x		
94	Mỹ Tho	500	Cải tạo	x		x		
95	Cai Lậy	500	Cải tạo		x	x		
96	Mỏ Cày	500	Cải tạo		x	x		
97	Cần Thơ	500	Cải tạo	x		x		
98	Ô Môn	500	Cải tạo	x		x		
99	Thốt Nốt	375	Cải tạo		x	x		
100	Trà Nóc	500	Cải tạo		x	x		
101	Châu Thành (Hậu Giang)	500	Cải tạo		x	x		
102	Trà Vinh	500	Cải tạo		x	x		
103	Giá Rai	250	Cải tạo		x	x		

TT	Tên trạm biến áp	Công suất (MVA)	Loại công trình	Tiến độ vận hành		Nhà nước đầu tư	Xem xét xã hội hóa	Ghi chú
				2023-2025	2026-2030			
104	Bạc Liêu	375	Cải tạo		x	x		
105	Dự phòng phát sinh TBA 220 kV xây mới, cải tạo nâng công suất	2.125	Xây mới và cải tạo	x	x	x	x	Dự phòng cho tăng trưởng phụ tải và phát triển nguồn điện
106	Thiết kế sơ đồ linh hoạt phân đoạn thanh cái bao gồm nhưng không giới hạn cho các sân phân phối 220 kV TBA 500 kV Long Thành, Chơn Thành, Ninh Sơn, Đồng Nai 2, Thốt Nốt, TBA 220 kV Bà Quẹo, Tân Cảng, Nam Hiệp Phước, Tam Phước, Tân Định 2, KCN Phú Mỹ 3, TP Phú Mỹ, Bình Mỹ, Bình Chánh 2, Phú Hòa Đông, An Phước, Bình Mỹ			x	x	x		Hạn chế dòng ngắn mạch, tăng độ tin cậy cung cấp điện
107	Lắp kháng hạn chế dòng ngắn mạch tại các thanh cái 220 kV TBA 500 kV Vĩnh Tân, Bắc Châu Đức, TBA 220 kV Bà Quẹo (kháng đường dây 220 kV Bà Quẹo - Đầm Sen)			x	x	x		Hạn chế dòng ngắn mạch
108	Cải tạo sơ đồ thanh cái 220 kV linh hoạt, phân đoạn thanh cái tại các TBA 500 kV Đức Hòa, Ô Môn, TBA 220 kV Ninh Phước, Long Thành, Củ Chi			x	x	x		Hạn chế dòng ngắn mạch, tăng độ tin cậy cung cấp điện

TT	Tên trạm biến áp	Công suất (MVA)	Loại công trình	Tiến độ vận hành		Nhà nước đầu tư	Xem xét xã hội hóa	Ghi chú
				2023-2025	2026-2030			
109	Các công trình, dự án nâng cao khả năng điều khiển và vận hành trạm điện, hệ thống điện			x	x	x	x	Bao gồm nhưng không giới hạn các dự án: Thay thế, lắp đặt kháng điện, tụ bù, SVC, SVG, thiết bị FACTS, BESS, máy bù đồng bộ...; mở rộng ngăn lộ trạm biến áp, cải tạo, hoàn thiện sơ đồ các trạm biến áp theo hướng linh hoạt; lắp đặt các thiết bị hạn chế dòng ngắn mạch, thay thế nâng cấp thiết bị đảm bảo khả năng chịu dòng ngắn mạch, thiết lập mạch tự động; lắp đặt, thay thế các thiết bị, hệ thống điều khiển, hệ thống SCADA/ EMS, SCADA/DMS, tự động hóa trạm,... Quy mô, vị trí sẽ được chuẩn xác khi lập dự án

Ghi chú:

Đối với các dự án năng lượng tái tạo chưa được phê duyệt trong danh mục nguồn điện lần này, lưới điện đồng bộ đấu nối các dự án này sẽ được rà soát và chuẩn xác trong lần phê duyệt bổ sung

Bảng 4: Danh mục các công trình đường dây 220 kV xây mới và cải tạo

TT	Tên đường dây	Số mạch	x	km	Loại công trình	Tiến độ vận hành		Nhà nước đầu tư	Xem xét xã hội hóa	Ghi chú
						2023-2025	2026-2030			
I	Miền Bắc									
1	Văn Điển - Rẽ Hà Đông - Thường Tín	4	x	4	Xây mới	x		x		Đấu nối TBA 220 kV Văn Điển, bao gồm chuyển đấu nối trạm Văn Điển hình thành Văn Điển - Hòa Bình; Văn Điển - Xuân Mai
2	Tây Hà Nội - Thanh Xuân	4	x	16	Xây mới	x		x		Đấu nối TBA 220 kV Thanh Xuân
3	500 kV Đông Anh - Văn Trì	2	x	13	Xây mới		x	x		
4	Nâng khả năng tái Hòa Bình - Chèm	1	x	74	Cải tạo	x		x		Đã hoàn thành. Đảm bảo cấp điện Hà Nội

TT	Tên đường dây	Số mạch	x	km	Loại công trình	Tiến độ vận hành		Nhà nước đầu tư	Xem xét xã hội hóa	Ghi chú
						2023-2025	2026-2030			
5	Nâng khả năng tải Hà Đông - Chèm	1	x	16	Cải tạo	x		x		Đảm bảo cấp điện Hà Nội
6	Đại Mỗ (Mỹ Đình) - Rẽ Tây Hà Nội - Thanh Xuân	4	x	2	Xây mới	x		x		Đầu nối TBA 220 kV Đại Mỗ
7	Mê Linh - Rẽ Sóc Sơn - Vân Trì	2	x	2	Xây mới	x		x		Đầu nối TBA 220 kV Mê Linh
8	500 kV Tây Hà Nội - Hòa Lạc	2	x	14	Xây mới		x	x		Đầu nối TBA 220 kV Hòa Lạc
9	Ứng Hòa - Rẽ Hà Đông - Phú Lý	2	x	4	Xây mới		x	x		Đầu nối TBA 220 kV Ứng Hòa
10	Mạch 2 Hà Đông - Ứng Hòa - Phú Lý	2	x	40	Xây mới		x	x		Cải tạo một mạch thành hai mạch, mở rộng 02 ngăn lộ tại trạm 220 kV Ứng Hòa
11	Nâng khả năng tải Hiệp Hòa - Sóc Sơn	2	x	10	Cải tạo		x	x		Nâng khả năng tải hai mạch ĐD 220 kV Hiệp Hòa - Sóc Sơn, gỡ bỏ hai mạch còn lại để hạn chế dòng ngắn mạch
12	Nâng khả năng tải Hà Đông - Thường Tín	2	x	16	Cải tạo	x		x		
13	Cải tạo đường dây 220 kV Sơn Tây - Vĩnh Yên 01 mạch thành 2 mạch	2	x	30	Cải tạo		x	x		Cải tạo một mạch thành hai mạch, đồng thời chuyển đầu nối thành đường dây 2 mạch Sơn Tây - Vĩnh Yên
14	Long Biên - Mai Động	2	x	16	Xây mới	x		x		Xây mới, cấp ngầm
15	Long Biên 2 - Rẽ Mai Động - Long Biên	4	x	3	Xây mới		x	x		Đầu nối TBA 220 kV Long Biên 2
16	Nâng khả năng tải Thường Tín - Phố Nối	2	x	33	Cải tạo	x		x		Nâng khả năng tải 1 mạch Thường Tín - TBA 220 kV Phố Nối, 1 mạch Thường Tín - TBA 500 kV Phố Nối
17	Nâng khả năng tải Xuân Mai - Hà Đông	1	x	25	Cải tạo		x	x		
18	Nâng khả năng tải Vân Trì - Tây Hồ - Chèm	2	x	20	Cải tạo		x	x		Đảm bảo cấp điện Hà Nội
19	An Lão - Rẽ Đồng Hòa - Thái Bình	4	x	2	Xây mới		x	x		Đầu nối TBA 220 kV An Lão

TT	Tên đường dây	Số mạch	x	km	Loại công trình	Tiến độ vận hành		Nhà nước đầu tư	Xem xét xã hội hóa	Ghi chú
						2023-2025	2026-2030			
20	Cát Hải - Đình Vũ	2	x	12	Xây mới		x	x		Trường hợp không mở rộng được ngăn lộ trạm biến áp 220 kV Đình Vũ, xem xét đầu chuyển tiếp 1 mạch đường dây 220 kV Đình Vũ - Dương Kinh
21	Dương Kinh - Rẽ Đồng Hòa - Đình Vũ	4	x	3	Xây mới	x		x		Đầu nối TBA 220 kV Dương Kinh, đồng thời chuyển đầu nối Hải Dương 2 - Đồng Hòa và Đồng Hòa - Đình Vũ thành Hải Dương 2 - Đình Vũ
22	Nam Hòa - Cát Hải	2	x	12	Xây mới		x	x		
23	NĐ Hải Dương - Phố Nối 500 kV	2	x	60	Xây mới	x		x		
24	Gia Lộc - Rẽ NĐ Hải Dương - Phố Nối	4	x	5	Xây mới	x		x		Đầu nối TBA 220 kV Gia Lộc
25	Bãi Sậy - Kim Động	2	x	12	Xây mới		x	x		Đầu nối TBA 220 kV Bãi Sậy
26	500 kV Hải Phòng - Gia Lộc	2	x	35	Xây mới		x	x		Tên dự án Đường dây 220 kV 500kV Hải Phòng - Gia Lộc được thống nhất, chuẩn xác theo Quyết định này và thay thế cho tất cả tên gọi của Dự án xuất hiện trong các Văn bản pháp lý khác như: Đường dây 220 kV Hải Phòng 500 kV - Gia Lộc, Đường dây 220 kV TBA 500 kV Hải Phòng - Gia Lộc, Gia Lộc - Hải Phòng 500kV...
27	Thanh Hà - Rẽ 500 kV Hải Phòng - Gia Lộc	2	x	7	Xây mới		x	x		Đầu nối TBA 220 kV Thanh Hà
28	Tân Việt (Bình Giang) - Rẽ Gia Lộc - Phố Nối	4	x	3	Xây mới		x	x		Đầu nối TBA 220 kV Tân Việt
29	Yên Mỹ - Rẽ Phố Nối 500 kV - Thường Tín 500 kV	2	x	2	Xây mới	x		x		Đầu nối TBA 220 kV Yên Mỹ
30	Phố Cao - Rẽ Thái Bình - Kim Động	4	x	1	Xây mới	x		x		Đầu nối TBA 220 kV Phố Cao
31	Mạch 2 Nho Quan - Phù Lý	2	x	27	Xây mới	x		x		Xây mới cải tạo 1 mạch thành hai mạch

TT	Tên đường dây	Số mạch	x	km	Loại công trình	Tiến độ vận hành		Nhà nước đầu tư	Xem xét xã hội hóa	Ghi chú
						2023-2025	2026-2030			
32	Lý Nhân - Rẽ Thanh Nghị - Thái Bình	4	x	2	Xây mới		x	x		Đầu nối TBA 220 kV Lý Nhân
33	Đồng Văn - Phú Lý	2	x	15	Xây mới		x	x		Đầu nối TBA 220 kV Đồng Văn, trường hợp Phú Lý không mở rộng được ngăn lộ, xem xét đầu chuyển tiếp Hà Đông - Phú Lý
34	NĐ Nam Định 500 kV - Ninh Bình 2	2	x	30	Xây mới		x	x		Dây phân pha tiết diện lớn
35	Hải Hậu - Trục Ninh	2	x	16	Xây mới	x		x		Đầu nối TBA 220 kV Hải Hậu
36	NĐ Nam Định 500 kV - Hải Hậu	2	x	10	Xây mới		x	x		Đầu nối TBA 500 kV NĐ Nam Định
37	NĐ Nam Định 500 kV - Hậu Lộc	2	x	48	Xây mới		x	x		Đầu nối TBA 500 kV NĐ Nam Định
38	NĐ Nam Định 500 kV - Nam Định 3	2	x	18	Xây mới		x	x		Đồng bộ với tiến độ phát triển phụ tải chuyên dùng. Thống nhất về mặt tên gọi với dự án Nam Định 500 kV - Nam Định 3.
39	Vũ Thư - Rẽ Thái Bình - Nam Định và Thái Bình - Ninh Bình	4	x	2	Xây mới	x		x		Đầu nối TBA 220 kV Vũ Thư
40	Nâng khả năng tải Đồng Hòa - Thái Bình	2	x	53	Cải tạo	x		x		
41	Thái Bình 500 kV - Thanh Nghị	2	x	60	Xây mới		x	x		Tên dự án Đường dây 220 kV Thái Bình 500 kV - Thanh Nghị được thống nhất, chuẩn xác theo Quyết định này và thay thế cho tất cả tên gọi của Dự án xuất hiện trong các Văn bản pháp lý khác như: Đường dây 220kV Thái Bình - Thanh Nghị, Đường dây 220 kV TBA 500 kV Thái Bình - Thanh Nghị, Đường dây 220 kV 500 kV Thái Bình - Thanh Nghị...
42	Thái Bình 500 kV - Rẽ Thái Bình - Kim Động	4	x	5	Xây mới	x		x		Đầu nối phía 220 kV Thái Bình 500 kV

TT	Tên đường dây	Số mạch	x	km	Loại công trình	Tiến độ vận hành		Nhà nước đầu tư	Xem xét xã hội hóa	Ghi chú
						2023-2025	2026-2030			
43	Tam Điệp - Rẽ Bim Sơn - Ninh Bình	4	x	5	Xây mới	x		x		Đầu nối TBA 220 kV Tam Điệp trên một mạch trước, đầu nối mạch còn lại đồng bộ với đường dây 220 kV Gia Viễn - Tam Điệp - Bim Sơn
44	Gia Viễn - Rẽ Nho Quan 500 kV - Ninh Bình	4	x	2	Xây mới		x	x		Đầu nối TBA 220 kV Gia Viễn
45	Gia Viễn - Nam Định	2	x	7	Xây mới		x	x		Chuyển đầu nối Gia Viễn - Nam Định, thực hiện trong trường hợp di chuyển TBA 220 kV Ninh Bình
46	Nâng khả năng tải Nho Quan 500 kV - Ninh Bình	2	x	26	Cải tạo		x	x		
47	Cải tạo đường dây 220 kV Gia Viễn - Tam Điệp - Bim Sơn 01 mạch thành 02 mạch	2	x	34	Cải tạo		x	x		ĐD 220 kV Gia Viễn - Tam Điệp - Bim Sơn thay thế cho ĐD 220 kV Ninh Bình - Tam Điệp - Bim Sơn trong trường hợp di dời TBA 220 kV Ninh Bình
48	Ninh Bình 2 - Rẽ Ninh Bình - Thái Bình	2	x	19	Xây mới		x	x		Đầu nối TBA 220 kV Ninh Bình 2
49	Bắc Quang - Rẽ Bảo Thắng - Yên Bái (Bắc Quang - Lục Yên)	2	x	43	Xây mới	x		x		Đã hoàn thành tháng 7/2023. Đầu nối TBA 220 kV Bắc Quang, tăng cường mua điện Trung Quốc
50	Treo dây mạch 2 Hà Giang - Biên giới Việt Nam - Trung Quốc	1	x	30	Xây mới		x	x		Tăng cường mua điện Trung Quốc
51	Bắc Quang - Biên giới Việt Nam - Trung Quốc (địa phận tỉnh Hà Giang)	2	x	55	Xây mới		x	x		Tăng cường mua điện Trung Quốc
52	Nâng khả năng tải Hà Giang - Rẽ TĐ Bắc Mê và Hà Giang - Thái Nguyên	42	+	51	Cải tạo	x		x		Nâng khả năng tải các đoạn AC410 trên tuyến Hà Giang - TĐ Bắc Mê (42km) và Hà Giang - Thái Nguyên (51km)
53	Treo dây mạch 2 Cao Bằng - Bắc Kạn	1	x	71	Xây mới	x		x		Treo dây mạch 2 Cao Bằng - Bắc Kạn
54	Lào Cai - Bảo Thắng	2	x	18	Xây mới	x		x		Đã hoàn thành

TT	Tên đường dây	Số mạch	x	km	Loại công trình	Tiến độ vận hành		Nhà nước đầu tư	Xem xét xã hội hóa	Ghi chú
						2023-2025	2026-2030			
55	Đầu nối 500 kV Lào Cai	4	x	5	Xây mới	x		x		Đầu nối TBA 500 kV Lào Cai, rẽ Bảo Thắng - Yên Bái
56	Bát Xát - 500 kV Lào Cai	2	x	42	Xây mới	x		x		Đầu nối TBA 220 kV Bát Xát
57	Than Uyên - 500 kV Lào Cai	2	x	65	Xây mới	x		x		Đầu nối TBA 220 kV Than Uyên, giải tỏa thủy điện nhỏ. Tên dự án Đường dây 220 kV Than Uyên - 500 kV Lào Cai được thống nhất, chuẩn xác theo Quyết định này và thay thế cho tất cả tên gọi của Dự án xuất hiện trong các Văn bản pháp lý khác như: Đường dây 220 kV Than Uyên - TBA 500 kV Lào Cai, Đường dây 220kV TBA 500 kV Lào Cai - Than Uyên...
58	TBA 500 kV Lào Cai - Biên giới Việt Nam - Trung Quốc	2	x	40	Xây mới		x	x		Tăng cường mua điện Trung Quốc
59	TĐ Bắc Hà - chuyển đầu nối 500 kV Lào Cai	1	x	5	Xây mới		x	x		Giảm tải đường dây 220 kV Bảo Thắng - Lào Cai 500 kV
60	Bắc Giang - Lạng Sơn	2	x	102	Xây mới	x		x		Đã hoàn thành. Đầu nối TBA 220 kV Lạng Sơn
61	Đồng Mỏ - Rẽ Bắc Giang - Lạng Sơn	4	x	3	Xây mới	x		x		Đầu nối TBA 220 kV Đồng Mỏ
62	TĐ Yên Sơn - Rẽ TĐ Tuyên Quang - Tuyên Quang	2	x	8	Xây mới		x	x		Đồng bộ TĐ Yên Sơn
63	Nâng khả năng tải Yên Bái - Việt Trì	2	x	67	Cải tạo	x		x		Cải tạo, nâng khả năng tải
64	Huội Quảng - Nghĩa Lộ	2	x	103	Xây mới	x		x		Giải tỏa thủy điện nhỏ
65	Nghĩa Lộ - Việt Trì (500 kV Việt Trì)	2	x	93	Xây mới	x		x		Giải tỏa thủy điện nhỏ
66	Lục Yên - Rẽ Lào Cai - Yên Bái	4	x	5	Xây mới	x		x		Đầu nối TBA 220 kV Lục Yên
67	Chuyển đầu nối Bắc Quang - Lục Yên	2	x	1	Xây mới		x	x		Chuyển đầu nối Bắc Quang về Lục Yên

TT	Tên đường dây	Số mạch	x	km	Loại công trình	Tiến độ vận hành		Nhà nước đầu tư	Xem xét xã hội hóa	Ghi chú
						2023-2025	2026-2030			
68	Nâng khả năng tải Yên Bái - Tuyên Quang	2	x	36	Cải tạo		x	x		Nâng khả năng tải, tăng cường mua điện Trung Quốc
69	Nâng khả năng tải Lục Yên - Yên Bái	2	x	58	Cải tạo		x	x		Nâng khả năng tải, tăng cường mua điện Trung Quốc
70	500 kV Hiệp Hòa - Phú Bình 2	2	x	14	Xây mới		x	x		Đầu nối TBA 220 kV Phú Bình 2
71	Sông Công - Rẽ Tuyên Quang - Phú Bình	2	x	2	Xây mới		x	x		Đầu nối TBA 220 kV Sông Công
72	Phú Bình 2 - Rẽ Thái Nguyên - Bắc Giang	2	x	13	Xây mới		x	x		Đầu nối TBA 220 kV Phú Bình 2
73	Nâng khả năng tải Hiệp Hòa - Phú Bình	1	x	10	Cải tạo		x	x		Nâng khả năng tải mạch ACSR410
74	Nâng khả năng tải Thái Nguyên - Lưu Xá - Phú Bình	1	x	30	Cải tạo	x		x		
75	500 kV Việt Trì - Việt Trì	2	x	10	Cải tạo	x		x		
76	Nâng khả năng tải 500 kV Việt Trì - Vĩnh Tường	1	x	27	Cải tạo	x		x		
77	Nâng khả năng tải 500 kV Việt Trì - Vĩnh Yên	1	x	36	Cải tạo	x		x		
78	500 kV Việt Trì - Bá Thiện (500 kV Vĩnh Yên)	2	x	43	Xây mới	x		x		Thay thế cho hai đường dây 220kV Việt Trì - Tam Dương và Tam Dương - Bá Thiện trong QHĐ VII ĐC
79	Phú Thọ 2 - Rẽ Sơn La - Việt Trì	2	x	1	Xây mới	x		x		Đầu nối TBA 220 kV Phú Thọ 2
80	Bá Thiện (Vĩnh Yên 500 kV) - Rẽ Vĩnh Yên - Sóc Sơn	2	x	13	Xây mới	x		x		Đầu nối TBA 220 kV Bá Thiện. Kết hợp cải tạo, nâng khả năng tải đoạn tuyến hiện hữu từ Vĩnh Yên 220 kV đến điểm giao cắt.
81	Tam Dương - Rẽ 500 kV Việt Trì - Bá Thiện (500 kV Vĩnh Yên)	4	x	2	Xây mới		x	x		Đầu nối TBA 220 kV Tam Dương

TT	Tên đường dây	Số mạch	x	km	Loại công trình	Tiến độ vận hành		Nhà nước đầu tư	Xem xét xã hội hóa	Ghi chú
						2023-2025	2026-2030			
82	Vĩnh Yên 500 kV - Mê Linh	2	x	25	Xây mới		x	x		Trạm 220 kV Bá Thiện nối cấp trong trạm 500 kV Vĩnh Yên. Tên dự án Đường dây 220 kV Vĩnh Yên 500 kV - Mê Linh được thống nhất, chuẩn xác theo Quyết định này và thay thế cho tất cả tên gọi của Dự án xuất hiện trong các Văn bản pháp lý khác như: Đường dây 220 kV Mê Linh - Bá Thiện, Đường dây 220 kV Bá Thiện - Mê Linh, Mê Linh - Vĩnh Yên 500 kV...
83	Mê Linh - Rẽ Sóc Sơn - Vân Trì (mạch 2)	2	x	2	Xây mới		x	x		Chuyển đầu nối đường dây 220 kV Vĩnh Yên 500 kV - Mê Linh và Mê Linh - Vân Trì thành Vĩnh Yên - Vân Trì để hạn chế dòng ngắn mạch
84	Vĩnh Tường - Vĩnh Yên	2	x	8	Xây mới		x	x		Xây mới và cải tạo, chuyển đầu nối thành đường dây 02 mạch Vĩnh Tường - Vĩnh Yên
85	Mạch 2 ND Phả Lại - Bắc Giang	2	x	27	Cải tạo	x		x		Cải tạo 1 mạch thành 2 mạch
86	Đầu nối NMNĐ An Khánh Bắc Giang	4	x	14	Xây mới	x		x		Đồng bộ NMNĐ An Khánh Bắc Giang, đầu nối trên ĐD 220 kV Bắc Giang - Lạng Sơn
87	Lạng Giang - Rẽ Bắc Giang - Thái Nguyên	2	x	2	Xây mới	x		x		Đầu nối trạm biến áp 220 kV Lạng Giang
88	Yên Dũng - Rẽ ND Phả Lại - Quang Châu	2	x	2	Xây mới		x	x		Đầu nối TBA 220 kV Yên Dũng
89	Bắc Ninh 4 - Đông Anh	2	x	11	Xây mới		x	x		Đầu nối TBA 220 kV Bắc Ninh 4. Tên dự án Đường dây 220 kV Bắc Ninh 4 - Đông Anh được thống nhất, chuẩn xác theo Quyết định này và thay thế cho tất cả tên gọi của Dự án xuất hiện trong các Văn bản pháp lý khác như: Đường dây 220 kV đầu nối Bắc Ninh 4, Đường dây 220 kV TBA 500 kV Đông Anh - Bắc Ninh 4, Đường dây 220 kV Bắc Ninh 4 - 500kV Đông Anh...
90	Bắc Ninh 5 - Rẽ Bắc Ninh 500 kV - Phố Nối	2	x	4	Xây mới	x		x		Đầu nối TBA 220 kV Bắc Ninh 5
91	Bắc Ninh 6 - Rẽ Phả Lại - 500 kV Phố Nối	2	x	3	Xây mới		x	x		Đầu nối TBA 220 kV Bắc Ninh 6, xem xét sử dụng cột 04 mạch treo trước 02 mạch

TT	Tên đường dây	Số mạch	x	km	Loại công trình	Tiến độ vận hành		Nhà nước đầu tư	Xem xét xã hội hóa	Ghi chú
						2023-2025	2026-2030			
92	Bắc Ninh 500 kV - Rẽ Bắc Ninh 2 - Phố Nối	4	x	3	Xây mới		x	x		Đầu nối phía 220 kV Bắc Ninh 500 kV
93	Bắc Ninh 500 kV - Bắc Ninh 4	2	x	13	Xây mới		x	x		
94	Khe Thân - Rẽ Trảng Bạch - Hoàn Bồ	2	x	2	Xây mới		x	x		Đầu nối TBA 220 kV Khe Thân
95	Cộng Hòa - Rẽ Cẩm Phả - Hải Hà	2	x	2	Xây mới		x	x		Xây mới 04 mạch, treo trước 02 mạch, đầu nối TBA 220 kV Cộng Hòa
96	Yên Hưng - Rẽ NMD ũng Bí - Trảng Bạch	2	x	12	Xây mới	x		x		Đã hoàn thành. Đầu nối TBA 220 kV Yên Hưng
97	Yên Hưng - Nam Hòa	2	x	30	Xây mới	x		x		Đầu nối TBA 220 kV Nam Hòa
98	Hải Hà - Móng Cái	2	x	40	Xây mới		x	x		
99	Phong Thổ - Than Uyên	2	x	65	Xây mới	x		x		Giải tỏa thủy điện nhỏ
100	Mường Tè - Lai Châu	2	x	50	Xây mới	x		x		Giải tỏa TĐ, đã đóng điện T2/2021
101	Pắc Ma - Mường Tè	2	x	36	Xây mới	x		x		Giải tỏa TĐ
102	Nậm Ou 7 - Lai Châu	2	x	65	Xây mới		x	x		Đầu nối TĐ Nậm Ou 5, 6, 7 (Lào). Toàn tuyến 2x97km, trên địa phận Việt Nam 2x65km. Đồng bộ nguồn TĐ từ Lào.
103	Nậm Ou 5 - Điện Biên	2	x	22	Xây mới		x	x		Đầu nối TĐ Nậm Ou 5, 6, 7 (Lào). Toàn tuyến 2x73km, trên địa phận Việt Nam 2x22km. Đồng bộ nguồn TĐ từ Lào.
104	Nâng khả năng tải Sơn La - Việt Trì	1	x	167	Cải tạo	x		x		
105	500 kV Sơn La - Điện Biên	2	x	133	Xây mới	x		x		Đầu nối TBA 220 kV Điện Biên. Tên dự án Đường dây 220 kV 500 kV Sơn La - Điện Biên được thống nhất, chuẩn xác theo Quyết định này và thay thế cho tất cả tên gọi của Dự án xuất hiện trong các Văn bản pháp lý khác như: Đường dây 220 kV Sơn La - Điện Biên, Đường dây 220 kV TBA 500kV Sơn La - Điện Biên...

TT	Tên đường dây	Số mạch	x	km	Loại công trình	Tiến độ vận hành		Nhà nước đầu tư	Xem xét xã hội hóa	Ghi chú
						2023-2025	2026-2030			
106	Nâng khả năng tải 500 kV Sơn La - Sơn La	1	x	41	Cải tạo		x	x		Đồng bộ theo quy mô và tiến độ nguồn điện khu vực
107	Nâng khả năng tải 500 kV Sơn La - Mường La	1	x	21	Cải tạo		x	x		Đồng bộ theo quy mô và tiến độ nguồn điện khu vực
108	Nâng khả năng tải Mường La - Sơn La	1	x	32	Cải tạo		x	x		Đồng bộ theo quy mô và tiến độ nguồn điện khu vực
109	Suối Sập 2A - Rẽ Sơn La - Việt Trì	2	x	5	Xây mới	x			x	Đã hoàn thành. Giải phóng công suất thủy điện theo Văn bản số 136/TTg-CN ngày 29/01/2021
110	Phù Yên - Rẽ Sơn La - Việt Trì	2	x	7	Xây mới		x		x	Đầu nối TBA 220 kV Phù Yên (cấp điện phụ tải chuyên dùng)
111	Yên Thủy - Rẽ Hòa Bình - Nho Quan	2	x	2	Xây mới	x		x		Đầu nối TBA 220 kV Yên Thủy
112	KKT Nghi Sơn - Rẽ Nghi Sơn - NB Nghi Sơn	4	x	2	Xây mới	x		x		Đầu nối TBA 220 kV KKT Nghi Sơn
113	Nghi Sơn 2 - Rẽ NB Nghi Sơn - Nông Cống	4	x	2	Xây mới		x		x	Đầu nối trạm 220 kV Nghi Sơn 2, đồng bộ với tiến độ phát triển phụ tải chuyên dùng
114	Thanh Hóa 500 kV - Sầm Sơn	2	x	36	Xây mới	x		x		Đầu nối TBA 220 kV Sầm Sơn
115	500 kV Thanh Hóa - Rẽ Nông Cống - Thanh Hóa	4	x	7	Xây mới	x		x		Đầu nối phía 220 kV TBA 500 kV Thanh Hóa
116	500 kV Thanh Hóa - Hậu Lộc	2	x	35	Xây mới		x	x		Đầu nối TBA 220 kV Hậu Lộc. Tên dự án Đường dây 220 kV 500 kV Thanh Hóa - Hậu Lộc được thống nhất, chuẩn xác theo Quyết định này và thay thế cho tất cả tên gọi của Dự án xuất hiện trong các Văn bản pháp lý khác như: Đường dây 220 kV TBA Thanh Hóa 500 kV - Hậu Lộc, Đường dây 220 kV Hậu Lộc - Thanh Hóa 500 kV, Đường dây 220 kV Thanh Hóa 500 kV - Hậu Lộc...
117	Thanh Hóa 500 kV - Bim Sơn	1	x	36	Xây mới		x	x		Cải tạo 1 mạch thành 2 mạch đường dây 220 kV Ba Chè - Bim Sơn
118	TĐ Nam Sum (Lào) - Nông Cống	2	x	129	Xây mới	x		x		Tên gọi khác của đường dây 220 kV "Trạm cắt 220 kV Nậm Sum - Nông Cống (phần đường dây

TT	Tên đường dây	Số mạch	x	km	Loại công trình	Tiến độ vận hành		Nhà nước đầu tư	Xem xét xã hội hóa	Ghi chú
						2023-2025	2026-2030			
										<i>trên lãnh thổ Việt Nam)", đã được phê duyệt trong Văn bản số 1889/TTg-CN ngày 27/12/2018 của Thủ tướng Chính phủ. Đồng bộ cum nhà máy thủy điện Nậm Sum tại Lào</i>
119	Mạch 3 Thanh Hóa - Nghi Sơn - Quỳnh Lưu	1	x	83	Xây mới		x	x		Treo dây mạch 2
120	Nâng khả năng tải Nông Cống - 500 kV Thanh Hóa	2	x	26	Cải tạo		x	x		Cải tạo trong trường hợp giải tỏa NĐ Nghi Sơn 2 qua lưới điện 220 kV.
121	NĐ Nghi Sơn - Rẽ Nông Cống - Quỳnh Lưu	2	x	10	Xây mới		x	x		Chuyển đầu nối Nông Cống - Nghi Sơn và Nghi Sơn - Quỳnh Lưu thành Nông Cống - Quỳnh Lưu. Thay thế đường dây 220 kV NĐ Nghi Sơn - Rẽ Nghi Sơn - Vinh
122	Nông Cống - Nghi Sơn - chuyển đầu nối NĐ Nghi Sơn	2	x	42	Xây mới		x	x		Giai đoạn 2 của đường NĐ Nghi Sơn - Rẽ Nông Cống - Quỳnh Lưu, hoàn trả hiện trạng ĐD 220 kV Nông Cống - Quỳnh Lưu
123	Tĩnh Gia - Rẽ Nông Cống - Nghi Sơn	2	x	8	Xây mới		x	x		Đầu nối TBA 220 kV Tĩnh Gia
124	Mỹ Lý - Bàn Vẽ	1	x	72	Xây mới	x			x	Đồng bộ TĐ Mỹ Lý
125	Đồng Vàng - Rẽ NĐ Nghi Sơn - Nông Cống	4	x	4	Xây mới		x		x	Đồng bộ với tiến độ phát triển phụ tải
126	Nam Cẩm - Rẽ Quỳnh Lưu - Hưng Đông	4	x	3	Xây mới	x			x	Đầu nối TBA 220 kV Nam Cẩm
127	Quỳ Hợp - Quỳnh Lưu 500 kV	2	x	62	Xây mới		x		x	Đầu nối TBA 220 kV Quỳ Hợp, giải phóng công suất TĐN.
128	Đầu nối TBA 500 kV Quỳnh Lưu	4	x	5	Xây mới	x			x	Đầu nối phía 220 kV Quỳnh Lưu 500 kV
129	Đô Lương - Nam Cẩm	2	x	32	Xây mới	x			x	Giải tỏa công suất TĐ Lào và TĐ phía Tây Nghệ An
130	Nâng khả năng tải Hưng Đông - Quỳnh Lưu - Nghi Sơn	2	x	100	Cải tạo		x		x	Cải tạo, nâng khả năng tải 2 mạch, Giải tỏa công suất TĐ Lào và TĐ phía Tây Nghệ An

TT	Tên đường dây	Số mạch	x	km	Loại công trình	Tiến độ vận hành		Nhà nước đầu tư	Xem xét xã hội hóa	Ghi chú
						2023-2025	2026-2030			
131	Nậm Mô 2 (Lào) - Tương Dương	2	x	77	Xây mới	x		x		Đồng bộ cụm TĐ Nậm Mô (Lào)
132	Tương Dương - Đô Lương	2	x	100	Xây mới	x		x		Đồng bộ cụm TĐ Nậm Mô (Lào)
133	Tương Dương - Rẽ Thù điện Bản Vẽ - Đô Lương	2	x	3	Xây mới	x		x		Đã hoàn thành. Đầu nối TBA 220 kV Tương Dương
134	Vũng Áng - 500 kV NB Vũng Áng	2	x	13	Xây mới	x		x		Đầu nối TBA 220 kV Vũng Áng
135	Vũng Áng 2 - Rẽ Vũng Áng - 500 kV NB Vũng Áng	2	x	2	Xây mới	x			x	Đầu nối TBA 220 kV Vũng Áng 2, đồng bộ với tiến độ phát triển phụ tải chuyên dùng
136	Nâng khả năng tải Hà Tĩnh - Hưng Đông	2(3)	x	66	Cải tạo		x	x		Chống quá tải mùa khô. Xem xét cải tạo Mạch 1 đường dây vận hành từ năm 1990 thành 02 mạch, tháo dỡ hoặc giữ nguyên mạch còn lại nếu mở rộng được ngăn lậ 220 kV tại TBA 500 kV Hà Tĩnh và TBA 220 kV Hưng Đông.
137	500 kV Đan Phượng - Mê Linh	2	x	15	Xây mới		x	x		Xem xét chuyển đầu nối thành mạch kép Vân Trì - Sóc Sơn và mạch kép Vĩnh Yên 500 kV - Mê Linh - Đan Phượng 500 kV
138	Đầu nối 500 kV Đan Phượng	4	x	11	Xây mới		x	x		Rẽ Chèm - Vân Trì và Chèm - Tây Hồ
139	Sóc Sơn 2 - Rẽ Hiệp Hòa - Đông Anh	2	x	3	Xây mới		x	x		Đầu nối TBA 220 kV Sóc Sơn 2
140	500 kV Sơn Tây - Hòa Lạc 2	2	x	15	Xây mới		x	x		Đầu nối TBA 220 kV Hòa Lạc 2
141	500 kV Sơn Tây - Hòa Lạc	2	x	12	Xây mới		x	x		Đầu nối phía 220 kV TBA 500 kV Sơn Tây
142	500 kV Sơn Tây - Rẽ Sơn Tây - Vĩnh Yên	4	x	5	Xây mới		x	x		Đầu nối phía 220 kV TBA 500 kV Sơn Tây
143	Đan Phượng 500 kV - Cầu Giấy	2	x	20	Xây mới		x	x		Đường dây trên không và cáp ngầm (nội đô), đầu nối TBA 220 kV Cầu Giấy
144	Hai Bà Trưng - Thành Công	2	x	5	Xây mới		x	x		Cáp ngầm, đầu nối TBA 220 kV Hai Bà Trưng

TT	Tên đường dây	Số mạch	x	km	Loại công trình	Tiến độ vận hành		Nhà nước đầu tư	Xem xét xã hội hóa	Ghi chú
						2023-2025	2026-2030			
145	Hai Bà Trưng - Mai Động	2	x	3	Xây mới		x	x		Cáp ngầm, đầu nối TBA 220 kV Hai Bà Trưng
146	Chương Mỹ - Rẽ Hòa Bình - Hà Đông	2	x	2	Xây mới		x	x		Đầu nối TBA 220 kV Chương Mỹ
147	Nam Hà Nội 500 kV - Phú Xuyên	2	x	15	Xây mới		x	x		Đầu nối TBA 220 kV Phú Xuyên
148	Đầu nối 500 kV Nam Hà Nội	2	x	15	Xây mới		x	x		Đầu nối TBA 500 kV Nam Hà Nội, rẽ Hà Đông Phù Lý và Ứng Hòa - Phù Lý
149	Long Biên 500 kV - Rẽ Long Biên 2 - Mai Động	4	x	10	Xây mới		x	x		Đầu nối phía 220 kV TBA 500 kV Long Biên
150	Hải Phòng 500 kV - Dương Kinh	2	x	8	Xây mới		x	x		
151	Hải Phòng 500 kV - Tiên Lãng	2	x	14	Xây mới		x	x		Đầu nối TBA 220 kV Tiên Lãng
152	Bắc Bộ 1 - Đồ Sơn	2	x	10	Xây mới		x		x	Đồng bộ theo quy mô và tiến độ nguồn điện khu vực
153	Bắc Bộ 3 - Hải Hà	2	x	20	Xây mới		x		x	Đồng bộ theo quy mô và tiến độ nguồn điện khu vực
154	Đồ Sơn - Dương Kinh	2	x	8	Xây mới		x	x		Đầu nối TBA 220 kV Đồ Sơn
155	Đại Bản - Rẽ Hải Dương 2 - Dương Kinh	4	x	2	Xây mới		x	x		Đầu nối TBA 220 kV Đại Bản
156	Nhị Chiêu - Rẽ Mạo Khê - Hải Dương 2	4	x	2	Xây mới		x	x		Đầu nối TBA 220 kV Nhị Chiêu
157	Tứ Kỳ - Rẽ 500 kV Hải Phòng - Gia Lộc	4	x	4	Xây mới		x	x		Đầu nối TBA 220 kV Tứ Kỳ
158	Gia Lộc 500 kV - Rẽ Gia Lộc - Hải Phòng 500 kV	4	x	5	Xây mới		x	x		Đầu nối TBA 500 kV Gia Lộc, trường hợp không bố trí được quỹ đất nối cấp Gia Lộc 220 kV
159	Hưng Yên 500 kV - Đông Văn	2	x	14	Xây mới		x	x		Đầu nối TBA 500 kV Hưng Yên
160	Văn Giang - Rẽ Long Biên 500 kV - Thường Tín 500 kV	4	x	2	Xây mới		x	x		Đầu nối TBA 220 kV Văn Giang

TT	Tên đường dây	Số mạch	x	km	Loại công trình	Tiến độ vận hành		Nhà nước đầu tư	Xem xét xã hội hóa	Ghi chú
						2023-2025	2026-2030			
161	Hưng Yên 500 kV (TP Hưng Yên) - Rẽ Kim Động - Phố Cao	4	x	5	Xây mới		x	x		Đầu nối TBA 500 kV Hưng Yên
162	Nam Định 2 - Rẽ Trục Ninh - Ninh Bình và Trục Ninh - Nam Định	2	x	2	Xây mới		x	x		Đầu nối TBA 220 kV Nam Định 2
163	LNG Thái Bình - Tiên Lãng	2	x	56	Xây mới		x	x		Đồng bộ LNG Thái Bình
164	LNG Thái Bình - Trục Ninh	2	x	50	Xây mới		x	x		Đồng bộ LNG Thái Bình
165	Nghĩa Hưng - Rẽ NĐ Nam Định 500 kV - Hậu Lộc	4	x	2	Xây mới		x	x		Đầu nối TBA 220 kV Nghĩa Hưng
166	Quỳnh Phụ - Rẽ Thái Bình - Đồng Hòa	4	x	2	Xây mới		x	x		Đầu nối TBA 220 kV Quỳnh Phụ
167	Cao Bằng - Lạng Sơn	2	x	120	Xây mới		x	x		
168	Bảo Lâm - Bắc Mê	2	x	30	Xây mới		x	x		Giải phóng công suất thủy điện nhỏ Hà Giang
169	Văn Bàn - Rẽ Than Uyên - Lào Cai 500 kV	4	x	10	Xây mới		x	x		Đầu nối TBA 220 kV Văn Bàn, giải phóng công suất thủy điện nhỏ
170	Lạng Sơn 1 - Đồng Mỏ	2	x	60	Xây mới	x			x	Đồng bộ theo quy mô và tiến độ nguồn điện khu vực
171	Lạng Sơn 2 - Lạng Sơn 1 500 kV	2	x	20	Xây mới		x		x	Đồng bộ theo quy mô và tiến độ nguồn điện khu vực
172	Hiệp Hòa 2 - Rẽ Hiệp Hòa 500 kV - Phú Bình 2	4	x	5	Xây mới		x	x		Đầu nối TBA 220 kV Hiệp Hòa 2
173	500 kV Thái Nguyên - Rẽ Malungtang - Thái Nguyên	2	x	12	Xây mới		x	x		Đầu nối phía 220 kV TBA 500 kV Thái Nguyên. Thực hiện chuyển tiếp trên đường dây 220kV Malungtang - Thái Nguyên (Hà Giang - Thái Nguyên)
174	500 kV Thái Nguyên - Rẽ Tuyên Quang (TBA) - Phú Bình	2	x	12	Xây mới		x	x		Đầu nối phía 220 kV TBA 500 kV Thái Nguyên

TT	Tên đường dây	Số mạch	x	km	Loại công trình	Tiến độ vận hành		Nhà nước đầu tư	Xem xét xã hội hóa	Ghi chú
						2023-2025	2026-2030			
175	500 kV Thái Nguyên - Rẽ Lưu Xá - Phú Bình	2	x	9	Xây mới		x	x		Đầu nối phía 220 kV TBA 500 kV Thái Nguyên
176	Đại Từ - Rẽ Hà Giang - Thái Nguyên 500 kV và Tuyên Quang - Thái Nguyên 500 kV	4	x	2	Xây mới		x	x		Đầu nối TBA 220 kV Đại Từ
177	Phú Thọ 3 - Rẽ Nghĩa Lộ - 500 kV Việt Trì	4	x	5	Xây mới		x	x		Đầu nối TBA 220 kV Phú Thọ 3
178	Bắc Giang 500 kV - Rẽ NMNĐ An Khánh Bắc Giang - Lạng Sơn	4	x	8	Xây mới		x	x		Đầu nối phía 220 kV TBA 500 kV Bắc Giang
179	Đầu nối 500 kV Yên Thế	4	x	4	Xây mới		x	x		Chuyển tiếp trên 02 mạch Phú Bình 2 rẽ Lạng Giang - Thái Nguyên
180	Yên Thế 500 kV - Việt Yên	2	x	25	Xây mới		x	x		Đầu nối TBA 220 kV Việt Yên
181	Tân Yên - Rẽ Yên Thế - Việt Yên	4	x	5	Xây mới		x	x		Đầu nối TBA 220 kV Tân Yên
182	Phúc Yên - Rẽ 500 kV Vĩnh Yên - 220 kV Vĩnh Yên	2	x	2	Xây mới		x	x		Đầu nối TBA 220 kV Phúc Yên
183	Chấn Hưng - Rẽ 500 kV Việt Trì - 220 kV Vĩnh Yên	2	x	2	Xây mới		x	x		Đầu nối TBA 220 kV Chấn Hưng
184	Bắc Giang 1 - Lạng Sơn 1	2	x	35	Xây mới	x			x	Đồng bộ theo quy mô và tiến độ nguồn điện khu vực
185	Đồng Mỏ - Sơn Động	2	x	60	Xây mới		x	x		
186	Bắc Ninh 7 - Rẽ 500 kV Đông Anh - Bắc Ninh 4	4	x	2	Xây mới		x	x		Đầu nối TBA 220 kV Bắc Ninh 7
187	Bắc Ninh 500 kV - Bắc Ninh	2	x	10	Xây mới		x	x		Đồng bộ với chuyển đầu nối đường dây 220 kV Phả Lại - Bắc Ninh và Bắc Ninh - Quang Châu thành Phả Lại - Quang Châu để hạn chế dòng ngắn mạch

TT	Tên đường dây	Số mạch	x	km	Loại công trình	Tiến độ vận hành		Nhà nước đầu tư	Xem xét xã hội hóa	Ghi chú
						2023-2025	2026-2030			
188	KCN Hải Hà - Hải Hà	2	x	10	Xây mới		x	x		Đảm bảo cấp điện KCN Hải Hà và giải phóng công suất NĐ đồng phát Hải Hà trong trường hợp gia tăng công suất bán điện lên lưới.
189	Nâng khả năng tải Quảng Ninh - Hoàn Bô	2	x	20	Xây mới		x	x		
190	Quảng Ninh 1 - Rẽ Hoàn Bô - NĐ Sơn Động và Hoàn Bô - Trảng Bạch	4	x	5	Xây mới	x			x	Đồng bộ theo quy mô và tiến độ nguồn điện khu vực
191	Lai Châu 500 kV - Phong Thổ	2	x	60	Xây mới		x	x		Giải tỏa công suất TĐ, giảm tải TBA 500 kV Lai Châu, dây phân pha tiết diện lớn
192	Sìn Hồ - Rẽ Lai Châu 500 kV - Phong Thổ	4	x	5	Xây mới		x	x		Đầu nối TBA 220 kV Sìn Hồ, giải tỏa nguồn điện khu vực
193	Mường Tè - Sìn Hồ	2	x	35	Xây mới		x	x		Công suất TĐN khu vực Mường Tè
194	Điện Biên 1 - Điện Biên	2	x	23	Xây mới		x		x	Đồng bộ theo quy mô và tiến độ nguồn điện khu vực
195	Điện Biên 1 - Lai Châu	2	x	52	Xây mới		x		x	Đồng bộ theo quy mô và tiến độ nguồn điện khu vực
196	Mộc Châu - Rẽ đầu nối TĐ Trung Sơn	2	x	35	Xây mới		x	x		Đầu nối TBA 220 kV Mộc Châu
197	Sông Mã - Sơn La 500 kV	2	x	83	Xây mới		x	x		Giải phóng công suất thủy điện nhỏ
198	Sơn La 1 - Rẽ Sơn La - Suối Sập 2A	2	x	4	Xây mới	x			x	Đồng bộ theo quy mô và tiến độ nguồn điện khu vực
199	Đầu nối Tân Lạc	6	x	5	Xây mới		x	x		Tân Lạc - Rẽ Hòa Bình - Yên Thủy và chuyển đầu nối TĐ Trung Sơn, hình thành các đường dây 220 kV mạch kép Hòa Bình - Tân Lạc, Tân Lạc - Yên Thủy và Tân Lạc - TĐ Trung Sơn - TĐ Hồi Xuân
200	Thiệu Hóa - Thanh Hóa 500 kV	2	x	5	Xây mới		x	x		Đầu nối TBA 220 kV Thiệu Hóa
201	Thiệu Hóa - Thiệu Yên	2	x	25	Xây mới		x	x		Đầu nối TBA 220 kV Thiệu Yên
202	TĐ Hồi Xuân - Bá Thước	2	x	30	Xây mới		x		x	Đầu nối TBA 220 kV Bá Thước

TT	Tên đường dây	Số mạch	x	km	Loại công trình	Tiến độ vận hành		Nhà nước đầu tư	Xem xét xã hội hóa	Ghi chú
						2023-2025	2026-2030			
203	Thanh Hóa 1 - Rẽ Nghi Sơn - Nông Cống	4	x	2	Xây mới	x			x	Đồng bộ theo quy mô và tiến độ nguồn điện khu vực
204	Tương Dương - Quỳnh Hợp	2	x	80	Xây mới		x	x		Giải phóng TĐN và tăng cường nhập khẩu điện Lào
205	TĐ Nậm Mô 1 - Rẽ Mỹ Lý - Bản Vẽ	2	x	18	Xây mới		x		x	Đồng bộ TĐ Nậm Mô 1 (Việt Nam)
206	Can Lộc - Rẽ Hà Tĩnh - Hưng Đông	4	x	2	Xây mới		x	x		Đầu nối TBA 220 kV Can Lộc
207	Hà Tĩnh 1 - Rẽ Vũng Áng - Hà Tĩnh	4	x	4	Xây mới	x			x	Đồng bộ theo quy mô và tiến độ nguồn điện khu vực
208	Dự phòng phát sinh đường dây 220 kV cải tạo và xây mới	350			Xây mới và cải tạo	x	x	x	x	Dự phòng cho tăng trưởng phụ tải và phát triển nguồn điện
II	Miền Trung									
1	Ba Đồn - Rẽ Vũng Áng - Đồng Hới	2	x	3	Xây mới		x	x		Chuyển tiếp mạch còn lại, trường hợp nguồn điện khu vực đầu nối về trạm 220 kV Ba Đồn tăng cao
2	Điện gió B&T1 - Rẽ Đồng Hới - Đông Hà mạch 2	2	x	10	Xây mới	x			x	Bổ sung công trình đầu nối điện gió B&T để đảm bảo N-1
3	Đầu nối 500 kV Quảng Trị	6	x	2	Xây mới	x		x		Rẽ chuyển tiếp Đông Hà - Huế và Đông Hà - Phong Điền
4	Đông Hà - Huế mạch 3	1	x	78	Xây mới		x	x		Treo dây mạch 3 trên đường dây 220 kV Đông Hà - Huế mạch 2 hiện hữu
5	ĐG TNC Quảng Trị 1 - Hướng Tân	1	x	11	Xây mới	x			x	Đồng bộ điện gió TNC Quảng Trị 1,2, phương án đầu nối được phê duyệt theo Văn bản 911/TTg-CN ngày 15/07/2020
6	Hướng Linh - Lao Bảo	1	x	12	Xây mới	x			x	Giải tỏa điện gió, đề xuất sử dụng dây phân pha, tiết diện lớn, phê duyệt theo Văn bản 911/TTg-CN ngày 15/07/2020

TT	Tên đường dây	Số mạch	x	km	Loại công trình	Tiến độ vận hành		Nhà nước đầu tư	Xem xét xã hội hóa	Ghi chú
						2023-2025	2026-2030			
7	ĐG LIG Hướng Hóa 1 - Hướng Tân	1	x	13	Xây mới	x			x	Đồng bộ điện gió LIG Hướng Hóa 1, đã được phê duyệt theo Văn bản 911/TTg-CN ngày 15/07/2020
8	ĐG LIG Hướng Hóa 2 - LIG Hướng Hóa 1	1	x	8	Xây mới	x			x	Đồng bộ điện gió LIG Hướng Hóa 2, đã được phê duyệt theo Văn bản 911/TTg-CN ngày 15/07/2020
9	ĐG Tài Tâm - Lao Bảo	1	x	12	Xây mới	x			x	Đã hoàn thành. Giải tỏa điện gió, đề xuất sử dụng dây phân pha, tiết diện lớn, phê duyệt theo Văn bản 911/TTg-CN ngày 15/07/2020
10	Hướng Tân - Lao Bảo	1	x	12	Xây mới	x			x	Đã hoàn thành. Giải tỏa điện gió, đề xuất sử dụng dây phân pha, tiết diện lớn, phê duyệt theo Văn bản 911/TTg-CN ngày 15/07/2020
11	ĐG Amacao - Lao Bảo	1	x	8	Xây mới	x			x	Đã hoàn thành. Giải tỏa điện gió, đề xuất sử dụng dây phân pha, tiết diện lớn, phê duyệt theo Văn bản 911/TTg-CN ngày 15/07/2020
12	500 kV Lao Bảo - Rẽ Lao Bảo - Đông Hà	4	x	5	Xây mới		x	x		Đầu nối phía 220 kV TBA 500 kV Lao Bảo
13	500 kV Lao Bảo - Rẽ ĐG Tài Tâm - Lao Bảo	2	x	5	Xây mới		x	x		Đầu nối phía 220 kV TBA 500 kV Lao Bảo
14	Phong Điền - Rẽ Đông Hà - Huế (mạch 2)	2	x	5	Xây mới		x	x		Đầu nối chuyển tiếp thêm 01 mạch, tăng khả năng giải tỏa công suất nguồn điện từ TBA 220 kV Phong Điền; hiện nay mới chuyển tiếp trên 01 mạch
15	Chân Mây - Rẽ Hòa Khánh - Huế	4	x	5	Xây mới	x		x		Đầu nối TBA 220 kV Chân Mây
16	Hải Châu - Hòa Khánh	2	x	10	Xây mới	x		x		Xem xét chuyển tiếp một mạch Đà Nẵng - Hòa Khánh
17	Hải Châu - Ngũ Hành Sơn	2	x	10	Xây mới		x	x		
18	Duy Xuyên - Rẽ Đà Nẵng - Tam Kỳ	4	x	2	Xây mới	x		x		Đã hoàn thành. Đầu nối TBA 220 kV Duy Xuyên
19	500 kV Thanh Mỹ - Duy Xuyên	2	x	69	Xây mới	x		x		

TT	Tên đường dây	Số mạch	x	km	Loại công trình	Tiến độ vận hành		Nhà nước đầu tư	Xem xét xã hội hóa	Ghi chú
						2023-2025	2026-2030			
20	Tam Hiệp - Rẽ Tam Kỳ - Dốc Sỏi	4	x	1	Xây mới	x		x		Đầu nối TBA 220 kV Tam Hiệp
21	Liên Chiêu - Rẽ Hòa Khánh - Huế	4	x	3	Xây mới		x	x		Đầu nối TBA 220 kV Liên Chiêu
22	Đắc Mi 2 - Rẽ Đắc My 3 - Đắc My 4A	2	x	5	Xây mới	x			x	Đã hoàn thành. Đồng bộ TĐ Đắc Mi 2
23	TĐ Nam Emoun - Trạm cắt Đắc Ooc	2	x	51	Xây mới	x		x		Đồng bộ TĐ Nam Emoun (Lào), treo trước 1 mạch
24	Trạm cắt 220 kV Đắc Ooc - Rẽ Xekaman 3 - Thạnh Mỹ	4	x	2	Xây mới	x		x		Đầu nối trạm cắt 220 kV Đắc Ooc, đồng bộ TĐ Nam Emoun Lào
25	Trạm cắt 220 kV Đắc Ooc - TĐ Sông Bung 2	2	x	10	Xây mới		x		x	Giải phóng công suất nguồn nhập khẩu từ Lào
26	Nâng khả năng tải Đắc Ooc - Thạnh Mỹ	2	x	31	Cải tạo		x		x	Giải phóng công suất nguồn nhập khẩu từ Lào
27	Mạch 2 Quảng Ngãi - Quy Nhơn (Phước An)	2	x	142	Xây mới	x		x		Treo mạch 2, thay dây phân pha mạch 1, tăng cường khả năng giải tỏa công suất nguồn điện
28	Phước An - Rẽ TĐ An Khê - Quy Nhơn (mạch 1)	2	x	2	Xây mới		x	x		
29	Nâng khả năng tải Dốc Sỏi - Dung Quất	2	x	8	Cải tạo		x	x		Xem xét phương án xây mới cung đoạn Dốc Sỏi - TBKHH Dung Quất, đẩy sớm tiến độ SPP TBKHH Dung Quất để giảm thiểu thời gian cắt điện ĐD 220 kV Dốc Sỏi - Dung Quất.
30	TBKHH Dung Quất - Dung Quất 2	2	x	3	Xây mới	x		x		Cấp điện cho TBA 220 kV Dung Quất 2
31	TBKHH Dung Quất - Rẽ Dốc Sỏi - Dung Quất	4	x	3	Xây mới	x		x		Đầu nối SPP 220 kV TBKHH Dung Quất
32	Treo dây mạch 2 Dốc Sỏi - Quảng Ngãi	2	x	59	Xây mới	x		x		Treo dây mạch 2, xem xét sử dụng dây siêu nhiệt cho cả hai mạch trong trường hợp phát triển nguồn NLTT và TĐN khu vực (ĐG Kon Plong, cụm TĐ Đắc Re, cụm TĐ Nước Long)

TT	Tên đường dây	Số mạch	x	km	Loại công trình	Tiến độ vận hành		Nhà nước đầu tư	Xem xét xã hội hóa	Ghi chú
						2023-2025	2026-2030			
33	Cụm TĐ Nước Long - Rẽ Thượng Kon Tum - Quảng Ngãi	2	x	4	Xây mới		x		x	Giải phóng công suất thủy điện theo Văn bản số 136/TTg-CN ngày 29/1/2021
34	Nâng khả năng tải Pleiku 2 - Phước An	1	x	151	Xây mới		x		x	Xây mới mạch 2 hoặc thay dây siêu nhiệt
35	Phước An - Nhơn Hội	2	x	15	Xây mới		x	x		Đầu nối TBA 220 kV Nhơn Hội
36	Bình Định 500 kV - Rẽ Phước An - Phù Mỹ	4	x	5	Xây mới		x	x		Đầu nối phía 220 kV TBA 500 kV Bình Định
37	Bình Định 500 kV - Rẽ An Khê - Quy Nhơn và Pleiku 2 - Phước An	4	x	35	Xây mới		x	x		Đầu nối phía 220 kV TBA 500 kV Bình Định
38	Phù Mỹ - Rẽ Phước An - Quảng Ngãi (mạch 2)	2	x	2	Xây mới	x		x		Đầu nối chuyển tiếp thêm 01 mạch, tăng khả năng giải tỏa công suất nguồn điện từ TBA 220 kV Phù Mỹ; hiện nay mới chuyển tiếp trên 01 mạch
39	Bờ Y - Kon Tum	2	x	52	Xây mới		x	x		Đầu nối TBA 220 kV Bờ Y
40	TĐ Đăk Mi 1 - TĐ Đăk My 2	1	x	15	Xây mới	x			x	Đồng bộ TĐ Đăk Mi I
41	Nam Kong 3 - Trạm cắt 220 kV Bờ Y	2	x	76	Xây mới	x		x		Đồng bộ TĐ Nậm Kong 1,2,3 (Lào)
42	Trạm cắt 220 kV Bờ Y - Rẽ Xekaman 1 - Pleiku 2	4	x	2	Xây mới	x		x		Đầu nối trạm cắt Bờ Y, đồng bộ TĐ Nậm Kong 1,2,3 Lào
43	ĐG Kon Plong - Rẽ TĐ Thượng Kon Tum - Quảng Ngãi	2	x	19	Xây mới	x			x	Đồng bộ ĐG Kon Plong, phương án đầu nối đã được phê duyệt theo Văn bản 911/TTg-CN ngày 15/07/2020
44	TĐ Đăk Lô 3 - Rẽ Thượng Kon Tum - Quảng Ngãi	4	x	1	Xây mới		x		x	Giải phóng công suất thủy điện, phương án đầu nối theo Văn bản số 136/TTg-CN ngày 29/1/2021 và Văn bản 29/BCT-ĐL ngày 05/1/2021
45	Nâng khả năng tải Kon Tum - Pleiku	2	x	36	Cải tạo		x	x		

TT	Tên đường dây	Số mạch	x	km	Loại công trình	Tiến độ vận hành		Nhà nước đầu tư	Xem xét xã hội hóa	Ghi chú
						2023-2025	2026-2030			
46	Nâng khả năng tải Pleiku - ĐSK An Khê - TĐ An Khê	1	x	98	Cải tạo	x			x	
47	Chư Sê - Rẽ Pleiku 2 - Krông Buk	4	x	2	Xây mới	x		x		Đã hoàn thành. Đầu nối TBA 220 kV Chư Sê, chuyển tiếp trên cả 2 mạch
48	Mạch 2 Pleiku 2 - Krông Buk	1	x	141	Xây mới	x		x		Cải tạo một mạch thành hai mạch
49	Krông Pa - Chư Sê	2	x	63	Xây mới	x		x		Đầu nối TBA 220 kV Krông Pa
50	ĐG Nhơn Hòa 1 - Rẽ Krông Buk - Pleiku 2	4	x	4	Xây mới	x			x	Đầu nối ĐG Nhơn Hòa 1, 2; phương án đầu nối đã được phê duyệt theo Văn bản 911/TTg-CN ngày 15/07/2020. Sau khi TBA 500 kV Nhơn Hòa vào vận hành ĐG Nhơn Hòa 1,2 sẽ chuyển đầu nối về TBA 500 kV Nhơn Hòa, bỏ đầu nối trên cả 02 mạch và hoàn trả lại hiện trạng đường dây 220 kV Krông Buk - Pleiku 2 theo Văn bản số 323/TTg-CN ngày 17/3/2021 của Thủ tướng và Văn bản số 1301/BCT-ĐL ngày 11/3/2021 của Bộ Công Thương.
51	ĐG Ia Pét Đăk Đoa - Pleiku 3	2	x	23	Xây mới	x			x	Đã hoàn thành. Đồng bộ ĐG Ia Pét - Đăk Đoa, phương án đầu nối đã được phê duyệt theo Văn bản 911/TTg-CN ngày 15/07/2020
52	ĐG Ia Le 1 - Rẽ Krông Buk - Pleiku 2	2	x	6	Xây mới	x			x	Đã hoàn thành. Đồng bộ ĐG Ia Le 1, phương án đầu nối đã được phê duyệt theo Văn bản 911/TTg-CN ngày 15/07/2020
53	ĐG Ia Boông - Chư Prông - ĐG Nhơn Hòa 1	1	x	8	Xây mới			x	x	Đồng bộ NMĐG Ia Boông - Chư Prông đã được. Vị trí và phương án đầu nối điều chỉnh của NMĐG Ia Boông - Chư Prông được đề xuất tại Văn bản số 3225/BCT-ĐL ngày 09/6/2022, Văn bản số 4776/BCT-ĐL ngày 11/8/2022, Văn bản số 6660/BCT-ĐL ngày 26/10/2022 của Bộ Công Thương và Văn bản số 835/TTg-CN ngày 22/9/2022 của Thủ tướng Chính phủ.

TT	Tên đường dây	Số mạch	x	km	Loại công trình	Tiến độ vận hành		Nhà nước đầu tư	Xem xét xã hội hóa	Ghi chú
						2023-2025	2026-2030			
54	ĐG Hưng Hải Gia Lai - Rẽ Pleiku 2 - TĐ An Khê	2	x	14	Xây mới	x			x	Đã hoàn thành. Đồng bộ ĐG Hưng Hải Gia Lai, phương án đấu nối đã được phê duyệt theo Văn bản 911/TTg-CN ngày 15/07/2020
55	ĐG Yang Trung - Rẽ Pleiku 2 - TĐ An Khê	2	x	25	Xây mới	x			x	Đã hoàn thành. Đồng bộ ĐG Yang Trung, thay cho đường dây 220 kV ĐG Yang Trung - Rẽ Pleiku 2 - An Khê phê duyệt theo Văn bản 911/TTg-CN ngày 15/07/2020. Trường hợp ĐG Yang Trung vào trước ĐG Hưng Hải Gia Lai, cần đầu tư đồng bộ đường dây 220 kV ĐG Yang Trung - Rẽ Pleiku 2 - An Khê. ĐG Hưng Hải Gia Lai sẽ đấu nối chuyển tiếp trên hai mạch ĐD 220 kV ĐG Yang Trung - Rẽ Pleiku 2 - An Khê.
56	An Khê - Rẽ Pleiku 2 - Phước An	2	x	1	Xây mới	x		x		Đấu nối TBA 220 kV An Khê
57	Krông Ana - Rẽ Krông Buk - Buôn Kuốp	2	x	22	Xây mới	x		x		Đã hoàn thành. Đấu nối TBA 220 kV Krông Ana
58	Krông Buk 500 kV - Krông Buk	2	x	27	Xây mới	x		x		Đấu nối về trạm 220 kV Krông Buk, đường dây phân pha
59	Mạch 2 Krông Buk - Nha Trang	1	x	151	Xây mới	x		x		Cải tạo một mạch thành hai mạch
60	ĐG Krông Buk - Rẽ Krông Buk - Pleiku 2	2	x	2	Xây mới	x			x	Đã hoàn thành. Đồng bộ ĐG Krông Buk 1,2, điện gió Cư Né 1,2, phương án đấu nối đã được phê duyệt theo Văn bản 911/TTg-CN ngày 15/07/2020
61	Nâng khả năng tải TĐ Srepok 3 - Buôn Kuốp	1	x	28	Cải tạo			x	x	Giải tỏa công suất nguồn điện
62	TĐ Sông Ba Hạ - Krông Buk 500 kV	2	x	113	Xây mới			x	x	Tăng cường khả năng giải tỏa công suất nguồn điện
63	Nâng khả năng tải Buôn Kuốp - Buôn Tua Shra - Đăk Nông 500 kV	1	x	112	Cải tạo	x			x	Giải tỏa công suất nguồn điện

TT	Tên đường dây	Số mạch	x	km	Loại công trình	Tiến độ vận hành		Nhà nước đầu tư	Xem xét xã hội hóa	Ghi chú
						2023-2025	2026-2030			
64	ĐG Đắk Hòa - Rẽ Buôn Kuop - Đắk Nông 500 kV	2	x	2	Xây mới	x			x	Đã hoàn thành. Đầu nối ĐG Đắk Hòa, phương án đầu nối đã được phê duyệt theo Văn bản 911/TTg-CN ngày 15/07/2020
65	TBA 220 kV Nhà máy điện phân nhôm Đắk Nông - Rẽ Bình Long - 500 kV Đắk Nông	4	x	3	Xây mới		x	x		Đồng bộ với phụ tải
66	TBA 220 kV Nhà máy điện phân nhôm Đắk Nông - Rẽ Buôn Kuốp - 500 kV Đắk Nông	2	x	6	Xây mới		x	x		Đồng bộ với phụ tải
67	Nâng khả năng tải Tuy Hòa - Vân Phong - Nha Trang	2	x	118	Cải tạo		x	x		tăng cường khả năng giải tỏa công suất nguồn điện
68	Tuy Hòa - Phước An	2	x	95	Xây mới		x	x		tăng cường khả năng giải tỏa công suất nguồn điện
69	HBRE An Thọ - Tuy Hòa	1	x	16	Xây mới	x			x	Đồng bộ ĐG An Thọ
70	Nâng khả năng tải Tuy Hòa - Quy Nhơn	1	x	93	Cải tạo	x		x		tăng cường khả năng giải tỏa công suất nguồn điện
71	Đầu nối TBA 220 kV Sông Cầu	4	x	5	Xây mới		x	x		Đầu nối TBA 220 kV Sông Cầu, GĐ1: Đầu nối chuyển tiếp trên ĐD 220 kV Tuy Hòa - Quy Nhơn hiện hữu. GĐ2: Chuyển về đầu nối chuyển tiếp trên 02 mạch ĐD 220 kV Tuy Hòa - Phước An sau khi đường dây này vào vận hành
72	Nha Trang - Tháp Chàm	2	x	89	Xây mới	x		x		
73	Cam Ranh - Rẽ Nha Trang - Tháp Chàm	4	x	1	Xây mới	x		x		Đã hoàn thành. Đầu nối TBA 220 kV Cam Ranh
74	Vạn Ninh - Rẽ Vân Phong - Tuy Hòa	4	x	2	Xây mới	x		x		Đầu nối TBA 220 kV Vạn Ninh
75	500 kV Vân Phong - Rẽ Tuy Hòa - Vân Phong 220 kV (mạch 1)	2	x	26	Xây mới	x		x		Đã hoàn thành. Đầu nối phía 220 kV TBA 500 kV Vân Phong

TT	Tên đường dây	Số mạch	x	km	Loại công trình	Tiến độ vận hành		Nhà nước đầu tư	Xem xét xã hội hóa	Ghi chú
						2023-2025	2026-2030			
76	500 kV Vân Phong - Rẽ Tuy Hòa - Vân Phong 220 kV (mạch 2)	2	x	26	Xây mới	x		x		Đã hoàn thành. Đầu nối phía 220 kV TBA 500 kV Vân Phong
77	Lệ Thủy - Rẽ Đồng Hới - Đông Hà	4	x	2	Xây mới	x			x	Đồng bộ theo quy mô và tiến độ nguồn điện khu vực, nối cấp TBA 500 kV Quảng Bình
78	Nâng khả năng tải Đồng Hới - Đông Hà	2	x	108	Cải tạo		x	x		Trường hợp điện gió Quảng Trị phát triển cao
79	TBKHH Quảng Trị - Rẽ Đông Nam - 500 kV Quảng Trị	2	x	5	Xây mới		x	x		Đồng bộ TBKHH Quảng Trị
80	500 kV Quảng Trị - Đông Nam	2	x	27	Xây mới		x	x		Đầu nối TBA 220 kV Đông Nam
81	Hương Thủy - Rẽ Huế - Hòa Khánh	4	x	2	Xây mới		x	x		Đầu nối TBA 220 kV Hương Thủy
82	Nâng khả năng tải Huế - Hòa Khánh	2	x	82	Cải tạo		x	x		
83	Nâng khả năng tải Đà Nẵng - Tam Kỳ - Dốc Sỏi	2	x	100	Cải tạo		x	x		
84	Tiên Sa - Rẽ Hải Châu - Ngũ Hành Sơn	2	x	4	Xây mới		x	x		Đầu nối TBA 220 kV Tiên Sa
85	Sân bay Đà Nẵng - rẽ Hòa Khánh - Đà Nẵng	2	x	5	Xây mới		x	x		Đường dây cáp ngầm đầu nối TBA 220 kV Sân bay Đà Nẵng
86	Dung Quất - Dung Quất 2	2	x	3	Xây mới		x	x		Đảm bảo N-1
87	Điện Bàn - Nam Hội An	2	x	24	Xây mới		x	x		Đầu nối TBA 220 kV Nam Hội An
88	Đà Nẵng 500 kV - Điện Bàn	2	x	12	Xây mới		x	x		Đầu nối TBA 220 kV Điện Bàn
89	Quảng Ngãi 2 - Rẽ Dốc Sỏi - Quảng Ngãi	4	x	2	Xây mới		x	x		Đầu nối TBA 220 kV Quảng Ngãi 2
90	Phù Mỹ 2 - Phù Mỹ	2	x	20	Xây mới		x		x	Đồng bộ với tiến độ phát triển phụ tải chuyên dùng
91	Nam Phú Yên - Rẽ Nha Trang - Tuy Hòa	4	x	4	Xây mới		x	x		Đầu nối TBA 220 kV Nam Phú Yên

TT	Tên đường dây	Số mạch	x	km	Loại công trình	Tiến độ vận hành		Nhà nước đầu tư	Xem xét xã hội hóa	Ghi chú
						2023-2025	2026-2030			
92	Vân Phong 500 kV - Vân Phong 220 kV	2	x	20	Xây mới		x	x		
93	Cam Thịnh - Rẽ Cam Ranh - Tháp Chàm	4	x	3	Xây mới		x	x		Đầu nối TBA 220 kV Cam Thịnh
94	Trạm cắt 220 kV Bờ Y - Bờ Y	2	x	30	Xây mới		x	x		
95	Thượng Kon Tum - Kon Tum	2	x	83	Xây mới		x	x		Giải phóng công suất thủy điện và điện gió, tăng cường liên kết
96	Ea Kar - Rẽ Krông Buk - Nha Trang	4	x	2	Xây mới		x	x		Đầu nối TBA 220 kV Ea Kar
97	Gia Lai 1 - Pleiku 3	2	x	20	Xây mới		x		x	Đồng bộ theo quy mô và tiến độ nguồn điện khu vực
98	Đắk Nông 2 - Rẽ Buôn Kuốp - Buôn Tua Srah	2	x	10	Xây mới		x	x		Đầu nối TBA 220 kV Đắk Nông 2
99	Đầu nối ĐGNK Trung Trung Bộ	60			Xây mới		x		x	Đồng bộ theo quy mô và tiến độ nguồn điện khu vực
100	Dự phòng phát sinh đường dây 220 kV cải tạo và xây mới	490			Xây mới và cải tạo	x	x	x	x	Dự phòng cho tăng trưởng phụ tải và phát triển nguồn điện
101	Miền Nam									
1	Mạch 2 Bảo Lộc - Sông Máy	2	x	118	Cải tạo	x		x		Cải tạo mạch 1, xây dựng mạch 2, nâng cao độ tin cậy
2	Trạm cắt 220 kV Đa Nhim - Rẽ Tháp Chàm - Đa Nhim	2	x	1	Xây mới		x	x		Đồng bộ trạm cắt 220 kV Đa Nhim
3	Trạm cắt 220 kV Đa Nhim - Đức Trọng - Di Linh	2	x	85	Xây mới		x	x		Giải tỏa nguồn điện khu vực; thay thế cho công trình cải tạo ĐD 220 kV Đa Nhim - Đức Trọng - Di Linh từ 01 mạch lên 02 mạch do khó khăn cắt điện thi công ĐD hiện hữu và không mở rộng được TBA 220 kV TĐ Đa Nhim
4	TĐ Đông Nai 2 - Rẽ Đức Trọng - Di Linh và	1	x	15	Xây mới		x	x		Xây mới và cải tạo, hình thành ĐD 220 kV mạch đơn Đức Trọng - TĐ Đông Nai 2 - Di Linh thay

TT	Tên đường dây	Số mạch	x	km	Loại công trình	Tiến độ vận hành		Nhà nước đầu tư	Xem xét xã hội hóa	Ghi chú
						2023-2025	2026-2030			
	chuyển đầu nối (Đức Trọng - TĐ Đồng Nai 2 thay cho Đức Trọng - Di Linh), cải tạo nâng khả năng tải ĐD 220 kV TĐ Đồng Nai 2 - Di Linh									cho ĐD 220 kV mạch kép TĐ Đồng Nai 2 - Di Linh
5	Đức Trọng - Rẽ trạm cắt 220 kV Đa Nhim - Di Linh	2	x	1	Xây mới		x	x		Giải tỏa nguồn điện khu vực
6	Nha Trang - Tháp Chàm	2	x	88	Xây mới	x		x		
7	500 kV Ninh Sơn - Rẽ Tháp Chàm - Ninh Phước	4	x	22	Xây mới		x	x		Đầu nối TBA 500 kV Ninh Sơn
8	500 kV Ninh Sơn - Ninh Phước	2	x	35	Xây mới		x	x		Thay thế cho ĐD 220 kV Ninh Phước - Vĩnh Tân do khó khăn về hướng tuyến
9	500 kV Ninh Sơn - Trạm cắt 220 kV Đa Nhim	2	x	18	Xây mới		x	x		Giải tỏa nguồn điện khu vực
10	Tháp Chàm - trạm cắt 220 kV Đa Nhim	2	x	46	Xây mới		x	x		Giải tỏa nguồn điện khu vực
11	500 kV Vĩnh Tân - Cà Ná	2	x	14	Xây mới		x	x		Đầu nối trạm 220 kV Cà Ná
12	Ninh Phước - 500 kV Thuận Nam	2	x	25	Xây mới	x		x		Đã hoàn thành. Giải tỏa nguồn điện khu vực
13	Hàm Tân - Rẽ Phan Thiết - Châu Đức (mạch 2)	2	x	6	Xây mới	x		x		
14	Hàm Thuận Nam - Rẽ Phan Thiết - Hàm Tân	4	x	4	Xây mới	x		x		Đầu nối TBA 220 kV Hàm Thuận Nam
15	Vĩnh Hào - Rẽ Vĩnh Tân - Phan Rí	2	x	2	Xây mới	x		x		Đầu nối TBA 220 kV Vĩnh Hào
16	Hòa Thắng - Rẽ Phan Thiết - Phan Rí	2	x	7	Xây mới	x			x	Đầu nối TBA 220 kV Hòa Thắng
17	Nâng khả năng tải Hàm Thuận - Đa Mỹ - Xuân Lộc	2	x	95	Cải tạo		x	x		

TT	Tên đường dây	Số mạch	x	km	Loại công trình	Tiến độ vận hành		Nhà nước đầu tư	Xem xét xã hội hóa	Ghi chú
						2023-2025	2026-2030			
18	Nâng khả năng tải Phan Thiết - Hàm Thuận	1	x	55	Cải tạo		x	x		
19	Cát Lái - Tân Cảng	2	x	15	Xây mới	x		x		
20	Bình Chánh 1 - Cầu Bông	2	x	13	Xây mới		x	x		
21	Thuận An - Tân Sơn Nhất	2	x	15	Xây mới		x	x		
22	Tân Sơn Nhất - Rẽ Hóc Môn - Thủ Đức	2	x	9	Xây mới	x		x		
23	Phú Lâm - Đầm Sen	2	x	6	Xây mới	x		x		
24	Đầm Sen - Bà Quẹo - Tân Sơn Nhất	2	x	10	Xây mới	x		x		Đoạn Bà Quẹo - Tân Sơn Nhất: giai đoạn 2021-2025 Đoạn Đầm Sen - Bà Quẹo: giai đoạn 2026-2030
25	500 kV Long Thành - Công Nghệ Cao	2	x	25	Xây mới	x		x		
26	500 kV Củ Chi - Rẽ Củ Chi - Trảng Bàng	4	x	1	Xây mới	x		x		Chuyển đầu nối thành ĐD 220 kV Củ Chi 500 kV - Trảng Bàng và Củ Chi 500 kV - Tân Định
27	500 kV Củ Chi - Rẽ Củ Chi - Tân Định	2	x	1	Xây mới	x		x		Chuyển đầu nối thành ĐD 220 kV Củ Chi 500 kV - 220 kV Củ Chi
28	Thủ Thiêm - Rẽ Cát Lái - Tân Cảng	4	x	1	Xây mới	x		x		
29	Tao Đàn - Tân Cảng	2	x	7	Xây mới	x		x		
30	Quận 7 - Nhà Bè và mở rộng ngăn lộ 220 kV tại trạm 500 kV Nhà Bè	2	x	6	Xây mới	x		x		Đầu nối trạm 220 kV Quận 7, trường hợp không mở rộng được ngăn lộ 220 kV tại trạm 500 kV Nhà Bè, xem xét đầu nối Quận 7 - Rẽ NĐ Nhơn Trạch 1&2 - Nhà Bè (2x7km), sử dụng tiết diện lớn
31	Quận 9 - Rẽ Long Thành - Công nghệ cao	4	x	5	Xây mới		x	x		
32	LNG Hiệp Phước giai đoạn I - Rẽ Phú Mỹ - Cần Đức	4	x	3	Xây mới		x		x	Đồng bộ LNG Hiệp Phước giai đoạn I

TT	Tên đường dây	Số mạch	x	km	Loại công trình	Tiến độ vận hành		Nhà nước đầu tư	Xem xét xã hội hóa	Ghi chú
						2023-2025	2026-2030			
33	Nâng khả năng tải Phú Mỹ - Cần Đức	2	x	57	Cải tạo		x	x		Đồng bộ LNG Hiệp Phước giai đoạn I
34	Nam Hiệp Phước - Rẽ Phú Mỹ - Cần Đức	4	x	2	Xây mới		x	x		Đầu nối trạm 220 kV Nam Hiệp Phước. Kiến nghị chọn tiết diện phù hợp với ĐD 220 kV Phú Mỹ - Cần Đức sau cải tạo
35	Nâng khả năng tải Thủ Đức - Tân Uyên - Long Bình	2	x	44	Cải tạo		x	x		Xem xét phù hợp khả năng tải của đoạn cáp ngầm hiện hữu
36	Nâng khả năng tải Bình Long - Chơn Thành	2	x	32	Cải tạo	x		x		Giải tỏa nguồn điện khu vực
37	Phước Long - Rẽ Bình Long - Đăk Nông	2	x	5	Xây mới	x		x		
38	Định Quán - Rẽ Bảo Lộc - Sông Mây	4	x	1	Xây mới	x		x		
39	Tân Biên - Tây Ninh	2	x	25	Xây mới	x		x		
40	500 kV Tây Ninh 1 - Rẽ Tây Ninh 2 - Trảng Bàng	4	x	8	Xây mới		x	x		Đầu nối TBA 500 kV Tây Ninh 1
41	500 kV Tây Ninh 1 - Phước Đông	2	x	8	Xây mới		x	x		
42	Chơn Thành - Bến Cát	2	x	28	Xây mới	x		x		
43	Bến Cát 2 - Rẽ Tân Định - Củ Chi	4	x	1	Xây mới	x		x		
44	Bến Cát 2 - Rẽ Chơn Thành - Bến Cát	2	x	20	Xây mới		x	x		Đầu nối chuyển tiếp vào 01 mạch ĐD 220 kV Chơn Thành - Bến Cát
45	Tân Định 2 - Rẽ Mỹ Phước - Bến Cát	4	x	11	Xây mới	x		x		
46	500 kV Bình Dương 1 - Rẽ Uyên Hưng - Sông Mây	4	x	40	Xây mới	x		x		Đầu nối TBA 500 kV Bình Dương 1
47	An Thạnh (VSIP) - Rẽ Tân Uyên - Thuận An	4	x	3	Xây mới		x	x		

TT	Tên đường dây	Số mạch	x	km	Loại công trình	Tiến độ vận hành		Nhà nước đầu tư	Xem xét xã hội hóa	Ghi chú
						2023-2025	2026-2030			
48	Bình Mỹ - Rẽ Bình Dương 1 - Sông Mây	4	x	3	Xây mới	x		x		
49	Lai Uyên - Rẽ Chơn Thành - Bến Cát	4	x	1	Xây mới	x		x		
50	Bắc Tân Uyên - Rẽ Bình Mỹ - Sông Mây	2	x	7	Xây mới		x	x		
51	Sông Mây - Tam Phước	2	x	14	Xây mới	x		x		
52	An Phước - Rẽ Long Bình - Long Thành	4	x	1	Xây mới	x		x		Đã hoàn thành
53	Tam Phước - Rẽ Long Bình - Long Thành	4	x	1	Xây mới	x		x		Đã hoàn thành
54	500 kV Long Thành - Rẽ Long Bình - Long Thành	4	x	10	Xây mới	x		x		Đấu nối TBA 500 kV Long Thành
55	500 kV Đồng Nai 2 - Rẽ Xuân Lộc - Long Thành	4	x	12	Xây mới	x		x		
56	Long Khánh - Rẽ Xuân Lộc - Long Thành	4	x	1	Xây mới	x		x		
57	NMĐ Nhơn Trạch 3 - Rẽ Mỹ Xuân - Cát Lái	2	x	10	Xây mới	x		x		Đồng bộ NMĐ Nhơn Trạch 3; thay thế cho ĐD NMĐ Nhơn Trạch 3 - Cát Lái (chuyên đấu nối đi Thủ Đức) do khó khăn về hướng tuyến xây dựng ĐD
58	NMĐ Nhơn Trạch 3 - 500 kV Long Thành	2	x	44	Xây mới	x		x		Đồng bộ NMĐ Nhơn Trạch 3
59	KCN Nhơn Trạch - Rẽ NMĐ Nhơn Trạch 3 - 500 kV Long Thành	4	x	3	Xây mới	x		x		Đồng bộ trạm 220 kV KCN Nhơn Trạch. Trường hợp NMĐ Nhơn Trạch 3 chậm tiến độ, xem xét xây dựng trước ĐD 220 kV KCN Nhơn Trạch - Long Thành
60	Nâng khả năng tải Sông Mây - Long Bình (mạch 1)	1	x	16	Cải tạo	x		x		

TT	Tên đường dây	Số mạch	x	km	Loại công trình	Tiến độ vận hành		Nhà nước đầu tư	Xem xét xã hội hóa	Ghi chú
						2023-2025	2026-2030			
61	Nâng khả năng tải Sông Mây - Long Bình (mạch 2)	1	x	25	Cải tạo	x		x		
62	Thông Nhất - Rẽ Bảo Lộc - Sông Mây	4	x	2	Xây mới		x	x		
63	Nâng khả năng tải Tân Định - Bình Hòa	2	x	11	Cải tạo		x	x		
64	TĐ Trị An mở rộng - TĐ Trị An	2	x	1	Xây mới		x	x		Đồng bộ TĐ Trị An mở rộng
65	Nâng khả năng tải Phú Mỹ - Tân Thành	2	x	11	Cải tạo		x	x		
66	Nâng khả năng tải Phú Mỹ - Long Thành	2	x	25	Cải tạo	x		x		
67	KCN Phú Mỹ 3 - Rẽ Tân Thành - Châu Đức	4	x	1	Xây mới	x		x		
68	500 kV Bắc Châu Đức - Rẽ Châu Đức - Tân Thành	4	x	10	Xây mới		x	x		
69	Phú Mỹ - Tân Thành mạch 3,4 và chuyển đầu nối tại TBA 220 kV Tân Thành	2	x	10	Xây mới	x		x		
70	Phước Thuận (Đất Đỏ) - Rẽ Phan Thiết - Tân Thành và Hàm Tân - Tân Thành	4	x	6	Xây mới	x		x		
71	Long Sơn - Rẽ Châu Đức - KCN Phú Mỹ 3	2	x	8	Xây mới	x		x		Xem xét chọn tiết diện phù hợp với tiết diện ĐD 220 kV Châu Đức KCN Phú Mỹ 3 sau khi cải tạo (GD 2026-2030)
72	Nâng khả năng tải Tân Thành - Vũng Tàu	2	x	30	Cải tạo		x	x		
73	Bến Lức - Rẽ Phú Lâm - Long An (rẽ mạch 2)	2	x	1	Xây mới	x		x		Đã hoàn thành

TT	Tên đường dây	Số mạch	x	km	Loại công trình	Tiến độ vận hành		Nhà nước đầu tư	Xem xét xã hội hóa	Ghi chú
						2023-2025	2026-2030			
74	Nâng khả năng tải Long An - Bến Lức	2	x	14	Cải tạo		x	x		
75	Gò Công - Cần Đước	2	x	27	Xây mới	x		x		
76	500 kV Đức Hòa - Rẽ Phú Lâm - Long An (mạch 2)	2	x	20	Xây mới	x		x		Đầu nối phía 220 kV trạm 500 kV Đức Hòa chuyển tiếp trên mạch còn lại của ĐD 220 kV Phú Lâm - 500 kV Long An
77	Đức Hòa 2 - Rẽ 500 kV Đức Hòa - Đức Hòa 1	4	x	10	Xây mới	x		x		
78	Đức Hòa 3 đầu nối chuyển tiếp trên ĐD 220 kV Đức Hòa 500 kV - Rẽ Phú Lâm - Long An	4	x	6	Xây mới	x		x		
79	Treo dây mạch 3,4 ĐD 220 kV Đức Hòa 500 kV - Đức Hòa 1	2	x	25	Xây mới		x	x		Xem xét chuyển đầu nối đi trạm 220 kV Tây Bắc Cù Chi
80	500 kV Long An - Rẽ Cần Đước - Phú Mỹ	4	x	1	Xây mới		x	x		
81	500 kV Thốt Nốt - Lấp Vò	2	x	22	Xây mới	x		x		
82	Hồng Ngự - Châu Đốc	2	x	40	Xây mới		x	x		
83	Sa Đéc - Rẽ Ô Môn - Vĩnh Long (mạch 2)	2	x	1	Xây mới		x	x		Đầu nối trạm 220 kV Sa Đéc chuyển tiếp thêm trên mạch còn lại của ĐD 220 kV Ô Môn - Vĩnh Long
84	Long Xuyên - Rẽ Châu Đốc - Thốt Nốt (mạch 2)	2	x	1	Xây mới		x	x		Đầu nối trạm 220 kV Long Xuyên chuyển tiếp thêm trên mạch còn lại của ĐD 220 kV Châu Đốc - Thốt Nốt
85	Châu Thành (An Giang) - Rẽ Long Xuyên - Châu Đốc	4	x	2	Xây mới	x		x		
86	Chợ Mới - Châu Thành (An Giang)	2	x	9	Xây mới	x		x		

TT	Tên đường dây	Số mạch	x	km	Loại công trình	Tiến độ vận hành		Nhà nước đầu tư	Xem xét xã hội hóa	Ghi chú
						2023-2025	2026-2030			
87	Cải tạo ĐD 220 kV Châu Đốc - Kiên Bình 1 mạch thành 2 mạch	2	x	75	Cải tạo		x	x		Cải tạo ĐD 1 mạch thành 2 mạch, nâng khả năng tải
88	Tân Phước (Cái Bè) - Rẽ 500 kV Mỹ Tho - Long An	4	x	7	Xây mới	x		x		
89	Mỹ Tho - Rẽ Mỹ Tho 500 kV - Cần Đước (mạch 2)	2	x	4	Xây mới		x	x		Đầu nối trạm 220 kV Mỹ Tho chuyển tiếp thêm trên mạch còn lại của ĐD 220 kV Mỹ Tho - 500 kV Cần Đước
90	Cần Đước - Rẽ Phú Mỹ 500 kV - Mỹ Tho (mạch 2)	2	x	5	Xây mới		x	x		Đầu nối trạm 220 kV Cần Đước chuyển tiếp thêm trên mạch còn lại của ĐD 220 kV Phú Mỹ - 500 kV Mỹ Tho
91	Nâng khả năng tải Mỹ Tho 500 kV - Mỹ Tho - Cần Đước	2	x	55	Cải tạo		x	x		
92	Vĩnh Long 3 - Rẽ Vĩnh Long 2 - Trà Vinh	4	x	1	Xây mới	x		x		
93	Bến Tre - Bình Đại	2	x	50	Xây mới	x			x	Đồng bộ theo quy mô và tiến độ nguồn điện khu vực
94	Thanh Phú - Rẽ ĐG Hải Phong - Mô Cày	4	x	3	Xây mới	x			x	Đồng bộ theo quy mô và tiến độ nguồn điện khu vực. Trường hợp ĐG Hải Phong vào chậm, cần xây dựng trước ĐD mạch kép 220 kV Thanh Phú - Mô Cày đồng bộ trạm 220 kV Thanh Phú, ĐG Hải Phong đầu nối về trạm 220 kV Thanh Phú qua mạch kép 220 kV.
95	ĐD 220 kV Rạch Giá 2 - Kiên Bình mạch 2	2	x	74	Cải tạo	x		x		Cải tạo ĐD 1 mạch thành 2 mạch
96	An Biên (Vĩnh Thuận) - Rẽ NĐ Cà Mau - Rạch Giá	2	x	17	Xây mới	x		x		
97	220 kV Duyên Hải - Rẽ 500 kV Duyên Hải - Mô Cày	4	x	3	Xây mới	x		x		

TT	Tên đường dây	Số mạch	x	km	Loại công trình	Tiến độ vận hành		Nhà nước đầu tư	Xem xét xã hội hóa	Ghi chú
						2023-2025	2026-2030			
98	Trà Vinh 3- 500 kV Duyên Hải	2	x	3	Xây mới		x		x	Đồng bộ với trạm 220 kV Trà Vinh 3
99	Cà Mau 3 - Rẽ Cà Mau - Năm Căn	2	x	26	Xây mới		x		x	Đồng bộ với trạm 220 kV Cà Mau 3
100	Châu Thành (Hậu Giang) - Rẽ Ô Môn - Sóc Trăng	4	x	2	Xây mới	x		x		Đã hoàn thành
101	Kiên Bình - Phú Quốc	2	x	84	Xây mới	x		x		Đã hoàn thành
102	Vĩnh Châu - Rẽ Long Phú - Sóc Trăng (mạch 1)	2	x	20	Xây mới	x		x		Đã hoàn thành. Đầu nối trạm 220 kV Vĩnh Châu, giải tỏa nguồn điện khu vực
103	Cà Mau - Năm Căn	2	x	58	Xây mới	x		x		
104	Bạc Liêu - Rẽ NĐ Cà Mau - Sóc Trăng (mạch 2)	2	x	5	Xây mới	x		x		Giải tỏa nguồn điện khu vực; chuẩn xác tên công trình được duyệt trong Văn bản số 441/TTg-CN ngày 16/4/2020 "ĐD 220 kV mạch kép đầu nối TBA 220 kV Bạc Liêu chuyển tiếp trên ĐD NĐ Cà Mau - Bạc Liêu"
105	Phước Thái - Rẽ Vĩnh Tân - Tháp Chàm (mạch 2)	2	x	3	Xây mới	x		x		Đầu nối trạm 220 kV Phước Thái chuyển tiếp thêm trên mạch còn lại của ĐD 220 kV Vĩnh Tân - Tháp Chàm, giải tỏa nguồn điện khu vực
106	ĐG Đức Trọng - Rẽ Đa Nhim - Đức Trọng	2	x	1	Xây mới				x	Đồng bộ NMDG Đức Trọng. Vị trí và phương án đầu nối điều chỉnh của NMDG Đức Trọng được đề xuất tại Văn bản số 3225/BCT-ĐL ngày 09/6/2022, Văn bản số 4777/BCT-ĐL ngày 11/8/2022, Văn bản số 6660/BCT-ĐL ngày 26/10/2022 của Bộ Công Thương và Văn bản số 835/TTg-CN ngày 22/9/2022 của Thủ tướng Chính phủ. Vận hành đồng bộ với ĐD 220 kV trạm cắt Đa Nhim - Đức Trọng - Di Linh.
107	ĐG Phước Hữu - 220 kV Ninh Phước	1	x	2	Xây mới	x			x	Đầu nối ĐG Phước Hữu, thay cho ĐD 110 kV ĐG Phước Hữu - 110 kV Ninh Phước đã được phê duyệt tại Quyết định số 3768/QĐ-BCT ngày 27/07/2011 do lưới điện 110 kV không có khả

TT	Tên đường dây	Số mạch	x	km	Loại công trình	Tiến độ vận hành		Nhà nước đầu tư	Xem xét xã hội hóa	Ghi chú
						2023-2025	2026-2030			
										năng giải tỏa. Trạm nâng áp 220 kV ĐG Phước Hữu có công suất 63 MVA
108	ĐG số 5 Ninh Thuận - Ninh Phước	2	x	2	Xây mới	x			x	Đã hoàn thành. Đồng bộ ĐG số 5 Ninh Thuận
109	ĐG Lạc Hòa 2 - ĐG Hòa Đông 2	1	x	6	Xây mới	x			x	Giải tỏa nguồn điện khu vực, phương án đấu nối đã được phê duyệt tại VB 911/TTg-CN ngày 24/06/2020
110	ĐG Bạc Liêu GĐ3 - Bạc Liêu	2	x	18	Xây mới	x			x	Đồng bộ ĐG Bạc Liêu GĐ3, phương án đấu nối đã được phê duyệt tại QĐ số 209/QĐ-TTg ngày 09/02/2018
111	Hòa Bình - Rẽ Giá Rai - Bạc Liêu	2	x	13	Xây mới	x		x		Đầu nối trạm 220 kV Hòa Bình (tỉnh Bạc Liêu) chuyển tiếp ĐD 220 kV Giá Rai - Bạc Liêu, giải tỏa nguồn điện khu vực
112	Hòa Bình đầu nối chuyển tiếp trên ĐD 220 kV đầu nối ĐG Hòa Bình 5	4	x	5	Xây mới	x			x	Đầu nối trạm 220 kV Hòa Bình (tỉnh Bạc Liêu), giải tỏa nguồn điện khu vực
113	ĐG Viên An - Năm Căn	1	x	20	Xây mới	x			x	Đề xuất đầu nối 110 kV (Văn bản số 3487/UBND-KT ngày 16/5/2023 của UBND tỉnh Cà Mau)
114	Cụm ĐG Cà Mau 1 - Cà Mau	2	x	52	Xây mới	x			x	Đồng bộ Cụm ĐG Cà Mau 1
115	ĐG Long Mỹ 1 - Rẽ NĐ Cà Mau - Ô Môn	2	x	1	Xây mới	x			x	Đồng bộ ĐG Long Mỹ 1
116	ĐG số 19 Bến Tre - Bình Đại	2	x	12	Xây mới	x			x	Xây mới, đồng bộ ĐG số 19 Bến Tre, giải tỏa công suất ĐG số 19 Bến Tre, ĐG số 20 Bến Tre. Điều chỉnh phương án so với VB 911/TTg-CN, thay thế cho ĐD 220 kV ĐG số 19 Bến Tre - Bến Tre dài khoảng 50km do khó mở rộng ngăn lộ tại trạm 220 kV Bến Tre. Chiều dài thực tế khoảng 0,03km.
117	ĐG Hải Phong - Mỏ Cày	2	x	50	Xây mới	x			x	Đồng bộ ĐG Hải Phong, phương án đấu nối đã được phê duyệt tại VB 911/TTg-CN ngày 15/07/2020

TT	Tên đường dây	Số mạch	x	km	Loại công trình	Tiến độ vận hành		Nhà nước đầu tư	Xem xét xã hội hóa	Ghi chú
						2023-2025	2026-2030			
118	ĐG Đông Hải 1 - ĐMT Trung Nam Trà Vinh	1	x	7	Xây mới	x			x	Đã hoàn thành. Đồng bộ ĐG Đông Hải 1, phương án đấu nối đã được phê duyệt tại VB 911/TTg-CN ngày 24/06/2020
119	ĐG Đông Thành 1 - 500 kV Duyên Hải	2	x	4	Xây mới	x			x	Đồng bộ ĐG Đông Thành 1, giải tỏa công suất ĐG Đông Thành 1, ĐG Đông Thành 2. Điều chỉnh phương án so với VB 911/TTg-CN, thay thế cho ĐD 220 kV ĐG Đông Thành 1 - Rẽ Đông Hải 1 - 500 kV Duyên Hải để tránh quá tải ĐD 220 kV ĐG Đông Hải 1 - ĐMT Trung Nam Trà Vinh - 500 kV Duyên Hải.
120	ĐG Thăng Long - 220 kV Duyên Hải	1	x	12	Xây mới	x			x	Đồng bộ ĐG Thăng Long, phương án đấu nối đã được phê duyệt tại VB 911/TTg-CN ngày 24/06/2020
121	ĐG Sóc Trăng 4 - Vĩnh Châu	2	x	5	Xây mới	x			x	Đồng bộ ĐG Sóc Trăng 4, phương án đấu nối đã được phê duyệt tại VB 911/TTg-CN ngày 24/06/2020
122	ĐG Phú Cường 1A, 1B - Vĩnh Châu	2	x	22	Xây mới	x			x	Đồng bộ ĐG Phú Cường 1A, 1B; phương án đấu nối đã được phê duyệt tại VB 911/TTg-CN ngày 24/06/2020
123	Tà Năng - rẽ Đức Trọng - Di Linh (mạch xây mới)	2	x	20	Xây mới			x	x	Đồng bộ theo quy mô và tiến độ nguồn điện khu vực
124	Đông Quán Thê - Rẽ Vĩnh Tân - Trạm cắt 220 kV Quán Thê	2	x	1	Xây mới				x	Đồng bộ với tiến độ phát triển phụ tải chuyên dùng
125	Đông Quán Thê - Cà Ná	1	x	7	Xây mới				x	Đồng bộ với tiến độ phát triển phụ tải chuyên dùng
126	Hồng Phong - Rẽ Phan Thiết - Phan Rí	2	x	1	Xây mới	x			x	Đồng bộ theo quy mô và tiến độ nguồn điện khu vực
127	Hàm Cường - Hàm Thuận Nam	2	x	7	Xây mới	x			x	Đồng bộ theo quy mô và tiến độ nguồn điện khu vực
128	Phong điện 1 Bình Thuận - Rẽ Vĩnh Tân - Phan Thiết	2	x	4	Xây mới	x			x	Đồng bộ theo quy mô và tiến độ nguồn điện khu vực

TT	Tên đường dây	Số mạch	x	km	Loại công trình	Tiến độ vận hành		Nhà nước đầu tư	Xem xét xã hội hóa	Ghi chú
						2023-2025	2026-2030			
129	500 kV Hồng Phong - Rẽ Phan Rí - Phan Thiết	4	x	5	Xây mới		x	x		Đầu nối trạm 500 kV Hồng Phong
130	TĐ Trị An - Sông Mây 500 kV	1	x	24	Cải tạo		x	x		Cải tạo nâng khả năng tải, đảm bảo giải tỏa công suất nguồn điện
131	Nâng khả năng tải Phan Rí - Phan Thiết	2	x	52	Cải tạo		x	x		Cải tạo nâng khả năng tải đoạn tuyến tiết diện ACSR-2x330mm ² hiện có trên ĐD 220 kV Phan Rí - Phan Thiết để giải tỏa nguồn điện khu vực
132	Phan Rí - TĐ Đại Ninh	2	x	40	Xây mới		x	x		Tăng cường khả năng giải tỏa nguồn điện khu vực
133	Nâng khả năng tải Hàm Tân - Châu Đức và Hàm Tân - ĐMT Đá Bạc - Châu Đức	2	x	60	Cải tạo		x	x		Giải tỏa công suất nguồn điện khu vực
134	500 kV Sơn Mỹ - Rẽ Hàm Tân - Phước Thuận (Đất Đỏ)	4	x	4	Xây mới		x	x		Đầu nối TBA 500 kV Sơn Mỹ, xem xét chọn tiết diện phù hợp với tiết diện các ĐD 220 kV Hàm Tân - Châu Đức và Hàm Tân - ĐMT Đá Bạc - Châu Đức sau khi cải tạo
135	Tây Bắc Cù Chi - Cù Chi 500 kV	2	x	12	Xây mới		x	x		
136	Bình Chánh 1 - Đức Hòa	2	x	10	Xây mới		x	x		
137	Phú Hòa Đông - Rẽ Cù Chi - Cầu Bông	4	x	5	Xây mới		x	x		
138	Bình Chánh 2 - Rẽ Đức Hòa - Phú Lâm	4	x	2	Xây mới		x	x		
139	Nâng khả năng tải Cầu Bông - Cù Chi	2	x	22	Cải tạo		x	x		
140	Nâng khả năng tải Cầu Bông - Bình Tân - Phú Lâm	2	x	34	Cải tạo		x	x		
141	Đồng Xoài - Chợ Thành	2	x	20	Xây mới		x	x		
142	Bình Long - Chợ Thành (mạch 3, 4)	2	x	32	Xây mới		x	x		Giải tỏa nguồn điện khu vực

TT	Tên đường dây	Số mạch	x	km	Loại công trình	Tiến độ vận hành		Nhà nước đầu tư	Xem xét xã hội hóa	Ghi chú
						2023-2025	2026-2030			
143	Đông Bình Phước - Rẽ Bình Long - Điện phân nhôm	4	x	12	Xây mới		x		x	Đồng bộ theo quy mô và tiến độ nguồn điện khu vực
144	Nâng khả năng tải ĐD 220 kV Chơn Thành 500 kV - Mỹ Phước	2	x	45	Cải tạo		x	x		Cải tạo nâng khả năng tải, giải tỏa nguồn điện khu vực
145	Nâng khả năng tải ĐD 220 kV Mỹ Phước - Tân Định 500 kV	2	x	17	Cải tạo		x	x		Cải tạo nâng khả năng tải, giải tỏa nguồn điện khu vực
146	Tân Châu 1 - Tân Biên	2	x	16	Xây mới		x		x	Đồng bộ theo quy mô và tiến độ nguồn điện khu vực
147	500 kV Tây Ninh 2 - Rẽ ĐMT Hồ Dầu Tiếng - Tây Ninh	4	x	3	Xây mới		x	x		Đầu nối phía 220 kV trạm 500 kV Tây Ninh 2
148	500 kV Tây Ninh 2 - Tây Ninh (chuyển đầu nối đi Tân Biên)	2	x	6	Xây mới		x	x		Đầu nối phía 220 kV trạm 500 kV Tây Ninh 2
149	Tây Ninh 3 - 500 kV Tây Ninh 2	2	x	16	Xây mới		x	x		
150	Bến Cầu - 500 kV Tây Ninh 1	2	x	12	Xây mới		x	x		
151	Tân Định 2 - Bình Mỹ	2	x	14	Xây mới		x	x		
152	Biên Hòa - Rẽ Tân Uyên - Long Bình	4	x	1	Xây mới		x	x		
153	Dầu Giây - 500 kV Đồng Nai 2	2	x	30	Xây mới		x	x		
154	Dầu Giây - 500 kV Long Thành	2	x	12	Xây mới		x	x		
155	Đồng Nai 3 - Tân Uyên	2	x	55	Xây mới		x		x	Đồng bộ theo quy mô và tiến độ nguồn điện khu vực

TT	Tên đường dây	Số mạch	x	km	Loại công trình	Tiến độ vận hành		Nhà nước đầu tư	Xem xét xã hội hóa	Ghi chú
						2023-2025	2026-2030			
156	Nâng khả năng tải 220 kV Long Thành - An Phước - Tam Phước	2	x	16	Cải tạo		x	x		
157	Nâng khả năng tải 500 kV Long Thành - 220 kV Long Thành	2	x	19	Cải tạo		x	x		
158	Hố Nai - Rẽ Sông Mây - Tam Phước	4	x	1	Xây mới		x	x		
159	TP Phú Mỹ - Rẽ Phú Mỹ - Bà Rịa	4	x	2	Xây mới		x	x		
160	TP Phú Mỹ - Bắc Châu Đức 500 kV	2	x	30	Xây mới		x	x		
161	Nâng khả năng tải Bến Lức - Phú Lâm	2	x	28	Cải tạo		x	x		
162	Tân Lập - Rẽ 500 kV Đức Hòa - Long An	2	x	9	Xây mới		x	x		
163	Cần Giuộc - Rẽ 500 kV Long An - Nam Hiệp Phước	4	x	3	Xây mới		x	x		
164	LNG Long An I - 500 kV Long An	2	x	18	Xây mới		x	x		Đồng bộ với LNG Long An I, phụ thuộc tiến độ nguồn điện; kiến nghị thiết kế sân phân phối 220 kV LNG Long An I với sơ đồ linh hoạt phân đoạn thanh cái.
165	LNG Long An I - Bến Lức	2	x	30	Xây mới		x	x		Đồng bộ với LNG Long An I, phụ thuộc tiến độ nguồn điện; kiến nghị thiết kế sân phân phối 220 kV LNG Long An I với sơ đồ linh hoạt phân đoạn thanh cái
166	Lấp Vò - Hồng Ngự	2	x	55	Xây mới		x	x		
167	500 kV Tiền Giang - Rẽ Vĩnh Long - Sa Đéc	4	x	15	Xây mới		x	x		
168	500 kV Tiền Giang - Rẽ Cai Lậy - Cao Lãnh	4	x	4	Xây mới		x	x		

TT	Tên đường dây	Số mạch	x	km	Loại công trình	Tiến độ vận hành		Nhà nước đầu tư	Xem xét xã hội hóa	Ghi chú
						2023-2025	2026-2030			
169	Nâng khả năng tải Trà Vinh - Vĩnh Long 2	2	x	62	Cải tạo		x	x		
170	Bạc Liêu 3 - 500 kV Bạc Liêu	2	x	30	Xây mới		x		x	Đồng bộ theo quy mô và tiến độ nguồn điện khu vực
171	Bạc Liêu 4 - 500 kV Bạc Liêu	2	x	10	Xây mới		x		x	Đồng bộ theo quy mô và tiến độ nguồn điện khu vực
172	Trần Đề - 500 kV Long Phú	2	x	24	Xây mới		x		x	Đồng bộ theo quy mô và tiến độ nguồn điện khu vực
173	Mỏ Cày - 500 kV Mỹ Tho	2	x	42	Xây mới		x	x		Đồng bộ theo quy mô và tiến độ nguồn điện khu vực
174	Vĩnh Châu - Rẽ Long Phú - Sóc Trăng (mạch 2)	2	x	20	Xây mới		x	x		Đầu nối trạm 220 kV Vĩnh Châu chuyển tiếp trên mạch còn lại của ĐD 220 kV Long Phú - Sóc Trăng
175	500 kV Bạc Liêu - Rẽ Giá Rai - Hòa Bình	4	x	6	Xây mới		x	x		Đồng bộ trạm 500 kV Bạc Liêu
176	Đường dây 220 kV đầu nối tạm nhà máy điện Nhơn Trạch 3 - rẽ Nhơn Trạch 1, 2 - Bà Sen					x		x		Thực hiện đầu nối tạm để cấp điện thử nghiệm và giải tỏa công suất Nhà máy điện Nhơn Trạch 3 khi dự án đường dây 220 kV Nhơn Trạch 3 - TBA 500 kV Long Thành chưa vào vận hành. Đường dây đầu nối tạm sẽ được tháo dỡ thu hồi khi đường dây 220 kV NMĐ Nhơn Trạch 3 - Long Thành vào vận hành.
177	Dự phòng phát sinh đường dây 220 kV cải tạo và xây mới		430		Xây mới và cải tạo	x	x	x	x	Dự phòng cho tăng trưởng phụ tải và phát triển nguồn điện

Ghi chú:

1. Đối với trạm biến áp

- Danh mục trạm biến áp không bao gồm các trạm biến áp nâng áp của các dự án nguồn điện. Riêng với nguồn điện gió ngoài khơi, các trạm nâng áp vẫn được đưa vào danh mục trạm biến áp 500 kV để thuận lợi cho việc thỏa thuận quỹ đất đặt trạm, nhưng không được thống kê vào tổng khối lượng xây dựng và vốn đầu tư các công trình lưới điện. Công suất trong bảng là tổng công suất của các máy biến áp của trạm. Trong quá trình thực hiện của mỗi giai đoạn, quy mô của trạm biến áp sẽ được lựa chọn phù hợp với nhu cầu phụ tải và giải tỏa công suất nguồn điện.

- Trong trường hợp có sự tăng trưởng phụ tải ở một số khu vực một cách đột biến dẫn đến phải thay đổi, bổ sung quy mô, kết lưới đường dây và trạm thì báo cáo Thủ tướng Chính phủ cho phép triển khai.

2. Đối với đường dây

- Chiều dài đường dây sẽ được chuẩn xác trong giai đoạn chuẩn bị đầu tư.

- Trong trường hợp có sự tăng trưởng phụ tải ở một số khu vực một cách đột biến dẫn đến phải thay đổi, bổ sung quy mô, kết lưới đường dây và trạm thì báo cáo Thủ tướng Chính phủ cho phép triển khai.

3. Đối với các dự án năng lượng tái tạo chưa được phê duyệt trong danh mục nguồn điện lần này, lưới điện đồng bộ đấu nối các dự án này sẽ được rà soát và chuẩn xác trong lần phê duyệt bổ sung;